CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ THẠCH ANH TẤM LỚN SỬ DỤNG CHẤT KẾT DÍNH POLYME RUNG ÉP TRONG MÔI TRƯỜNG CHÂN KHÔNG, CÓ GIA NHIỆT VÀ XƯỞNG SẢN XUẤT SẢN PHẨM DI ĐỘNG TỰ HÀNH

Địa điểm:

Lô đất số CN2-10, Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

PHỤ LỤC 2
CÁC HỢP ĐỒNG
THU GOM, XỬ LÝ CHẤT THẢI

HÀ NỘI - THÁNG 10, 2026

(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:02/2017/HĐ/XLRTSH

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005.

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005.

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014.

- Căn cứ nhu cầu hai bên.

Hôm nay ngày 27 tháng 04 năm 2017, tại Trụ sở Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A & A, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ	:	Số 167 Phố Hoàng Ngân, Phường Trung hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	:	04. 35551411
Mã số thuế	:	0104961939
Người đại diện	:	Ông Phạm Anh Tuấn Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Giấy Ủy quyền số 16./2017/UQ-PHX ngày 27 tháng 04 năm 2017)

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11-URENCO 11

- Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Điện thoại: 0321.3999.072 Fax: 0321.3981.489
- Mã số thuế: 0900291087
- Tài khoản: 2405 201 002 417 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Lâm - Phòng giao dịch Chi Đạo.
- Đại diện: Ông **Nguyễn Đình Hải** Chức vụ: **Giám đốc Công ty**

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký hợp đồng với những điều khoản như sau:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng

Bên A thuê bên B thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt (sau đây gọi là chất thải) theo đúng các quy định về bảo vệ môi trường hiện hành của Việt Nam.

Điều 2: Đặc tính chất thải, địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển:

1. Đặc tính chất thải: (Theo Phụ lục 01 đính kèm).
2. Địa điểm bên A giao, bên B nhận chất thải: Tại khu vực tập kết rác thải sinh hoạt của Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A & A, khu công nghiệp công nghệ cao 2. Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.
3. Địa điểm xử lý chất thải: Khu xử lý chất thải tại Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11, xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Trong trường hợp Bên B có nhu cầu thay đổi hoặc bổ sung địa điểm xử lý chất thải, Bên B phải có thông báo và được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A trước khi thay đổi, bổ sung.

4. Thời gian giao nhận: Bên B phải đến nhận toàn bộ chất thải trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng điện thoại số: 04. 35551411 của Bên A.
5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đảm bảo đúng các xe đủ điều kiện vận chuyển chất thải của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (biển số ghi trong Hồ sơ giới thiệu năng lực). Trường hợp bên B thuê phương tiện vận chuyển bên ngoài phải báo trước và được sự đồng ý của bên A mới được phép vận chuyển.

Hồ sơ giới thiệu năng lực của bên B là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này.

6. Bên B tự bố trí người và phương tiện bốc xếp rác thải sinh hoạt từ thùng chứa đặt tại bên A lên xe vận chuyển chất thải của bên B.
7. Các Bên thông báo trước cho nhau bằng văn bản về người đại diện của mình có thẩm quyền thực hiện và ký các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc giao nhận. Các cá nhân này có trách nhiệm bàn giao và xác nhận số lượng giao nhận chính xác làm cơ sở thanh toán giữa các bên.

- Hồ sơ giao nhận phải đúng đủ theo quy trình giao nhận giữa 2 bên. Về số lượng giao nhận phải khớp từ đầu ra của bên A đến đầu cuối của bãi xử lý rác thải sinh hoạt được quy định trong hợp đồng này. Trong trường hợp bên B thay đổi bãi xử lý rác thải sinh hoạt thì phải được thống nhất với bên A thông qua các phụ lục hợp đồng.
- Thời điểm bàn giao chất thải từ Bên A sang Bên B được xác định là sau khi chất thải được bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của Bên B và hai bên ký biên bản bàn giao cho từng chuyến xe (Phụ lục 02)

Điều 3: Đơn giá và hình thức thanh toán

1. Đơn giá vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt theo Phụ lục số 01 (các đơn giá này là đơn giá trọn gói đã bao gồm thuế GTGT, các loại thuế và chi phí khác).

Phụ lục số 01 là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này

2. Đơn giá sẽ được xem xét điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường bằng các phụ lục hợp đồng thông qua sự đàm phán và nhất trí giữa 2 bên.

3. Hình thức thanh toán: Bên A sẽ thanh toán tiền cho bên B bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản 2405 201 002 417 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Lâm-Văn phòng giao dịch Chi Đạo

4. Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán tiền vận chuyển và xử lý cho bên B theo từng tháng trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn tài chính của bên B kèm theo biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải đã vận chuyển, xử lý hàng tháng tại điểm xử lý phù hợp với quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 4. Trường hợp Bên A thanh toán không đúng hạn, Bên A sẽ phải chịu mức phí được tính dựa vào căn cứ lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành áp dụng với khối doanh nghiệp tại thời điểm đó trên tổng số tiền thanh toán chậm.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên

1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

a) Bên A có quyền kiểm tra việc tuân thủ của Bên B trong vận chuyển và xử lý chất thải đến đúng địa điểm và đúng quy định trong hợp đồng này.

b) Kiểm soát và phân loại chất thải từ nguồn. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải bên A phải thông báo trước bằng văn bản cho bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

c) Tạo điều kiện cho bên B trong việc tiếp nhận chất thải.

d) Bên A có toàn quyền kiểm tra, giám sát bên B trong quá trình vận chuyển và xử lý chất thải.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng:

a) Bên B chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật về điều kiện của phương tiện vận chuyển chất thải và việc thu gom, vận chuyển, xử lý, ô nhiễm môi trường sau khi Bên A bàn giao chất thải cho Bên B.

b) Bên B không được phép thuê bên thứ 3, xử lý chất thải của Bên A khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

c) Bên B không được phép xử lý chất thải bên ngoài khu vực đã được hai bên thống nhất quy định tại Điều 2 Hợp đồng này.

d) Trong trường hợp chất thải không được xử lý theo đúng quy trình quy định của pháp luật dẫn đến gây thiệt hại cho môi trường, cây cối, con người, vật nuôi,... thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

e) Bên B chịu trách nhiệm rằng: 100% khối lượng chất thải tiếp nhận từ Bên A được Bên B vận chuyển đến địa điểm xử lý nêu tại Điều 2. Trường hợp bên B thuê bên thứ ba xử lý rác thải sinh

hoạt thì bên thứ ba phải xác nhận biên bản khối lượng này. Khi đó bên B phải cung cấp cho bên A biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải đã vận chuyển, xử lý hàng tháng tại điểm xử lý được ký, đóng dấu của cá nhân có thẩm quyền giữa bên B với bên thứ ba để làm cơ sở cho việc thanh toán theo Điều 3.

f) Khi nhận được bất kỳ thông tin phản hồi nào về việc vận chuyển và xử lý chất thải không đúng quy định của pháp luật môi trường hoặc các điều khoản ghi trong Hợp đồng này, Bên B phải nhanh chóng cử ngay cán bộ đi xác minh thông tin và tiến hành khắc phục trong vòng 12 giờ kể từ khi xác nhận nguồn thông tin là chính xác, thông báo ngay kể từ khi biết thông tin cho Bên A kết quả, thời gian khắc phục để Bên A cử cán bộ đi giám sát.

g) Cung cấp cho Bên A Hồ sơ năng lực, các bản sao chứng thực các loại giấy phép thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và hợp đồng giữa Bên B với đơn vị xử lý rác thải sinh hoạt kèm theo hồ sơ năng lực cùng giấy phép của đơn vị xử lý (trường hợp bên B thuê bên thứ ba xử lý);

h) Cùng bên A xác định khối lượng chất thải đã thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hàng tháng.

i) Nhân viên của Bên B đến làm việc tại trụ sở của Bên A phải tuyệt đối tuân thủ những quy định về ăn mặc, giao tiếp, an toàn giao thông...do bên A đặt ra.

j) Bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do nhân viên, phương tiện, máy móc của Bên B gây ra cho tài sản của Bên A và/hoặc bên thứ ba.

Điều 5: Đơn phương chấm dứt hợp đồng

Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:

- Bên B không nhận hoặc nhận chậm chất thải của Bên A quá 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A
- Vận chuyển, xử lý chất thải không đúng quy định tại hợp đồng này, không đúng quy định của pháp luật.
- Bên A đã thông báo bằng văn bản trước cho Bên B 30 ngày trước khi muốn chấm dứt hợp đồng
- Bên B vi phạm các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này.

Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:

- Bên A không thanh toán hoặc thanh toán chậm quá 30 ngày kể từ ngày đến hạn
- Bên B đã thông báo bằng văn bản trước cho Bên A 60 ngày trước khi muốn chấm dứt hợp đồng

Điều 6: Phạt vi phạm Hợp đồng

1. Trường hợp Bên B vi phạm một trong các Điểm: a, b, c, e thuộc Khoản 2, Điều 4 của Hợp đồng này thì sẽ bị phạt 100% tổng giá trị tiền dịch vụ vận chuyển, xử lý của đợt vận chuyển đó.

2. Các khoản tiền phạt này Bên A sẽ trừ trực tiếp vào Biên bản nghiệm thu vận chuyển, xử lý chất thải của tháng đó.

Điều 7: Giải quyết tranh chấp

- Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.
- Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

Điều 8: Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 27/04/2017 đến hết ngày 27/04/2018.
- Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 03 bản để thực hiện.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vấn đề phát sinh thì hai bên sẽ cùng thương lượng để giải quyết, trường hợp không thống nhất được thì sự việc sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn	*Nguyễn Đình Hải*

PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số:02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/4/2017)

ĐƠN GIÁ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT

(Áp dụng từ ngày 27/04/2017 đến hết ngày 27/04/2018)

TT	Loại chất thải	Đặc tính chất thải	Phương pháp xử lý	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)
1	Rác thải sinh hoạt	Rắn	Chôn lấp	Kg	01	1.800

(Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%)

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Tuấn

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Hải

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số:02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/4/2017)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC THẢI SINH HOẠT

(Số:...../BGRTSH)

Hôm nay, ngày .... tháng.... năm..... tại CTCP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A & A, chúng tôi gồm:

1. **Đại diện bên giao**

Ông:..... Chức vụ:.....

2. **Đại diện bên nhận**

Ông:..... Chức vụ:.....

3. **Đại diện bảo vệ**

Ông:..... Chức vụ:.....

Chúng tôi cùng nhau bàn giao rác thải sinh hoạt của CTCP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A như sau:

- **Thời điểm bàn giao:**.....h.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

(Đồng thời là thời điểm xe xuất phát từ CTCP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A về bãi xử lý)

- **Biển số xe vận chuyển chất thải:**.....
- **Khối lượng chất thải (kg):**.....
- **Điểm đến bãi xử lý:** Khu xử lý chất thải tại Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11, xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO **ĐẠI DIỆN BẢO VỆ** **ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 03

(Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số 02/2017/HĐ/XLRTSH ký ngày 27/04/2017)

Hôm nay, ngày 22 tháng 08 năm 2017, chúng tôi gồm:

Bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Địa chỉ: Số 167 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0244. 35551411

Người đại diện: Ông **Phạm Anh Tuấn** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

Mã số thuế: 0104961939

Bên B: **Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - URENCO11**

Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0221 3 999 072 Fax: 0321 3 981 489

Người đại diện: Ông **Nguyễn Đình Hải** Chức vụ: **Giám đốc**

Mã số thuế: 0900291087

Hai bên thống nhất sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số *02/2017/HĐ/XLRTSH* ký ngày 27/04/2017, như sau:

1. Bổ sung đơn giá vận chuyển vào Phụ lục số 01 của Hợp đồng, cụ thể:

Phụ lục 01:

TT	Loại chất thải	Đặc tính chất thải	Phương pháp xử lý	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)
1	Rác thải sinh hoạt	Rắn	Chôn lấp	Kg	01	1.800

(Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%)

Sửa đổi:

TT	Loại chất thải	Đặc tính chất thải	Phương pháp xử lý	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	Rắn	Chôn lấp	Kg	01	1.800	Không thay đổi
2	Chi phí vận chuyển			Chuyến	01	1.500.000	Áp dụng từ ngày 01/09/2017

(Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%)

2. Điều khoản chung:

- Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số *02/2017/HĐ/XLRTSH* ký ngày 27/04/2017, các điều khoản khác của Hợp đồng giữ nguyên không thay đổi.
- Phụ lục này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 09 năm 2017 và được lập thành 06 bản tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 03 bản để thực hiện.

Đại diện Bên A	**Đại diện Bên B**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn	*Nguyễn Đình Hải*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2019

PHỤ LỤC SỐ 04

V/v: Điều chỉnh nội dung Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số: 02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/04/2017

- *Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ban hành ngày 13/5/2019, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2019 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*
- *Căn cứ theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số:02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/04/2017 giữa Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-URENCO 11*
- *Căn cứ theo tình hình thực tế về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải không nguy hại đã thống nhất giữa hai bên:*

Hôm nay, ngày 28 tháng 06 năm 2019, tại Trụ sở Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ	:	Số 167 Phố Hoàng Ngân, Phường Trung hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	:	024. 35551411
Mã số thuế	:	0104961939
Người đại diện	:	Ông **Phạm Anh Tuấn** Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

II. BÊN B - CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11-URENCO 11

Địa chỉ	:	Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	
Điện thoại	:	0221.3999.072	Fax: 0221.3981.489
Tài khoản	:	1912 998 468 8699	Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên
Mã số thuế	:	0900291087	
Người đại diện	:	Ông **Nguyễn Đình Hải**	Chức vụ: **Giám đốc Công ty**

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký bổ sung Phụ lục hợp đồng về việc điều chỉnh nội dung Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số: 02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/04/2017 giữa Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-URENCO 11, cụ thể:

Điều 1. Sửa đổi mẫu biên bản bàn giao rác thải sinh hoạt tại Phụ lục số 02 của hợp đồng số: 02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/04/2017, cụ thể:

Mẫu biên bản hiện hành:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO RÁC THẢI SINH HOẠT

(Số:...../BGRTSH)

Hôm nay ngày .... tháng.... năm..... tại Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, chúng tôi gồm:

1. **Đại diện bên giao**

Ông:..... Chức vụ:.....

Ông:..... Chức vụ:.....

2. **Đại diện bên nhận**

Ông:..... Chức vụ:.....

3. **Đại diện bảo vệ**

Ông:..... Chức vụ:.....

Chúng tôi cùng nhau bàn giao chất thải thông thường của Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A như sau:

- **Thời điểm bàn giao:**.....h.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

(đồng thời là thời điểm xe xuất phát từ Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A về bãi xử lý)

- **Chất thải bàn giao:**.....
- **Biển số xe vận chuyển chất thải:**.....
- **Khối lượng chất thải (kg):**.....
- **Điểm đến bãi xử lý:** Khu xử lý chất thải stại Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11, xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO **ĐẠI DIỆN BẢO VỆ** **ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN**

Đổi thành:

TỈNH/THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:..... /20 ....

1. Bên giao (chủ nguồn thải): **Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**
Địa chỉ văn phòng: Số 167 Phố Hoàng Ngân, Phường Trung hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam. ĐT: 024. 35551411
Địa chỉ cơ sở: Khu CNC 2, Khu CNC Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **Công Ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp 11-URENCO 11**
Địa chỉ văn phòng: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam ĐT: 0221.3999.072
Địa chỉ cơ sở xử lý: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam ĐT: 0221.3999.072

3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (kg)	Ghi chú
1			
	Tổng khối lượng (kg)		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 20.... **BÊN GIAO**		Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 20..... **BÊN NHẬN**
Cán bộ thực hiện *(ký, ghi họ tên)*	Bảo vệ *(ký, ghi họ tên)*	Cán bộ thực hiện *(ký, ghi họ tên)*

Điều 2. Điều khoản chung

- Các điều khoản khác trong hợp đồng số 02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/04/2017 giữ nguyên không thay đổi.
- Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/04/2017 .
- Phụ lục này được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Hải

(3)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2018

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

V/v: Gia hạn, điều chỉnh Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số: 02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/04/2017

- *Căn cứ theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số: 02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/04/2017 giữa Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-URENCO 11*
- *Căn cứ theo tình hình thực tế về việc thu gom, vận chuyển và xử lý Rác thải sinh hoạt đã thống nhất giữa hai bên:*

Hôm nay ngày 06 tháng 04 năm 2018, tại Trụ sở Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, chúng tôi gồm:

I. BÊN A – CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ	:	Số 167 Phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	:	(024) 35551411
Mã số thuế	:	0104961939
Người đại diện	:	Ông Phạm Anh Tuấn — Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

II. BÊN B - CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11-URENCO 11

Địa chỉ	:	Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	
Điện thoại	:	0221.3999.072	Fax: 0221.3981.489
Tài khoản	:	2405 201 002 417	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Lâm - Phòng giao dịch Chỉ Đạo
Mã số thuế	:	0900291087	
Người đại diện	:	Ông **Nguyễn Đình Hải**	Chức vụ: Giám đốc Công ty

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký bổ sung Phụ lục hợp đồng về việc gia hạn, điều chỉnh nội dung trong Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số: 02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/04/2017 giữa Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-URENCO 11, cụ thể:

Điều 1. Sửa đổi hiệu lực hợp đồng quy định tại Điều 8 Hợp đồng số 02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/04/2017 , cụ thể:

"Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 27/04/2017 đến hết ngày 27/04/2018"

Đổi thành:

"Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 27/04/2017 đến hết ngày 27/04/2019"

Điều 2. Sửa đổi thời hạn áp dụng đơn giá vận chuyển và xử lý Rác thải sinh hoạt trong Phụ lục số 01 của 02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/04/2017, cụ thể:

ĐƠN GIÁ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT
(Áp dụng từ ngày 27/04/2017 đến hết ngày 27/04/2018)

Đổi thành:

ĐƠN GIÁ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT
(Áp dụng từ ngày 27/04/2017 đến hết ngày 27/04/2019)

Điều 3. Điều khoản chung

- Các điều khoản khác trong hợp đồng số 02/2017/HĐ/XLRTSH giữ nguyên không thay đổi.
- Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27 tháng 04 năm 2017.
- Phụ lục này được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn	Nguyễn Đình Hải

(4)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2019

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

V/v: Gia hạn, điều chỉnh Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số:02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/04/2017

- *Căn cứ theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số:02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/04/2017 giữa Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-URENCO 11*
- *Căn cứ theo tình hình thực tế về việc thu gom, vận chuyển và xử lý Rác thải sinh hoạt đã thống nhất giữa hai bên:*

Hôm nay ngày 23 tháng 04 năm 2019, tại Trụ sở Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, chúng tôi gồm:

I. BÊN A– CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ	:	Số 167 Phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	:	(024) 35551411
Mã số thuế	:	0104961939
Người đại diện	:	Ông Phạm Anh Tuấn — Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

II. BÊN B - CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11-URENCO 11

Địa chỉ	:	Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Điện thoại	:	0221.3999.072 — Fax: 0221.3981.489
Tài khoản	:	1912 998 468 8699 — Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên
Mã số thuế	:	0900291087
Người đại diện	:	Ông **Nguyễn Đình Hải** — Chức vụ: **Giám đốc Công ty**

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký bổ sung Phụ lục hợp đồng về việc gia hạn, điều chỉnh nội dung trong Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số: 02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/04/2017 giữa Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-URENCO 11, cụ thể:

Điều 1. Sửa đổi hiệu lực hợp đồng quy định tại Điều 8 Hợp đồng số 02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/04/2017 , cụ thể:

"Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 27/04/2017 đến hết ngày 27/04/2018"

Đổi thành:

"Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 27/04/2017 đến hết ngày 27/04/2020. Hết hạn hợp đồng, nếu một trong hai bên không có nhu cầu về việc thanh lý hợp đồng thì Hợp đồng này được tiếp tục gia hạn một năm nữa và các năm tiếp theo cũng như vậy"

Điều 2. Điều khoản chung

- Các điều khoản khác trong hợp đồng số 02/2017/HĐ/XLRTSH giữ nguyên không thay đổi.
- Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27 tháng 04 năm 2017.
- Phụ lục này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn	Nguyễn Đình Hải

CTCP TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Số: 64A/2017/UQ-PHX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà nội, ngày 22 tháng 11 năm 2017

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-Urenco 11

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;*
- *Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 thông qua ngày 17/10/2010; Sửa đổi ngày 07/9/2017;*

I. NGƯỜI ỦY QUYỀN

Ông: HỒ XUÂN NĂNG

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chứng minh nhân dân số: 036064000067

Ngày cấp: 05/08/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

II. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Mẫu chữ ký

Ông: PHẠM ANH TUẤN

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty

Chứng minh nhân dân số: 033081001500

Ngày cấp: 08/06/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

III. NỘI DUNG

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A ủy quyền cho ông Phạm Anh Tuấn – Phó Tổng giám đốc Công ty thực hiện các công việc: đàm phán, thương thảo, ký kết, chỉ đạo thực hiện và làm thủ tục thanh lý **Hợp đồng số:01/2018/HĐCN/URENCO11** ký ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường đô thị và công nghiệp 11 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp
2. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau khi Ông Phạm Anh Tuấn thực hiện xong công việc ủy quyền hoặc khi có văn bản khác của Công ty thay thế Giấy ủy quyền này.
3. Ông Phạm Anh Tuấn hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nội dung được ủy quyền trên.

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *Lưu VT và BAT;*

NGƯỜI ỦY QUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP

Số: ...01.../2018/HĐCN/URENCO11

- *Căn cứ Bộ luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;*
- *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;*
- *Căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;*
- *Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.*

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2018, chúng tôi gồm:

Bên A: **Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Địa chỉ: Số 167 Phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.62823716

Người đại diện: Ông **Phạm Anh Tuấn** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Mã số thuế: 0104961939

(Giấy Ủy quyền số.64.A/2017/UQ-PHX ngày 22 tháng 11 năm 2017)

và

Bên B: **Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - URENCO11**

Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0321 3 999 072 Fax: 0321 3 981 489

Người đại diện: Ông **Nguyễn Đình Hải** Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0900291087

Tài khoản số: 2405201002417 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Lâm- Phòng giao dịch Chi Đạo

(Bên A và Bên B được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "các Bên" hoặc "hai Bên")

Hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng này với những điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. Chủng loại chất thải và đơn giá xử lý.

1.1. Bên A đồng ý chuyển giao và Bên B đồng ý thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A với đơn giá cụ thể như sau: (**Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT 10%)**

TT	Loại chất thải	Phương pháp xử lý	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)
1	Chất thải công nghiệp thông thường *(nilon, vỏ bao không dính thành phần nguy hại)*	Thiêu đốt	Kg	01	2.800

1.2. Khối lượng của từng loại chất thải được xác nhận theo nhật ký vận chuyển thực tế theo từng đợt thụ gom tại địa điểm thu gom của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.

1.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh chất thải khác thì hai Bên sẽ lập bổ sung thêm phụ lục Hợp đồng cho từng loại chất thải phát sinh.

1.4. Khi có đề xuất thay đổi Bên B phải gửi công văn cho Bên A để hai bên bàn bạc, thống nhất. Mọi sự thay đổi về giá theo thỏa thuận, hai bên sẽ thống nhất trong các Phụ lục hợp đồng.

Điều 2. Đặc tính chất thải, địa điểm, thời gian giao nhận và phương tiện vận chuyển

2.1. Đặc tính chất thải: Chất thải công nghiệp không chứa các thành phần nguy hại.

2.2. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại Nhà máy của Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A (Địa chỉ: Khu công nghệ cao Hòa Lạc 2 – Khu công nghệ cao Hòa Lạc – xã Thạch Hòa – Huyện Thạch Thất – Thành phố Hà Nội – Việt Nam).

2.3. Địa điểm xử lý chất thải: Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO 11 (xã Đại Đồng, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên)

2.4. Thời gian giao nhận: Bên A thông báo thời gian giao nhận chất thải cho Bên B trước ít nhất 01 ngày để bên B có thời gian chuẩn bị phương án thu gom, phương tiện vận chuyển.

2.4. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh, để vận chuyển chất thải theo quy định của Bên A và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thanh toán và thời hạn thanh toán

3.1 Điều khoản thanh toán

a. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B dựa trên hóa đơn tài chính và biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai Bên mỗi tháng một lần hoặc theo từng đợt phát sinh căn cứ vào thỏa thuận của hai bên.

b. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B sau khi Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

3.2 Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ tiến hành thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi Bên

4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

a. Bên A hoàn tất các thủ tục cần thiết khác một cách nhanh chóng, tạo thuận lợi cho Bên B vào và thu gom, vận chuyển chất thải ra khỏi nhà máy Bên A.

b. Chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các loại chất thải không giao cho Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.

c. Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo cho bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh đơn giá phù hợp.

d. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B theo các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.

e. Trong thời gian ký hợp đồng với Bên B, Bên A không được ký hợp đồng xử lý chất thải với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

f. Bên A được quyền yêu cầu Bên B bồi thường trong trường hợp Bên B gây ra thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và pháp luật liên quan.

4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

a. Phải tuân thủ những chính sách, quy định nội bộ của Bên A, như chính sách môi trường, các quy định liên quan khác và chỉ dẫn của người phụ trách Bên A trong suốt quá trình làm việc ở nhà máy của Bên A.

b. Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.

- Bên B chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật về điều kiện của phương tiện vận chuyển chất thải và việc thu gom, vận chuyển, xử lý, ô nhiễm môi trường sau khi Bên A bàn giao chất thải cho Bên B.
- Bên B không được phép xử lý chất thải bên ngoài khu vực đã được hai bên thống nhất quy định tại Điều 2 Hợp đồng này.
- Bên B không được phép thuê bên thứ 3, xử lý chất thải của Bên A khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A;
- Trong trường hợp chất thải không được xử lý theo đúng quy trình quy định của pháp luật dẫn đến gây thiệt hại cho môi trường, cây cối, con người, vật nuôi,... thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

c. Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A. Không để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Nếu để chất thải rò rỉ, phát tán ra môi trường, Bên B phải chịu trách nhiệm, chi phí xử lý.

d. Trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng này, Bên B phải luôn đảm bảo có và duy trì các loại giấy phép do cơ quan nhà nước cấp liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý

chất thải và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

e. Bên B cam kết tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của hóa đơn, của các chứng từ khác phát hành cho Bên A. Bên B cam kết bồi thường mọi thiệt hại trực tiếp và gián tiếp cho Bên A và bên thứ ba (nếu có) do việc sử dụng hóa đơn, chứng từ không tuân thủ quy định của pháp luật do Bên B gây ra.

f. Khi nhận được bất kỳ thông tin phản hồi nào về việc vận chuyển và xử lý chất thải không đúng quy định của pháp luật môi trường hoặc các điều khoản ghi trong Hợp đồng này, bên B phải nhanh chóng cử ngay cán bộ đi xác minh thông tin và tiến hành khắc phục trong vòng 12 giờ kể từ khi xác nhận nguồn thông tin là chính xác, thông báo ngay kể từ khi biết thông tin cho bên A kết quả, thời gian khắc phục để bên A cử cán bộ đi giám sát.

Điều 5. Thực thi hợp đồng

5.1 Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên. Trong trường hợp phát sinh công việc không nằm trong nội dung của hợp đồng thì hai Bên cùng thỏa thuận bàn bạc thống nhất và lập thành phụ lục bổ sung cho hợp đồng này.

5.2 Hợp đồng sẽ không còn hiệu lực trong các trường hợp sau:

a. Hết hạn hợp đồng.

b. Khi có bất kỳ thay đổi nào của pháp luật Việt Nam hoặc có quyết định của các cấp có thẩm quyền cho rằng hợp đồng này không có giá trị thực hiện.

c. Bên A hoặc Bên B ngừng sản xuất hoặc phá sản.

d. Bên A hoặc Bên B có liên quan đến bất kỳ một vụ việc vi phạm pháp luật nào.

e. Bên B bán cơ sở kinh doanh cho bên thứ 3, Bên B đổi chủ sở hữu hoặc chuyển quyền hợp đồng cho bên thứ 3 mà chưa được sự cho pháp của Bên A bằng văn bản.

5.3 Ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng trong khoản 5.2 điều này; trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên nào muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước một (01) tháng bằng văn bản cho Bên kia.

Điều 6. Giải quyết tranh chấp

6.1 Hợp đồng này được điều chỉnh bởi các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

6.2 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh về các điều khoản của hợp đồng, đầu tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau trong vòng 30 ngày. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Chi phí tố tụng của các Bên, bao gồm cả chi phí hợp lý thuê luật sư, sẽ do Bên thua kiện chi trả.

Điều 7. Những điều khoản khác

7.1 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

7.2 Trong trường hợp một hoặc nhiều Điều, khoản, điểm trong hợp đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định hiện hành của pháp luật thì các Điều, khoản, điểm khác của hợp đồng này vẫn có hiệu lực thi hành đối với hai Bên.

7.3 Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên.

Hợp đồng giữa URENCO11 và Phượng Hoàng Xanh A&A được lập thành 06 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau (mỗi Bên giữ 03 bản).

Đại diện Bên A	**Đại diện Bên B**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn	*Nguyễn Đình Hải*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2018

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

V/v: Gia hạn, điều chỉnh Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp số: 01/2018/HĐCN/URENCO11 ngày 02/01/2018

- *Căn cứ theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp số: 01/2018/HĐCN/URENCO11 ngày 02/01/2018 giữa Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-URENCO 11*
- *Căn cứ theo tình hình thực tế về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp đã thống nhất giữa hai bên:*

Hôm nay ngày 12 tháng 12 năm 2018, tại Trụ sở Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, chúng tôi gồm:

I. BÊN A – CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ	:	Số 167 Phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	:	(024) 35551411
Mã số thuế	:	0104961939
Người đại diện	:	Ông Phạm Anh Tuấn — Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

II. BÊN B - CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11-URENCO 11

Địa chỉ	:	Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	
Điện thoại	:	0221.3999.072	Fax: 0221.3981.489
Tài khoản	:	19129984688699	Ngân hàng Thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên.
Mã số thuế	:	0900291087	
Người đại diện	:	Ông **Nguyễn Đình Hải**	Chức vụ: Giám đốc Công ty

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký bổ sung Phụ lục hợp đồng về việc gia hạn, điều chỉnh nội dung trong Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp số: 01/2018/HĐCN/URENCO11 ngày 02/01/2018 giữa Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-URENCO 11, cụ thể:

Điều 1. Sửa đổi hiệu lực hợp đồng quy định tại Khoản 7.1, Điều 7 Hợp đồng số 01/2018/HĐCN/URENCO11 ngày 02/01/2018 , cụ thể:

"Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018"

Đổi thành:

"Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Hết hạn hợp đồng, nếu một trong hai bên không có nhu cầu về việc thanh lý hợp đồng thì Hợp đồng này được tiếp tục gia hạn một năm nữa và các năm tiếp theo cũng như vậy"

Điều 2. Điều khoản chung

- Các điều khoản khác trong hợp đồng số 01/2018/HĐCN/URENCO11 giữ nguyên không thay đổi.
- Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019 và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 01/2018/HĐCN/URENCO11 ngày 02/01/2018 .
- Phụ lục này được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn	Nguyễn Đình Hải

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2019

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số:.....393...../2019/HĐCNDT

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 được Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2017.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014

- Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về quản lý chất thải nguy hại có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2015.

- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần MTĐT và Công nghiệp 11 - Urenco 11 số 1-2-3.022.VX được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 30/12/2016.

- Căn cứ đề nghị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A về việc vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại.

Hai bên chúng tôi gồm:

I. CHỦ NGUỒN THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A (BÊN A)

Địa chỉ	:	Số 167 Phố Hoàng Ngân, Phường Trung hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	:	024. 35551411
Mã số thuế	:	0104961939
Người đại diện	:	Ông Phạm Anh Tuấn Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

Giấy ủy quyền số : 2506...../2019/UQ-PHX ngày 25 tháng 6.....năm 2019

II. CHỦ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI - CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 - URENCO 11 (BÊN B)

Đại diện : Ông **Nguyễn Đình Hải** Chức vụ: **Giám đốc**
Địa chỉ : Xã Đại Đồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên
Điện thoại : 0221.3999.072 Fax: 0221.3981.489
Mã số thuế : 0900291087
Tài khoản số : 2405201002417 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Lâm - Phòng giao dịch Chi Đạo

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

(1) Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại của Bên B.

(2) "Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng này và ký Biên bản thanh lý chấm dứt Hợp đồng và/hoặc các trường hợp chấm dứt hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều 8 Hợp đồng này."

ĐIỀU 2. GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

(1) Đặc tính chất thải: Chất thải nguy hại ở dạng rắn, lỏng.

(2) Tại kho lưu chứa chất thải tạm thời của Bên A

Địa chỉ:Tại nhà máy thuộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A - Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Xã Thạch Hòa, Huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Thời gian giao nhận: sau khi Bên A báo trước cho bên B hai (02) ngày.

Điện thoại thường trực khi gọi lấy rác thải: 0221 3999 072 hoặc liên hệ trực tiếp với nhân viên ký kết hợp đồng.

Đường dây nóng: Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp 11 - Urenco 11, điện thoại: 0221 3 999 072.

(3) Giao nhận chất thải:

Các Bên thông báo trước cho nhau về người đại diện của mình có thẩm quyền thực hiện và ký các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc giao nhận. Các cá nhân này có trách nhiệm bàn giao và xác nhận số lượng giao nhận chính xác làm cơ sở thanh toán giữa các Bên.

Thời điểm bàn giao chất thải nguy hại từ Bên A sang Bên B được xác định sau khi chất thải được bốc xếp lên phương tiện vận chuyển chuyên dụng và các cá nhân có thẩm quyền của hai bên cùng ký vào Biên bản giao nhận.

(4) Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển chất thảinguy hại đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.

(5) Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải nguy hại Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại Khu xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp 11 - Urenco 11, có địa chỉ tại xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Trong trường hợp Bên B có thay đổi hoặc bổ sung địa điểm xử lý chất thải, Bên B phải có thông báo và được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A trước khi thay đổi, bổ sung.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ

(1) Đơn giá xử lý chất thải nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng mà Bên A phải trả cho Bên B *(chưa bao gồm thuế VAT)* được áp dụng như sau:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ)	Phương pháp xử lý
1	Dầu thải	01 kg	15 01 07	3.000	Theo quy định
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	01 kg	18 02 01	5.500	Theo quy định
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	01 kg	16 01 06	5.000	Theo quy định
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	01 kg	18 01 02	2.000	Theo quy định
5	Hộp mực in thải	01 kg	08 02 04	5.500	Theo quy định
6	Pin, ắc quy thải	01 kg	19 06 01	3.500	Theo quy định
7	Bao bì mềm thải	01 kg	18 01 01	5.500	Theo quy định
8	Bao bì cứng bằng nhựa thải	01 kg	18 01 03	2.000	Theo quy định

(2) Đơn giá thu gom vận chuyển chất thải nguy hại là 1.500.000/chuyến.

(3) Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán Hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại Phụ lục Hợp đồng.

(4) Đơn giá trên có thể được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

(1) Theo từng lần giao nhận chất thải, hai bên sẽ tiến hành lập biên bản bàn giao và kê khai khối lượng thực tế cùng với đơn giá đã thỏa thuận tại Hợp đồng này, Bên A có nghĩa vụ thanh toán sẽ: Chịu thuế VAT theo mức quy định của pháp luật hiện hành.

(2) Hình thức thanh toán: chuyển trả bằng séc, chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt chậm nhất trong khoảng thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao khối lượng chất thải và nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ.

(3) Nếu Bên A không thanh toán đầy đủ cho bên B sau 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán theo quy khoản 2 Điều 4 Hợp đồng này, Bên B có thể tạm dừng việc thực hiện Hợp đồng cho đến khi được thanh toán đầy đủ.

(4) Nếu sau 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán theo quy định khoản 2 Điều 4 Hợp đồng này mà Bên A chưa thanh toán thì Bên A phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn của ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam ban hành tại thời điểm đó trên tổng số tiền thanh toán chậm kể từ thời điểm hết hạn thanh toán

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

(1) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 3 và Điều 4 của Hợp đồng.

(2) Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, các tài liệu về thu gom và quản lý chất thải, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu Bên A có sử dụng loại chứng từ đặc biệt).

(3) Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải nguy hại tại cơ sở phát sinh chất thải Bên A theo đúng quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

(4) Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom và vận chuyển chất thải nguy hại trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ Bên B xe nâng và công nhân vận hành xe nâng (nếu cần) xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

(5) Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán Hợp đồng.

(6) Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải, cụ thể:

- Khối lượng, chất lượng công việc thực hiện: đáp ứng các yêu cầu công việc, tuân thủ theo quy định pháp luật và Hợp đồng;
- Các biên bản nghiệm thu, các hồ sơ, tài liệu có liên quan.

Cách thức kiểm tra:

- Kiểm tra trực tiếp tại hiện trường/cơ sở xử lý chất thải;
- Kiểm tra, giám sát xe chở chất thải theo lộ trình vận chuyển Bên B cung cấp và/hoặc theo thiết bị định vị GPS và các phương thức khác;
- Kiểm tra, giám sát thông qua người đầu mối trực tiếp phụ trách giám sát việc vận chuyển, xử lý của Bên B.

Bên A có quyền kiểm tra, giám sát theo định kỳ và/hoặc đột xuất:

- Định kỳ:
  - ✓ Định kỳ theo ngày/tuần/tháng hoặc quý;
  - ✓ Khi thấy cần thiết, Bên A có quyền tăng cường tần suất kiểm tra, giám sát theo định kỳ, Bên A sẽ thông báo trước cho bên B;
- Đột xuất: Bên A có quyền kiểm tra đột xuất, theo thời gian bất kỳ (mà không cần thông báo cho Bên B) đối với toàn bộ hoặc một khâu trong quá trình vận chuyển, xử lý chất thải của Bên B." với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

(7) Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho Bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

(1) Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.

a. Bên B chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật về điều kiện của phương tiện vận chuyển chất thải và việc thu gom, vận chuyển, xử lý, ô nhiễm môi trường sau khi Bên A bàn giao chất thải cho Bên B. Bên A không có bất kỳ nghĩa vụ nào đối với chất thải đã được bàn giao cho Bên B.

- Bên B cam kết: ngay trước và trong thời gian thực hiện Hợp đồng này, Bên B có đầy đủ tất cả các điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện các công việc được quy định tại Hợp đồng này.
- Bên B có thể thuê bên thứ ba thực hiện việc thu gom/vận chuyển/xử lý chất thải của Bên A khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

+ Bên thứ ba đáp ứng đầy đủ tất cả các điều kiện và năng lực theo quy định của pháp luật để thực hiện phần công việc này. Trong trường hợp này, Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tất cả các công việc mà Bên thứ ba thực hiện cho Bên A, bao gồm nhưng không giới hạn: tiến độ, chất lượng công việc và bồi thường thiệt hại khi xảy ra vi phạm (nếu có),...

và

+ Phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A trước khi thực hiện thuê bên thứ ba trên.

b. Bên B không được phép xử lý chất thải bên ngoài địa điểm đã được hai bên thống nhất quy định tại Điều 2 Hợp đồng này.

c. Bên B không được phép thuê Bên thứ 3, xử lý chất thải của Bên A khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A;

d. Trong trường hợp chất thải không được xử lý theo đúng quy trình quy định của pháp luật dẫn đến gây thiệt hại cho môi trường, cây cối, con người, vật nuôi,... thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(2) Bên B có trách nhiệm bố trí công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

(3) Trước thời điểm giao nhận chất thải và vận chuyển của mỗi đợt, Bên B phải cung cấp chính xác cho Bên A các thông tin sau: lộ trình cụ thể, thông tin xe, lái xe, thông tin định vị GPS của xe và thông tin về người trực tiếp chịu trách nhiệm giám sát thu gom, vận chuyển xử lý chất thải của Bên B đợt đó bằng văn bản, fax hoặc email để Bên A nắm được và thuận tiện trong quá trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện vận chuyển của Bên B

(4) Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán Hợp đồng.

(5) Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý chất thải.

e. Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho Bên A đúng thời hạn. Bên B cam kết bồi thường mọi thiệt hại trực tiếp và gián tiếp cho Bên A và bên thứ ba (nếu có) do việc sử dụng/cung cấp hóa đơn, chứng từ không hợp pháp.

(6) Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai Bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

(7) Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển xử lý chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở Thông tư 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về quản lý chất thải nguy hại có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2015.

(8) Bên B có quyền từ chối vận chuyển xử lý chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

(9) Nhân viên của Bên B đến làm việc tại trụ sở, nhà máy... (nơi tập kết chất thải) của Bên A phải tuyệt đối tuân thủ những quy định nội bộ của Bên A như: ăn mặc, giao tiếp, an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn cháy nổ.... Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A, không được để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Trường hợp vi phạm Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, chi phí xử lý và phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do nhân viên, phương tiện, máy móc, việc không đảm bảo của Bên B gây ra cho người/tài sản của Bên A và/hoặc bên thứ ba

ĐIỀU 7. BẢO MẬT

(1) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

(2) Mỗi Bên sẽ xem các thông tin Hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kì thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 8. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

(1) Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

(2) Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

a. Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

b. Trong thời hạn thực hiện Hợp đồng, nếu Bên nào muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước 30 ngày bằng văn bản cho Bên kia.

c. Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:

- Bên B không nhận, nhận không hết số lượng chất thải hoặc nhận chậm chất thải của Bên A quá 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A.
- Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải không đúng quy định tại hợp đồng này, không đúng quy định của pháp luật.
- Bên B và/hoặc bên thứ ba liên quan của Bên B không còn đủ điều kiện, năng lực để tiếp tục thực hiện công việc theo hợp đồng này;

- Bên B có hành vi gian dối, cung cấp thông tin sai sự thật liên quan đến việc thực hiện các công việc theo hợp đồng này;
- Bên A đã thông báo bằng văn bản trước cho Bên B 30 ngày tính đến ngày chấm dứt về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng;
- Bên B vi phạm các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này.

d. Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:
- Bên A không thanh toán hoặc thanh toán chậm quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Hợp đồng này.
- Bên B đã thông báo bằng văn bản trước cho Bên A 60 ngày (kể từ ngày Bên A nhận được thông báo của Bên B) về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng của Bên B.

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

(1) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

(2) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết. Chi phí tố tụng của các Bên, bao gồm cả chi phí hợp lý thuê luật sư, sẽ do Bên thua kiện chi trả.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

(1) Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

(2) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
   a. Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;
   b. Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

(3) Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

(1) Hợp đồng được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 03 bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

(2) Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này chỉ có giá trị hiệu lực khi được lập bằng văn bản và có xác nhận của người có thẩm quyền của hai bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn	Nguyễn Đình Hải

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2019

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

V/v: Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý Chất thải công nghiệp nguy hại số 393/2019/HĐCNDT

- *Căn cứ Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 được Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2017.*
- Căn *cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.*
- *Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014*
- *Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về quản lý chất thải nguy hại có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2015.*
- *Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần MTĐT và Công nghiệp 11 - Urenco 11 số 1-2-3.022.VX được Bộ tài nguyên Môi trường cấp lần 2 ngày 07/8/2019.*
- *Căn cứ Hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý Chất thải công nghiệp nguy hại số 393/2019/HĐCNDT giữa CTCP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO 11.*
- *Căn cứ đề nghị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A về việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại.*

Hôm nay ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại Trụ sở Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, chúng tôi gồm:

I. BÊN A – CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ	:	Số 167 Phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	:	(024) 35551411
Mã số thuế	:	0104961939
Người đại diện	:	Ông Phạm Anh Tuấn — Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

II. BÊN B - CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11-URENCO 11

Địa chỉ	:	Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Điện thoại	:	0221.3999.072 — Fax: 0221.3981.489
Tài khoản	:	2405 201 002 417 — Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Lâm - Phòng giao dịch Chi Đạo
Mã số thuế	:	0900291087
Người đại diện	:	Ông **Nguyễn Đình Hải** — Chức vụ: **Giám đốc Công ty**

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký bổ sung Phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi, bổ sung nội dung trong Hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý Chất thải công nghiệp nguy hại số 393/2019/HĐCNDT ký ngày 25/6/2019 giữa Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-URENCO 11, cụ thể:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 3, Hợp đồng số 393/2019/HĐCNDT ký ngày 25/6/2019 giữa Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-URENCO 11 , cụ thể:

(1) Đơn giá xử lý chất thải nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng mà Bên A phải trả cho Bên B *(chưa bao gồm thuế VAT)* được áp dụng như sau:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ)	Phương pháp xử lý
1	Dầu thải	01 kg	15 01 07	3.000	Theo quy định
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	01 kg	18 02 01	5.500	Theo quy định
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	01 kg	16 01 06	5.000	Theo quy định
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	01 kg	18 01 02	2.000	Theo quy định
5	Hộp mực in thải	01 kg	08 02 04	5.500	Theo quy định
6	Pin, ắc quy thải	01 kg	19 06 01	3.500	Theo quy định
7	Bao bì mềm thải	01 kg	18 01 01	5.500	Theo quy định
8	Bao bì cứng bằng nhựa thải	01 kg	18 01 03	2.000	Theo quy định

Đổi thành:

(2) Đơn giá xử lý chất thải nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng mà Bên A phải trả cho Bên B *(chưa bao gồm thuế VAT)* được áp dụng như sau:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ)	Phương pháp xử lý
1	Dầu thải	01 kg	15 01 07	3.000	Theo quy định
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	01 kg	18 02 01	5.500	Theo quy định
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	01 kg	16 01 06	5.000	Theo quy định
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	01 kg	18 01 02	2.000	Theo quy định
5	Hộp mực in thải	01 kg	08 02 04	5.500	Theo quy định
6	Pin, ắc quy thải	01 kg	19 06 01	3.500	Theo quy định
7	Bao bì mềm thải	01 kg	18 01 01	5.500	Theo quy định

8	Bao bì cứng bằng nhựa thải	01 kg	18 01 03	2.000	Theo quy định
9	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	01 kg	07 04 01	6.000	Theo quy định

Điều 2. Điều khoản chung

- Các điều khoản khác trong hợp đồng số 393/2019/HĐCNDT giữ nguyên không thay đổi.
- Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 393/2019/HĐCNDT ngày 25 tháng 6 năm 2019.
- Phụ lục này được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn	*Nguyễn Đình Hải*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2020

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

V/v: Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý Chất thải công nghiệp nguy hại số 393/2019/HĐCNDT

- *Căn cứ Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 được Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2017.*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.*
- *Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014*
- *Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về quản lý chất thải nguy hại có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2015.*
- *Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần MTĐT và Công nghiệp 11 - Urenco 11 số 1-2-3.022.VX được Bộ tài nguyên Môi trường cấp lần 2 ngày 07/8/2019.*
- *Căn cứ Hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý Chất thải công nghiệp nguy hại số 393/2019/HĐCNDT giữa CTCP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO 11.*
- *Căn cứ đề nghị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A về việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại.*

Hôm nay ngày 01 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, chúng tôi gồm:

I. BÊN A – CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ	:	Số 167 Phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	:	024.35551411
Mã số thuế	:	0104961939
Người đại diện	:	Ông Phạm Anh Tuấn — Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền số: 2506/2019/UQ-PHX ngày 25/06/2019.

II. BÊN B – CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11-URENCO 11

Địa chỉ	:	Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	
Điện thoại	:	0221.3999.072	Fax: 0221.3981.489
Tài khoản	:	2405 201 002 417	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Lâm – Phòng giao dịch Chi Đạo
Mã số thuế	:	0900291087	
Người đại diện	:	Ông Nguyễn Văn Thắng	Chức vụ: Phó giám đốc

Giấy ủy quyền số: 46/GUQ-URENCO 11 ngày 25/11/2020.

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký bổ sung Phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi, bổ sung nội dung trong Hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý Chất thải công nghiệp nguy hại số 393/2019/HĐCNDT ký ngày 25/6/2019 giữa Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-URENCO 11, cụ thể:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1, Phụ lục hợp đồng ngày 17/12/2019 thuộc Hợp đồng số 393/2019/HĐCNDT ký ngày 25/6/2019 giữa Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-URENCO 11, cụ thể:

(1) Đơn giá xử lý chất thải nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng mà Bên A phải trả cho Bên B *(chưa bao gồm thuế VAT)* được áp dụng như sau:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ)	Phương pháp xử lý
1	Dầu thải	01 kg	15 01 07	3.000	Theo quy định
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	01 kg	18 02 01	5.500	Theo quy định
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	01 kg	16 01 06	5.000	Theo quy định
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	01 kg	18 01 02	2.000	Theo quy định
5	Hộp mực in thải	01 kg	08 02 04	5.500	Theo quy định
6	Pin, ắc quy thải	01 kg	19 06 01	3.500	Theo quy định
7	Bao bì mềm thải	01 kg	18 01 01	5.500	Theo quy định
8	Bao bì cứng bằng nhựa thải	01 kg	18 01 03	2.000	Theo quy định
9	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	01 kg	07 04 01	6.000	Theo quy định

Đổi thành:

(2) Đơn giá xử lý chất thải nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng mà Bên A phải trả cho Bên B *(chưa bao gồm thuế VAT)* được áp dụng như sau:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ)	Phương pháp xử lý
1	Dầu thải	01 kg	15 01 07	3.000	Theo quy định
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	01 kg	18 02 01	5.500	Theo quy định
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	01 kg	16 01 06	5.000	Theo quy định
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	01 kg	18 01 02	2.000	Theo quy định
5	Hộp mực in thải	01 kg	08 02 04	5.500	Theo quy định

6	Pin, ắc quy thải	01 kg	19 06 01	3.500	Theo quy định
7	Bao bì mềm thải	01 kg	18 01 01	5.500	Theo quy định
8	Bao bì cứng bằng nhựa thải	01 kg	18 01 03	2.000	Theo quy định
9	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	01 kg	07 04 01	6.000	Theo quy định
10	Dung môi thải	01 kg	08 01 05	6.000	Theo quy định

Điều 2. Điều khoản chung

- Các điều khoản khác trong hợp đồng số 393/2019/HĐCNDT giữ nguyên không thay đổi.
- Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 393/2019/HĐCNDT ngày 25 tháng 6 năm 2019.
- Phụ lục này được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn	Nguyễn Văn Thắng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2021

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 02

Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ***Số: 393/2019/HĐCNDT*** ký ngày 25 tháng 06 năm 2019. Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

Hôm nay, ngày 25 tháng 01 năm 2021. tại Trụ sở Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, chúng tôi gồm:

I. BÊN A – CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ	:	Số 167 Phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	:	024.35551411
Mã số thuế	:	0104961939
Người đại diện	:	Ông Phạm Anh Tuấn — Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

II. BÊN B – CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11-URENCO 11

Địa chỉ	:	Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	
Điện thoại	:	0221.3999.072	Fax: 0221.3981.489
Tài khoản	:	2405 201 002 417	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Lâm – Phòng giao dịch Chi Đạo
Mã số thuế	:	0900291087	
Người đại diện	:	Ông Nguyễn Văn Thắng	Chức vụ: Phó giám đốc

Giấy ủy quyền số: 46/GUQ-URENCO 11 ngày 25/11/2020.

Hai bên thống nhất ký kết một phụ lục hợp đồng theo các điều khoản sau:

Danh mục chất thải và đơn giá xử lý (Đơn giá chưa bao gồm VAT 10%):

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá(VNĐ)
1	Dung môi thải	03 02 03	Kg	01	6.000

Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 06 bản tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 03 bản.

Đại diện Bên A

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Tuấn

Đại diện Bên B

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 03

Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại *Số: 393/2019/HĐCNDT* ký ngày 25 tháng 06 năm 2019. Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2021, chúng tôi gồm:

I. Chủ nguồn thải - Công ty Cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A (Bên A)

Địa chỉ: Số 167 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Địa chỉ cơ sở: Lô 10 – 5 đến 10 – 8, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 2, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 024. 35551411 Fax: 024. 33686652
Người đại diện: Ông **Phạm Anh Tuấn** Chức vụ: Phó tổng giám đốc
Mã số thuế: 0104961939
Và

II. Chủ vận chuyển và xử lý chất thải - Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - URENCO11 (Bên B)

Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Điện thoại: 02213 999 072 Fax: 02213 981489
Người đại diện: Ông **Nguyễn Văn Thắng** Chức vụ: Phó giám đốc
(Theo giấy ủy quyền số: 46/GUQ-URENCO 11 Ngày 25/11/2020 của giám đốc công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-Urenco 11).
Mã số thuế: 0900291087
Tài khoản số: 19129984688699 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên
Hai bên thống nhất ký kết một phụ lục hợp đồng theo các điều khoản sau:

Danh mục chất thải và đơn giá xử lý ***(Đơn giá chưa bao gồm VAT 10%):***

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)
1	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	Kg	01	10.000
2	Chi phí vận chuyển		Chuyến	01	1.500.000

Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 02 bản.

Đại diện Bên A
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

Đại diện Bên B
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 04

Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại số: *393/2019/HĐCNDT ký ngày 25 tháng 6 năm 2019*. Các điều khoản của Hợp đồng không thay đổi.

Hôm nay, ngày 21 tháng 8 năm 2023, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A

Địa chỉ VP: Số 167 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ cơ sở: Ô 10-5 đến 10-8, KCN công nghệ cao 2, Khu công nghệ Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội.

Điện thoại: 024.35551411

Người đại diện: Ông **Lưu Công An** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

Mã số thuế: 0104961939

Bên B: Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp 11 - URENCO11

Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 02213 999 072 Fax: 02213 981489

Người đại diện: Ông **Nguyễn Đình Tiến** Chức vụ: Phó giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số: 68/GUQ-URENCO 11 ngày 11/11/2022 của giám đốc Công ty Cổ phần môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco 11).

Mã số thuế: 0900291087

Hai bên thống nhất ký kết một phụ lục hợp đồng theo các điều khoản sau:

Danh mục chất thải và đơn giá xử lý *(Đơn giá chưa bao gồm VAT):*

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá *(VNĐ)*	Đặc tính
1	Dược phẩm có thành phần gây độc tế bào thải	13 01 03	Kg	01	10.000	Nguy hại
2	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào thải	13 01 07	Kg	01	10.000	Thông thường

Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 02 bản để làm căn cứ thực hiện ./.

Đại diện Bên A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lưu Công An

Đại diện Bên B

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Tiến

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp-nguy hại *Số: 393/2019/HĐCNDT* ký ngày 25 tháng 06 năm 2019. Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

Hôm nay, ngày 16 tháng 05 năm 2025, chúng tôi gồm:

Bên A: **Công ty Cổ phần Tập đoàn phượng hoàng xanh A&A**

Địa chỉ: Số 167 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.35551411

Người đại diện: **Lưu Công An** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

Mã số thuế: 0104961939

Bên B: **Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - URENCO11**

Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 02213 999 072 Fax: 02213 981489

Người đại diện: Ông **Trần Quốc Hướng** Chức vụ: Phó giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số: 52/GUQ-URENCO 11 Ngày 31/12/2024 của chủ tịch HĐQT công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-Urenco 11).

Mã số thuế: 0900291087

Tài khoản số: 19129984688699 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên

Hai bên thống nhất ký kết một phụ lục hợp đồng về việc bổ sung chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý theo các điều khoản sau:

Danh mục chất thải và đơn giá *(Đơn giá chưa bao gồm VAT):*

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)
1	Than hoạt tính thải	12 01 04	Kg	01	6.000
2	Chi phí vận chuyển áp dụng nếu khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý 1 chuyến dưới 1 tấn		Kg	01	1.500.000

Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 04 bản.

Đại diện Bên A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lưu Công An

Đại diện Bên B

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hướng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-------***-------

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 0124./PHX-DRET

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015.

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Căn cứ nhu cầu hai bên.

Hôm nay ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ	:	Số 167 Phố Hoàng Ngân, phường Trung hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	:	024. 35551411
Mã số thuế	:	0104961939
Người đại diện	:	Ông **Lưu Công An** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 113.ngày 25./.12./2024 của Chủ tịch HĐQT. CTCP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A)

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ	:	Khu tập thể Z176B, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.
Điện thoại	:	024.35626204
Mã số thuế	:	0101425947
Tài khoản	:	8336678988888 – tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hải Dương
Người đại diện	:	**Ông Nguyễn Hữu Nguyên** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký hợp đồng với những điều khoản như sau:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng

Bên A thuê bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại (bao gồm nhưng không giới hạn ở bột đá, ba via...) phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Bên A. Bên B có nghĩa vụ thực hiện các công việc này theo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường hiện hành của Việt Nam.

Điều 2: Đặc tính chất thải, địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển:

1. Đặc tính chất thải: Theo Phụ lục 1 đính kèm.
2. Địa điểm bên A giao, bên B nhận chất thải: Tại khu vực tập kết chất thải của Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.
3. Địa điểm xử lý chất thải: Cơ sở chế biến khoáng chất tổng hợp phục vụ công nghiệp xi măng - Tại lô CN 33-34, cụm công nghiệp Phú Thứ, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.
4. Thời gian giao nhận: Mỗi đợt bàn giao chất thải bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trước ít nhất 01 ngày (bằng điện thoại, ứng dụng nhắn tin, fax, mail) trừ ngày lễ và chủ nhật. Nội dung thông báo ghi rõ khối lượng và loại chất thải.

   Bên B phải đến nhận toàn bộ chất thải trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A hoặc theo đúng kế hoạch Bên A đã thông báo.
5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng và nhân công bốc xếp (nếu cần), đảm bảo các xe đủ điều kiện vận chuyển chất thải theo quy định của pháp luật.

   Hồ sơ giới thiệu năng lực của bên B là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này.
6. Bên A hỗ trợ phương tiện xúc bột đá và các chất thải khác lên xe vận chuyển của bên B, trường hợp bên B đặt thùng chứa trực tiếp tại trạm chứa trung gian của Bên A thì Bên A không chịu trách nhiệm hỗ trợ phương tiện xúc.
7. Các Bên thông báo trước cho nhau bằng văn bản về người đại diện của mình có thẩm quyền thực hiện và ký các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc giao nhận, vận chuyển, xử lý chất thải. Các cá nhân này có trách nhiệm bàn giao và xác nhận số lượng giao nhận chính xác làm cơ sở thanh toán giữa các Bên.
   - Hồ sơ giao nhận, vận chuyển, xử lý chất thải phải đầy đủ theo quy trình giao nhận giữa 2 bên. Trong trường hợp bên B thay đổi địa điểm xử lý chất thải phải được sự đồng ý trước của Bên A, hai bên ký kết phụ lục hợp đồng về việc thay đổi này.
   - Thời điểm bàn giao chất thải từ Bên A sang Bên B được xác định là sau khi chất thải được bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của Bên B và/hoặc hai bên ký biên bản bàn giao cho từng chuyến xe (mẫu Biên bản quy định tại Phụ lục 02 Hợp đồng này) tùy vào thời điểm nào đến trước.
8. Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu chất thải và tất cả các rủi ro về/liên quan đến chất thải từ Bên A sang Bên B là thời điểm bàn giao chất thải từ Bên A sang Bên B.

Điều 3: Đơn giá và hình thức thanh toán

1. Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp: theo Phụ lục số 01.

   Phụ lục số 01 là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này. Đơn giá sẽ được điều chỉnh theo sự thay đổi của thị trường bằng các phụ lục hợp đồng thông qua sự đàm phán và nhất trí giữa 02 bên, bên đề nghị thay đổi phải gửi thông báo cho bên kia về việc này ít nhất là 30 (ba mươi) ngày tính đến ngày dự định thay đổi. Trong thời hạn này hai bên vẫn phải nghiêm túc thực hiện các điều khoản trong Hợp đồng. Nếu hai bên không thống nhất được với nhau về việc thay

đổi đơn giá thì một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thực hiện nghĩa vụ thông báo trước được quy định tại khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng này.

2. Hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, cuối tháng lập biên bản rà soát khối lượng hai bên đã bàn giao để cùng đối chiếu và xác nhận khối lượng để làm cơ sở thanh toán.
3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.
4. Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán tiền vận chuyển và xử lý chất thải cho bên B theo từng tháng trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên A nhận được hoá đơn tài chính của bên B kèm theo biên bản rà soát khối lượng hai bên đã bàn giao, xử lý thực tế của tháng đề nghị thanh toán (biên bản có xác nhận của người có thẩm quyền của hai bên) và biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải đã vận chuyển, xử lý hàng tháng tại điểm xử lý được ký, đóng dấu của cá nhân có thẩm quyền của Bên B hoặc giữa Bên B và bên xử lý. Trường hợp Bên A thanh toán không đúng hạn, Bên A sẽ phải chịu mức phí được tính dựa vào căn cứ lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam ban hành áp dụng với khối doanh nghiệp tại thời điểm đó trên tổng số tiền thanh toán chậm kể từ thời điểm hết hạn thanh toán.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên

1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

a) Đảm bảo thành phần chất thải giao nhận đúng theo hợp đồng, không lẫn các loại rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại, rác thải y tế và các loại chất thải khác không đủ điều kiện như trên kết quả đã cung cấp cho Bên B. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về nguồn gốc, khối lượng, tính chất chất thải đến thời điểm chất thải được bàn giao cho Bên B.

b) Phân loại riêng bột đá với các loại chất thải khác, đảm bảo không trộn lẫn bột đá với các loại chất thải khác khi bàn giao chất thải cho Bên B.

c) Thông báo thời gian thu gom chất thải cho Bên B trước 01 ngày hoặc trường hợp khẩn cấp trước 04 giờ vào các ngày làm việc trong tuần.

d) Bố trí đường đi đến các địa điểm thu gom chất thải thuận tiện, không bị cản trở.

e) Bố trí thiết bị hỗ trợ bên B bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

f) Cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có, nhưng không ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng của Bên B.

g) Cử người hướng dẫn nội quy, quy định của Bên A cho nhân viên của Bên B vào thu gom chất thải.

h) Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng.

i) Kiểm soát và phân loại chất thải từ nguồn. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải bên A phải thông báo trước bằng văn bản cho bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

j) Bên A có quyền (tuy nhiên không có nghĩa vụ) kiểm tra, giám sát bên B trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, cụ thể Bên A có quyền kiểm tra, giám sát về:

- Khối lượng, chất lượng công việc thực hiện: đáp ứng các yêu cầu công việc, tuân thủ theo quy định pháp luật và Hợp đồng;
- Quá trình các xe vận chuyển và xử lý chất thải: chuyển chất thải đến đúng địa điểm xử lý theo quy định trong Hợp đồng và quy trình xử lý phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật;
- Các biên bản nghiệm thu, các hồ sơ, tài liệu có liên quan.

k) Cách thức kiểm tra:

- Kiểm tra trực tiếp tại hiện trường/địa điểm xử lý chất thải;
- Kiểm tra, giám sát xe chở chất thải theo lộ trình vận chuyển Bên B cung cấp và/hoặc theo thiết bị định vị GPS và các phương thức khác;
- Kiểm tra, giám sát thông qua người đầu mối trực tiếp phụ trách giám sát việc vận chuyển, xử lý của Bên B;
- Bằng các hình thức khác do Bên A quyết định.

l) Bên A có quyền kiểm tra, giám sát theo thời gian bất kỳ *(mà không cần thông báo cho bên B)* đối với toàn bộ hoặc một khâu trong quá trình vận chuyển, xử lý chất thải của bên B. Để cho rõ ràng thì việc kiểm tra, giám sát của Bên A sẽ không làm mất hoặc giảm đi nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B đối với việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của Hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng:

a) Bên B chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật về điều kiện của phương tiện vận chuyển chất thải và việc thu gom, vận chuyển, xử lý, ô nhiễm môi trường kể từ thời điểm Bên A bàn giao chất thải cho Bên B. Bên A không có bất kỳ nghĩa vụ nào đối với chất thải đã được bàn giao cho Bên B.

- Bên B cam kết: khi nhận bàn giao, vận chuyển, xử lý chất thải của Bên A, Bên B có đầy đủ tất cả các điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện các công việc được quy định tại Hợp đồng này.
- Bên B có thể thuê các bên thứ ba thực hiện việc thu gom/vận chuyển/xử lý chất thải của Bên A khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
  - Bên thứ ba đáp ứng đầy đủ tất cả các điều kiện và năng lực theo quy định của pháp luật để thực hiện phần công việc này. Trong trường hợp này, Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tất cả các công việc mà Bên thứ ba thực hiện cho Bên A, bao gồm nhưng không giới hạn: tiến độ, chất lượng công việc và bồi thường thiệt hại khi xảy ra vi phạm (nếu có).
  - Bên B và Bên thứ ba đã thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật để Bên B thuê bên thứ ba thu gom/vận chuyển/xử lý chất thải của Bên A (nếu có).

- Phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A trước khi thực hiện thuê bên thứ ba trên.
- Trong trường hợp này, việc đồng ý của Bên A không làm mất và/hoặc giảm đi nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B và bên thứ ba trong việc thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật để Bên B thuê bên thứ ba thu gom/vận chuyển/xử lý chất thải của Bên A (nếu có) và nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B được quy định tại Hợp đồng.

b) Bên B không được phép xử lý chất thải bên ngoài khu vực/địa điểm khác với địa điểm xử lý đã được hai bên thống nhất quy định tại Điều 2 Hợp đồng này.

c) Trong trường hợp chất thải không được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy trình quy định của pháp luật dẫn đến gây thiệt hại cho môi trường, cây cối, con người, vật nuôi,... thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho bên thứ ba (nếu có).

d) Bên B chịu trách nhiệm rằng: 100% khối lượng chất thải tiếp nhận từ Bên A sẽ được Bên B xử lý tại địa điểm nêu tại Điều 2.

e) Khi nhận được bất kỳ thông tin phản hồi nào về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải không đúng quy định của pháp luật hoặc các điều khoản ghi trong Hợp đồng này, Bên B phải nhanh chóng cử ngay cán bộ đi xác minh thông tin và tiến hành khắc phục trong vòng 12 (mười hai) giờ kể từ khi xác nhận nguồn thông tin là chính xác, đồng thời thông báo ngay cho Bên A về kết quả, thời gian khắc phục để Bên A cử cán bộ đi giám sát.

f) Cung cấp cho Bên A Hồ sơ năng lực, các bản sao chứng thực các loại giấy phép thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp và hợp đồng giữa Bên B với đơn vị xử lý chất thải kèm theo hồ sơ năng lực cùng giấy phép của đơn vị xử lý;

g) Cùng bên A xác định khối lượng chất thải đã thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hàng tháng.

h) Nhân viên của Bên B (bao gồm cả nhân viên của bên thứ ba do Bên B thuê) đến làm việc tại trụ sở, nhà máy... (nơi tập kết chất thải) của Bên A phải tuyệt đối tuân thủ những quy định nội bộ của Bên A như: ăn mặc, giao tiếp, an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn PCCC…. Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A, không được để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, chi phí xử lý và phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do nhân viên, phương tiện, máy móc, việc không đảm bảo vệ sinh của Bên B gây ra cho người/tài sản của Bên A và/hoặc bên thứ ba.

i) Trước thời điểm giao nhận chất thải và vận chuyển của mỗi đợt, Bên B phải cung cấp chính xác cho Bên A các thông tin sau: thông tin xe, lái xe, lộ trình xe, người trực tiếp chịu trách nhiệm giám sát thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của Bên B đợt đó bằng email hoặc tin nhắn để Bên A nắm được và thuận tiện trong quá trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của Bên B.

j) Bên B phải cử cán bộ giám sát trong suốt quá trình thực hiện công việc và phải cử một cán bộ đầu mối trực tiếp có nhiệm vụ trực tại địa điểm xử lý để theo dõi việc vận chuyển của xe vận chuyển chất thải, ghi lại hình ảnh hiện trường tại thời điểm trước, trong và sau khi xe về địa điểm xử lý chất thải.

k) Bên B có trách nhiệm giám sát chặt chẽ lộ trình di chuyển của các xe vận chuyển để đảm bảo xe đi đúng địa điểm xử lý và bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển.

l) Có trách nhiệm kiểm tra các tài liệu liên quan đến thành phần chất thải trong hợp đồng do Bên A cung cấp. Trong trường hợp phát hiện ra sự sai lệch hoặc không phù hợp thì phải thông báo/khuyến cáo ngay cho Bên A để hai Bên cùng trao đổi và quyết định phương án thực hiện phù hợp tiếp theo. Tuyệt đối không tiết lộ nội dung các tài liệu trên cũng như nội dung hợp đồng cho Bên thứ ba.

m) Bên B và bên thứ ba do Bên B thuê có nghĩa vụ bảo mật toàn bộ nội dung của Hợp đồng, các thông tin do Bên A cung cấp và các thông tin biết được trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Bên B và bên thứ ba do Bên B thuê chỉ được sử dụng các thông tin này nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng. Nếu Bên B và bên thứ ba do Bên B thuê vi phạm nội dung này thì được coi như Bên B vi phạm Hợp đồng. Khi đó, Bên B sẽ phải chịu phạt 8% của toàn bộ số tiền Bên A đã thanh toán cho Bên B trong thời gian thực hiện Hợp đồng và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Nội dung này có hiệu lực vĩnh viễn ngay cả khi các nội dung khác của Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.

n) Bên B có trách nhiệm cung cấp phiếu phân tích bản photo công chứng hoặc bản gốc thành phần sản phẩm sau quá trình chế biến chất thải của Bên A (KC-Si) theo quy định tại Giấy phép môi trường của Bên B.

o) Các quyền và nghĩa vụ/trách nhiệm khác theo quy định của Hợp đồng và Pháp luật.

3. Đơn phương chấm dứt hợp đồng

a) Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi Bên B vi phạm một, một số quy định của Hợp đồng và chỉ cần thông báo trước ít nhất 05 ngày tính đến ngày chính thức chấm dứt. Trừ các trường hợp, Bên B vi phạm các một trong các điều kiện sau Bên A được quyền chấm dứt ngay mà không cần thông báo trước:

- Bên B không nhận, nhận không hết số lượng chất thải hoặc nhận chậm chất thải của Bên A quá 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A.
- Bên B (bao gồm bên thứ ba do Bên B thuê) thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải không đúng quy định tại hợp đồng này, không đúng quy định của pháp luật.
- Bên B và/hoặc bên thứ ba liên quan của Bên B không còn đủ điều kiện, năng lực để tiếp tục thực hiện công việc theo hợp đồng này;
- Bên B có hành vi gian dối, cung cấp thông tin sai sự thật liên quan đến việc thực hiện các công việc theo hợp đồng này;

b) Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà chỉ cần thông báo bằng văn bản trước cho Bên B 30 ngày tính đến ngày chấm dứt;

c) Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và thông báo trước bằng văn bản cho Bên A ít nhất 10 ngày làm việc tính đến ngày chấm dứt khi: Bên A không thanh toán hoặc thanh toán chậm quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Hợp đồng này.

d) Bên B được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi đã thông báo bằng văn bản trước cho Bên A 60 ngày (kể từ ngày Bên A nhận được thông báo của Bên B).

Điều 5: Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại

1. Nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ nhận chất thải khi Bên A có yêu cầu và/hoặc vận chuyển/xử lý chậm so với tiến độ yêu cầu thì sẽ chịu phạt 8% (tám phần trăm) tổng giá trị tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý của khối lượng chất thải được ghi nhận tại thông báo (thông báo trước đó) của Bên A gửi cho Bên B, trừ các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, động đất.
2. Trường hợp Bên B vi phạm một trong các điểm: a, b, c, d thuộc khoản 2, Điều 4 của Hợp đồng này thì sẽ bị phạt 100% tổng giá trị tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý của đợt vận chuyển đó, nhưng không được vi phạm quá 02 lần, trường hợp vượt quá, Bên B phải chịu phạt 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm và bồi thường toàn bộ chi phí phát sinh mà Bên A phải chịu do việc chậm trễ của Bên B (bao gồm cả việc phải thuê một bên thứ ba khác thực hiện thay công việc của Bên B tại thời điểm đó).
3. Nếu Bên B vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào khác (ngoại trừ các nghĩa vụ được quy định tại a, b, c, e thuộc khoản 2, Điều 4 của Hợp đồng này) thì Bên B phải chịu phạt 8% (támphần trăm) tổng số tiền mà Bên A đã thanh toán cho Bên B.
4. Trong mọi trường hợp, trong quá trình thực hiện Hợp đồng này nếu Bên B gây thiệt hại cho Bên A và/hoặc bên thứ ba nào khác thì ngoài trách nhiệm chịu phạt vi phạm, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.
5. Các khoản tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có) này Bên A sẽ trừ trực tiếp vào đợt thanh toán gần nhất của Bên A cho Bên B hoặc yêu cầu Bên B thanh toán trực tiếp tùy theo quyết định của Bên A. Bên vi phạm thanh toán tiền phạt và/hoặc tiền bồi thường thiệt hại cho bên kia trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của bên kia.

Điều 6: Giải quyết tranh chấp

1. Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.
2. Trong trường hợp các bên không thương lượng giải quyết được mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ đưa ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của trung tâm này. Địa điểm giải quyết tại TP Hà Nội, Quyết định của Trọng tài là chung thẩm và hai bên phải tuân theo. Bên thua kiện sẽ chịu mọi chi phí trọng tài và các chi phí liên quan khác.

Điều 7: Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký nêu tại phần đầu của Hợp đồng này đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.
2. Hợp đồng này được lập thành 05 bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 02 để thực hiện.
3. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này chỉ có giá trị hiệu lực khi được lập bằng văn bản và có xác nhận của người có thẩm quyền của hai bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Lưu Công An	Nguyễn Hữu Nguyên

PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải

số: 0124/PHX-DRET ngày 25./12./2024)

ĐƠN GIÁ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI KHÔNG NGUY HẠI

(Áp dụng từ ngày ký)

TT	Loại chất thải	Đặc tính chất thải	Phương pháp xử lý	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)
1	Chất thải rắn thông thường: Bột đá, Ba via đá....	Rắn	Làm nguyên liệu sản xuất khoáng chất tổng hợp	m^3	01	380.000

(Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT theo quy định)

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nguyên

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải

số 0124/PHX-DRET ngày 25/12/2024)

TỈNH/THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT** Số:..... /20.....

1. **Bên giao (chủ nguồn thải): Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Địa chỉ văn phòng: Số 167 Phố Hoàng Ngân, Phường Trung hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam. ĐT: 024.35551411

Địa chỉ cơ sở: Khu CNC 2, Khu CNC Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường**

Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

ĐT Hotline: 024.35626204

Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN 33-34, cụm công nghiệp Phú Thứ, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1			
2			
	Tổng khối lượng (kg)		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 20..... **BÊN GIAO**	Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 20..... **BÊN NHẬN**
Cán bộ thực hiện *(ký, ghi họ tên)*	Cán bộ thực hiện *(ký, ghi họ tên)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-------***-------

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 2908...../2025/PHX-DRET

- *Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015.*
- *Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.*
- *Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020.*
- *Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- *Căn cứ Thông tư Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 có hiệu lực thi hành ngày 10 tháng 01 năm 2022;*
- *Căn cứ Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- *Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.*

Hôm nay, ngày 29..tháng...8...năm 2025, tại Trụ sở Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ	:	Số 167 Phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	:	024. 35551411
Mã số thuế	:	0104961939
Người đại diện	:	Ông **Lưu Công An** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

(Theo Quy định phân công quyền hạn và trách nhiệm trong Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A ngày 16/8/2024)

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ	:	Khu Tập thể Z176B, xã Gia Lâm, TP. Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	:	0243.5626204
Mã số thuế	:	0101425947
Tài khoản	:	69698338 tại ngân hàng ACB – CN Thăng Long - PGD Hoài Đức
Người đại diện	:	**Ông Nguyễn Hữu Nguyên** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký Hợp đồng với những điều khoản như sau:

Điều 1: Đối tượng Hợp đồng

1. Bên A thuê Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường (bột đá) (sau đây gọi tắt là "chất thải") phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Bên A. Bên B có nghĩa vụ thực hiện các công việc này theo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường hiện hành của Việt Nam.

2. Khối lượng chất thải tạm tính: 600 tấn *(Bằng chữ: Sáu trăm tấn./.)*
Cho rõ nghĩa, các Bên thống nhất rằng Bên A có quyền điều chỉnh khối lượng chất thải theo nhu cầu thực tế trong quá trình thực hiện Hợp đồng và sẽ không phát sinh nghĩa vụ thanh toán đối với phần khối lượng không thực hiện. Trường hợp khối lượng chất thải thực tế vượt quá mức nêu tại Điều này, các Bên sẽ áp dụng đơn giá được quy định tại Hợp đồng để thanh toán phần khối lượng vượt thêm (trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản).

3. Bên B có nghĩa vụ thực hiện các công việc này theo đúng thỏa thuận của hai Bên tại Hợp đồng và tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 2: Đặc tính chất thải, địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển

1. Đặc tính chất thải: Theo Phụ lục số 01 đính kèm.

2. Địa điểm bên A giao, bên B nhận chất thải: Tại khu vực tập kết chất thải của Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, TP. Hà Nội.

   Địa điểm xử lý chất thải: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường, địa chỉ: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng.

3. Thời gian giao nhận: Mỗi đợt bàn giao chất thải bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trước ít nhất 01 ngày (bằng điện thoại, ứng dụng nhắn tin, fax, email) trừ ngày lễ và chủ nhật. Nội dung thông báo ghi rõ khối lượng và loại chất thải. Bên B phải đến nhận toàn bộ chất thải trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A hoặc theo đúng kế hoạch Bên A đã thông báo.

4. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng và nhân công bốc xếp (nếu cần), đảm bảo các xe đủ điều kiện vận chuyển chất thải theo quy định của pháp luật.

5. Bên A hỗ trợ phương tiện xúc chất thải lên xe vận chuyển của bên B.

6. Các Bên thông báo trước cho nhau bằng văn bản về người đại diện của mình có thẩm quyền thực hiện và ký các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc giao nhận, vận chuyển, xử lý chất thải. Các cá nhân này có trách nhiệm bàn giao và xác nhận số lượng giao nhận chính xác làm cơ sở thanh toán giữa các Bên.

- Hồ sơ giao nhận, vận chuyển, xử lý chất thải phải đầy đủ theo quy trình giao nhận giữa 2 bên. Trong trường hợp bên B thay đổi địa điểm xử lý chất thải phải được sự đồng ý trước của Bên A, hai bên ký kết phụ lục Hợp đồng về việc thay đổi này.
- Thời điểm bàn giao chất thải từ Bên A sang Bên B được xác định là sau khi chất thải được bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của Bên B và/hoặc hai bên ký biên bản bàn giao cho từng chuyến xe (mẫu Biên bản quy định tại Phụ lục số 02 Hợp đồng này) tùy vào thời điểm nào đến trước.

7. Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu chất thải và tất cả các rủi ro về/liên quan đến chất thải từ Bên A sang Bên B là thời điểm bàn giao chất thải từ Bên A sang Bên B.

8. Các bên sẽ cân phương tiện vận chuyển trước và sau khi bốc xếp chất thải để xác định khối lượng từng chuyến và ghi nhận trên biên bản bàn giao. Chi phí cân phương tiện do Bên B chi trả.

Điều 3: Đơn giá và hình thức thanh toán

1. Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp: theo Phụ lục số 01.

   Phụ lục số 01 là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này. Đơn giá sẽ được điều chỉnh theo sự thay đổi của thị trường bằng các phụ lục Hợp đồng thông qua sự đàm phán và nhất trí giữa 02 bên, bên đề nghị thay đổi phải gửi thông báo cho bên kia về việc này ít nhất là 30 (ba mươi) ngày tính đến ngày dự định thay đổi. Trong thời hạn này hai bên vẫn phải nghiêm túc thực hiện các điều khoản trong Hợp đồng. Nếu hai bên không thống nhất được với nhau về việc thay đổi đơn giá thì một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thực hiện nghĩa vụ thông báo trước được quy định tại khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng này.

2. Hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, cuối tháng lập biên bản rà soát khối lượng hai bên đã bàn giao để cùng đối chiếu và xác nhận khối lượng để làm cơ sở thanh toán.

3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4. Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán tiền vận chuyển và xử lý chất thải cho bên B theo từng tháng trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên A nhận được hoá đơn tài chính của bên B kèm theo biên bản rà soát khối lượng hai bên đã bàn giao, xử lý thực tế của tháng đề nghị thanh toán (biên bản có xác nhận của người có thẩm quyền của hai bên) và biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải đã vận chuyển, xử lý hàng tháng tại điểm xử lý được ký, đóng dấu của cá nhân có thẩm quyền của Bên B hoặc giữa Bên B và bên xử lý. Trường hợp Bên A thanh toán không đúng hạn, Bên A sẽ phải chịu mức phí được tính dựa vào căn cứ lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam ban hành áp dụng với khối doanh nghiệp tại thời điểm đó trên tổng số tiền thanh toán chậm kể từ thời điểm hết hạn thanh toán.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên

1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

a) Đảm bảo thành phần chất thải giao nhận đúng theo Hợp đồng, không lẫn các loại rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại, rác thải y tế và các loại chất thải khác không đủ điều kiện như trên kết quả đã cung cấp cho Bên B. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về nguồn gốc, khối lượng, tính chất chất thải đến thời điểm chất thải được bàn giao cho Bên B.

b) Thông báo thời gian thu gom chất thải cho Bên B trước 01 ngày hoặc trường hợp khẩn cấp trước 04 giờ vào các ngày làm việc trong tuần.

c) Bố trí đường đi đến các địa điểm thu gom chất thải thuận tiện, không bị cản trở.

d) Bố trí thiết bị hỗ trợ bên B bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

e) Cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện Hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có, nhưng không ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng của Bên B.

f) Cử người hướng dẫn nội quy, quy định của Bên A cho nhân viên của Bên B vào thu gom chất thải.

g) Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn đã nêu trong Hợp đồng.

h) Kiểm soát và phân loại chất thải từ nguồn. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải bên A phải thông báo trước bằng văn bản cho bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

i) Bên A có quyền (tuy nhiên không có nghĩa vụ) kiểm tra, giám sát bên B trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, cụ thể Bên A có quyền kiểm tra, giám sát về:

- Khối lượng, chất lượng công việc thực hiện: đáp ứng các yêu cầu công việc, tuân thủ theo quy định pháp luật và Hợp đồng;
- Quá trình các xe vận chuyển và xử lý chất thải: chuyển chất thải đến đúng địa điểm xử lý theo quy định trong Hợp đồng và quy trình xử lý phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật;
- Các biên bản nghiệm thu, các hồ sơ, tài liệu có liên quan.

j) Cách thức kiểm tra:

- Kiểm tra trực tiếp tại hiện trường/địa điểm xử lý chất thải;
- Kiểm tra, giám sát xe chở chất thải theo lộ trình vận chuyển Bên B cung cấp và/hoặc theo thiết bị định vị GPS và các phương thức khác;
- Kiểm tra, giám sát thông qua người đầu mối trực tiếp phụ trách giám sát việc vận chuyển, xử lý của Bên B;
- Bằng các hình thức khác do Bên A quyết định.

k) Bên A có quyền kiểm tra, giám sát theo thời gian bất kỳ *(mà không cần thông báo cho bên B)* đối với toàn bộ hoặc một khâu trong quá trình vận chuyển, xử lý chất thải của bên B. Để cho rõ ràng thì việc kiểm tra, giám sát của Bên A sẽ không làm mất hoặc giảm đi nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B đối với việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của Hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng:

a) Bên B chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật về điều kiện của phương tiện vận chuyển chất thải và việc thu gom, vận chuyển, xử lý, ô nhiễm môi trường kể từ thời điểm Bên A bàn giao chất thải cho Bên B. Bên A không có bất kỳ nghĩa vụ nào đối với chất thải đã được bàn giao cho Bên B.

- Bên B cam kết: khi nhận bàn giao, vận chuyển, xử lý chất thải của Bên A, Bên B có đầy đủ tất cả các điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện các công việc được quy định tại Hợp đồng này.
- Bên B có thể thuê các bên thứ ba thực hiện việc thu gom/vận chuyển/xử lý chất thải của Bên A khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
  - Bên thứ ba đáp ứng đầy đủ tất cả các điều kiện và năng lực theo quy định của pháp luật để thực hiện phần công việc này. Trong trường hợp này, Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tất cả các công việc mà Bên thứ ba thực hiện cho Bên A, bao gồm nhưng không giới hạn: tiến độ, chất lượng công việc và bồi thường thiệt hại khi xảy ra vi phạm (nếu có).

- Bên B và Bên thứ ba đã thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật để Bên B thuê bên thứ ba thu gom/vận chuyển/xử lý chất thải của Bên A (nếu có).
- Phải được sự chấp thuận của Bên A trước khi thực hiện thuê bên thứ ba trên.
- Trong trường hợp này, việc đồng ý của Bên A không làm mất và/hoặc giảm đi nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B và bên thứ ba trong việc thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật để Bên B thuê bên thứ ba thu gom/vận chuyển/xử lý chất thải của Bên A (nếu có) và nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B được quy định tại Hợp đồng.

b) Bên B không được phép xử lý chất thải bên ngoài khu vực/địa điểm khác với địa điểm xử lý đã được hai bên thống nhất quy định tại Điều 2 Hợp đồng này.

c) Trong trường hợp chất thải không được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy trình quy định của pháp luật dẫn đến gây thiệt hại cho môi trường, cây cối, con người, vật nuôi,... thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho bên thứ ba (nếu có).

d) Bên B chịu trách nhiệm rằng: 100% khối lượng chất thải tiếp nhận từ Bên A sẽ được Bên B xử lý tại địa điểm nêu tại Điều 2.

e) Khi nhận được bất kỳ thông tin phản hồi nào về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải không đúng quy định của pháp luật hoặc các điều khoản ghi trong Hợp đồng này, Bên B phải nhanh chóng cử ngay cán bộ đi xác minh thông tin và tiến hành khắc phục trong vòng 12 (mười hai) giờ kể từ khi xác nhận nguồn thông tin là chính xác, đồng thời thông báo ngay cho Bên A về kết quả, thời gian khắc phục để Bên A cử cán bộ đi giám sát.

f) Cung cấp cho Bên A Hồ sơ năng lực, các bản sao chứng thực các loại giấy phép thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp và Hợp đồng giữa Bên B với đơn vị xử lý chất thải kèm theo hồ sơ năng lực cùng giấy phép của đơn vị xử lý;

g) Cùng bên A xác định khối lượng chất thải đã thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hàng tháng.

h) Nhân viên của Bên B (bao gồm cả nhân viên của bên thứ ba do Bên B thuê) đến làm việc tại trụ sở, nhà máy... (nơi tập kết chất thải) của Bên A phải tuyệt đối tuân thủ những quy định nội bộ của Bên A như: ăn mặc, giao tiếp, an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn PCCC.... Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A, không được để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, chi phí xử lý và phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do nhân viên, phương tiện, máy móc, việc không đảm bảo vệ sinh của Bên B gây ra cho người/tài sản của Bên A và/hoặc bên thứ ba.

i) Trước thời điểm giao nhận chất thải và vận chuyển của mỗi đợt, Bên B phải cung cấp chính xác cho Bên A các thông tin sau: thông tin xe, lái xe, lộ trình xe, người trực tiếp chịu trách nhiệm giám sát thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của Bên B đợt đó bằng email hoặc tin nhắn để Bên A nắm được và thuận tiện trong quá trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của Bên B.

j) Bên B phải cử cán bộ giám sát trong suốt quá trình thực hiện công việc và phải cử một cán bộ đầu mối trực tiếp có nhiệm vụ trực tại địa điểm xử lý để theo dõi việc vận chuyển của xe vận chuyển chất thải, ghi lại hình ảnh hiện trường tại thời điểm trước, trong và sau khi xe về địa điểm xử lý chất thải.

k) Bên B có trách nhiệm giám sát chặt chẽ lộ trình di chuyển của các xe vận chuyển để đảm bảo xe đi đúng địa điểm xử lý và bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển.

l) Có trách nhiệm kiểm tra các tài liệu liên quan đến thành phần chất thải trong Hợp đồng do Bên A cung cấp. Trong trường hợp phát hiện ra sự sai lệch hoặc không phù hợp thì phải thông báo/khuyến cáo ngay cho Bên A để hai Bên cùng trao đổi và quyết định phương án thực hiện phù hợp tiếp theo. Tuyệt đối không tiết lộ nội dung các tài liệu trên cũng như nội dung Hợp đồng cho Bên thứ ba.

m) Bên B và bên thứ ba do Bên B thuê có nghĩa vụ bảo mật toàn bộ nội dung của Hợp đồng, các thông tin do Bên A cung cấp và các thông tin biết được trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Bên B và bên thứ ba do Bên B thuê chỉ được sử dụng các thông tin này nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng. Nếu Bên B và bên thứ ba do Bên B thuê vi phạm nội dung này thì được coi như Bên B vi phạm Hợp đồng. Khi đó, Bên B sẽ phải chịu phạt 8% của toàn bộ số tiền Bên A đã thanh toán cho Bên B trong thời gian thực hiện Hợp đồng và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Nội dung này có hiệu lực vĩnh viễn ngay cả khi các nội dung khác của Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.

n) Các quyền và nghĩa vụ/trách nhiệm khác theo quy định của Hợp đồng và Pháp luật.

3. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng

a) Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi Bên B vi phạm một, một số quy định của Hợp đồng và chỉ cần thông báo trước ít nhất 05 ngày tính đến ngày chính thức chấm dứt. Trừ các trường hợp, Bên B vi phạm các một trong các điều kiện sau Bên A được quyền chấm dứt ngay mà không cần thông báo trước:

- Bên B không nhận, nhận không hết số lượng chất thải hoặc nhận chậm chất thải của Bên A quá 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A.
- Bên B (bao gồm bên thứ ba do Bên B thuê) thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải không đúng quy định tại Hợp đồng này, không đúng quy định của pháp luật.
- Bên B và/hoặc bên thứ ba liên quan của Bên B không còn đủ điều kiện, năng lực để tiếp tục thực hiện công việc theo Hợp đồng này;
- Bên B có hành vi gian dối, cung cấp thông tin sai sự thật liên quan đến việc thực hiện các công việc theo Hợp đồng này;

b) Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà chỉ cần thông báo bằng văn bản trước cho Bên B 30 ngày tính đến ngày chấm dứt;

c) Bên B được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và thông báo trước bằng văn bản cho Bên A ít nhất 10 ngày làm việc tính đến ngày chấm dứt khi: Bên A không thanh toán hoặc thanh toán chậm quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Hợp đồng này.

d) Bên B được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi đã thông báo bằng văn bản trước cho Bên A 60 ngày (kể từ ngày Bên A nhận được thông báo của Bên B).

Điều 5: Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại

1. Nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ nhận chất thải khi Bên A có yêu cầu và/hoặc vận chuyển/xử lý chậm so với tiến độ yêu cầu thì sẽ chịu phạt 8% (tám phần trăm) tổng giá trị tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý của khối lượng chất thải được ghi nhận tại thông báo (thông báo trước đó) của Bên A gửi cho Bên B, trừ các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, động đất.

2. Trường hợp Bên B vi phạm một trong các điểm: a, b, c, đ thuộc khoản 2, Điều 4 của Hợp đồng này thì sẽ bị phạt 100% tổng giá trị tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý của đợt vận chuyển đó, nhưng không được vi phạm quá 02 lần, trường hợp vượt quá, Bên B phải chịu phạt 8% giá trị Hợp đồng bị vi phạm và bồi thường toàn bộ chi phí phát sinh mà Bên A phải chịu do việc chậm trễ của Bên B (bao gồm cả việc phải thuê một bên thứ ba khác thực hiện thay công việc của Bên B tại thời điểm đó).

3. Nếu Bên B vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào khác (ngoại trừ các nghĩa vụ được quy định tại a, b, c, e thuộc khoản 2, Điều 4 của Hợp đồng này) thì Bên B phải chịu phạt 8% (tám phần trăm) tổng số tiền mà Bên A đã thanh toán cho Bên B.

4. Trong mọi trường hợp, trong quá trình thực hiện Hợp đồng này nếu Bên B gây thiệt hại cho Bên A và/hoặc bên thứ ba nào khác thì ngoài trách nhiệm chịu phạt vi phạm, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

5. Các khoản tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có) này Bên A sẽ trừ trực tiếp vào đợt thanh toán gần nhất của Bên A cho Bên B hoặc yêu cầu Bên B thanh toán trực tiếp tùy theo quyết định của Bên A. Bên vi phạm thanh toán tiền phạt và/hoặc tiền bồi thường thiệt hại cho bên kia trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của bên kia.

Điều 6: Giải quyết tranh chấp

1. Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

2. Trong trường hợp các bên không thương lượng giải quyết được mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ đưa ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của trung tâm này. Địa điểm giải quyết tại TP Hà Nội, Quyết định của Trọng tài là chung thẩm và hai bên phải tuân theo. Bên thua kiện sẽ chịu mọi chi phí trọng tài và các chi phí liên quan khác.

Điều 7: Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký nêu tại phần đầu của Hợp đồng này đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 để thực hiện.

3. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này chỉ có giá trị hiệu lực khi được lập bằng văn bản và có xác nhận của người có thẩm quyền của hai bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Lưu Công An	Nguyễn Hữu Nguyên

PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải

số 2908/2025/PHX-DRET ngày 29/8/2025)

ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

(Áp dụng từ ngày ký)

TT	Loại chất thải	Đặc tính	Phương pháp xử lý	Đơn vị tính	Đơn giá/tấn (VNĐ)
1	Chất thải công nghiệp thông thường: Bột đá	Rắn	Làm nguyên liệu chế biến khoáng chất tổng hợp KC-Si; KC-Ca	Tấn	465.000

(Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT theo quy định)

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nguyên

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải
số 2903/2025/PHX-DRET ngày 29/8/2025)

TỈNH/THÀNH PHỐ HÀ NỘI	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTCNTT Số:..... /20.....

1. Bên giao (chủ nguồn thải): **Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**
Địa chỉ văn phòng: Số 167 Phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội ĐT: 024.35551411
Địa chỉ cơ sở: Khu CN CNC 2, Khu CNC Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, TP. Hà Nội

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường**
Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, xã Gia Lâm, TP. Hà Nội ĐT: 024.35626204
Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN 33-34, cụm công nghiệp Phú Thứ, phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng

3. Khối lượng: CTCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1			
2			
	Tổng khối lượng (kg)		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 20..... **BÊN GIAO**	Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 20..... **BÊN NHẬN**
Cán bộ thực hiện *(ký, ghi họ tên)*	Cán bộ thực hiện *(ký, ghi họ tên)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-------***-------

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: .....2710...../2025/PHX-DRET

- *Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015.*
- *Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.*
- *Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020.*
- *Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- *Căn cứ Thông tư Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 có hiệu lực thi hành ngày 10 tháng 01 năm 2022;*
- *Căn cứ Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- *Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.*

Hôm nay, ngày 27 tháng 10 năm 2025, tại Trụ sở Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ	:	Số 167 Phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	:	024. 35551411
Mã số thuế	:	0104961939
Người đại diện	:	Ông **Lưu Công An** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 08/2025/UQ-PHX ngày 26/02/2025 của Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A)

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ	:	Khu Tập thể Z176B, xã Gia Lâm, TP. Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	:	0243.5626204
Mã số thuế	:	0101425947
Tài khoản	:	69698338 tại ngân hàng ACB – CN Thăng Long - PGD Hoài Đức
Người đại diện	:	**Ông Nguyễn Hữu Nguyên** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký Hợp đồng với những điều khoản như sau:

Điều 1: Đối tượng Hợp đồng

1. Bên A thuê Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường (bột đá) (sau đây gọi tắt là "chất thải") phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Bên A. Bên B có nghĩa vụ thực hiện các công việc này theo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường hiện hành của Việt Nam.
2. Bên B có nghĩa vụ thực hiện các công việc này theo đúng thỏa thuận của hai Bên tại Hợp đồng và tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 2: Đặc tính chất thải, địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển

1. Đặc tính chất thải: Theo Phụ lục số 01 đính kèm.
2. Địa điểm bên A giao, bên B nhận chất thải: Tại khu vực tập kết chất thải của Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, TP. Hà Nội.

   Địa điểm xử lý chất thải: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường, địa chỉ: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng.
3. Thời gian giao nhận: Mỗi đợt bàn giao chất thải bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trước ít nhất 01 ngày (bằng điện thoại, ứng dụng nhắn tin, fax, email) trừ ngày lễ và chủ nhật. Nội dung thông báo ghi rõ khối lượng và loại chất thải. Bên B phải đến nhận toàn bộ chất thải trong thời hạn 01 (một) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A hoặc theo đúng kế hoạch Bên A đã thông báo.
4. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng và nhân công bốc xếp (nếu cần), đảm bảo các xe đủ điều kiện vận chuyển chất thải theo quy định của pháp luật.
5. Bên A hỗ trợ phương tiện xúc chất thải lên xe vận chuyển của bên B.
6. Các Bên thông báo trước cho nhau bằng văn bản về người đại diện của mình có thẩm quyền thực hiện và ký các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc giao nhận, vận chuyển, xử lý chất thải. Các cá nhân này có trách nhiệm bàn giao và xác nhận số lượng giao nhận chính xác làm cơ sở thanh toán giữa các Bên.

- Hồ sơ giao nhận, vận chuyển, xử lý chất thải phải đầy đủ theo quy trình giao nhận giữa 2 bên. Trong trường hợp bên B thay đổi địa điểm xử lý chất thải phải được sự đồng ý trước của Bên A, hai bên ký kết phụ lục Hợp đồng về việc thay đổi này.
- Thời điểm bàn giao chất thải từ Bên A sang Bên B được xác định là sau khi chất thải được bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của Bên B và/hoặc hai bên ký biên bản bàn giao cho từng chuyến xe (mẫu Biên bản quy định tại Phụ lục số 02 Hợp đồng này) tùy vào thời điểm nào đến trước.

7. Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu chất thải và tất cả các rủi ro về/liên quan đến chất thải từ Bên A sang Bên B là thời điểm bàn giao chất thải từ Bên A sang Bên B.
8. Các bên sẽ cân phương tiện vận chuyển trước và sau khi bốc xếp chất thải để xác định khối lượng từng chuyến và ghi nhận trên biên bản bàn giao. Chi phí cân phương tiện do Bên B chi trả.

Điều 3: Đơn giá và hình thức thanh toán

1. Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp: theo Phụ lục số 01.

Phụ lục số 01 là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này. Đơn giá sẽ được điều chỉnh theo sự thay đổi của thị trường bằng các phụ lục Hợp đồng thông qua sự đàm phán và nhất trí giữa 02 bên, bên đề nghị thay đổi phải gửi thông báo cho bên kia về việc này ít nhất là 30 (ba mươi) ngày tính đến ngày dự định thay đổi. Trong thời hạn này hai bên vẫn phải nghiêm túc thực hiện các điều khoản trong Hợp đồng. Nếu hai bên không thống nhất được với nhau về việc thay đổi đơn giá thì một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thực hiện nghĩa vụ thông báo trước được quy định tại khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng này.

2. Hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, cuối tháng lập biên bản rà soát khối lượng hai bên đã bàn giao để cùng đối chiếu và xác nhận khối lượng để làm cơ sở thanh toán.

3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4. Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán tiền vận chuyển và xử lý chất thải cho bên B theo từng tháng trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên A nhận được hoá đơn tài chính của bên B kèm theo biên bản rà soát khối lượng hai bên đã bàn giao, xử lý thực tế của tháng đề nghị thanh toán (biên bản có xác nhận của người có thẩm quyền của hai bên) và biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải đã vận chuyển, xử lý hàng tháng tại điểm xử lý được ký, đóng dấu của cá nhân có thẩm quyền của Bên B hoặc giữa Bên B và bên xử lý. Trường hợp Bên A thanh toán không đúng hạn, Bên A sẽ phải chịu mức phí được tính dựa vào căn cứ lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam ban hành áp dụng với khối doanh nghiệp tại thời điểm đó trên tổng số tiền thanh toán chậm kể từ thời điểm hết hạn thanh toán.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên

1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

a) Đảm bảo thành phần chất thải giao nhận đúng theo Hợp đồng, không lẫn các loại rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại, rác thải y tế và các loại chất thải khác không đủ điều kiện như trên kết quả đã cung cấp cho Bên B. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về nguồn gốc, khối lượng, tính chất chất thải đến thời điểm chất thải được bàn giao cho Bên B.

b) Thông báo thời gian thu gom chất thải chở Bên B trước 01 ngày hoặc trường hợp khẩn cấp trước 04 giờ vào các ngày làm việc trong tuần.

c) Bố trí đường đi đến các địa điểm thu gom chất thải thuận tiện, không bị cản trở.

d) Bố trí thiết bị hỗ trợ bên B bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

e) Cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện Hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có, nhưng không ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng của Bên B.

f) Cử người hướng dẫn nội quy, quy định của Bên A cho nhân viên của Bên B vào thu gom chất thải.

g) Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn đã nêu trong Hợp đồng.

h) Kiểm soát và phân loại chất thải từ nguồn. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải bên A phải thông báo trước bằng văn bản cho bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

i) Bên A có quyền (tuy nhiên không có nghĩa vụ) kiểm tra, giám sát bên B trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, cụ thể Bên A có quyền kiểm tra, giám sát về:

- Khối lượng, chất lượng công việc thực hiện: đáp ứng các yêu cầu công việc, tuân thủ theo quy định pháp luật và Hợp đồng;
- Quá trình các xe vận chuyển và xử lý chất thải: chuyển chất thải đến đúng địa điểm xử lý theo quy định trong Hợp đồng và quy trình xử lý phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật;
- Các biên bản nghiệm thu, các hồ sơ, tài liệu có liên quan.

j) Cách thức kiểm tra:

- Kiểm tra trực tiếp tại hiện trường/địa điểm xử lý chất thải;
- Kiểm tra, giám sát xe chở chất thải theo lộ trình vận chuyển Bên B cung cấp và/hoặc theo thiết bị định vị GPS và các phương thức khác;
- Kiểm tra, giám sát thông qua người đầu mối trực tiếp phụ trách giám sát việc vận chuyển, xử lý của Bên B;
- Bằng các hình thức khác do Bên A quyết định.

k) Bên A có quyền kiểm tra, giám sát theo thời gian bất kỳ *(mà không cần thông báo cho bên B)* đối với toàn bộ hoặc một khâu trong quá trình vận chuyển, xử lý chất thải của bên B. Để cho rõ ràng thì việc kiểm tra, giám sát của Bên A sẽ không làm mất hoặc giảm đi nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B đối với việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của Hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng:

a) Bên B chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật về điều kiện của phương tiện vận chuyển chất thải và việc thu gom, vận chuyển, xử lý, ô nhiễm môi trường kể từ thời điểm Bên A bàn giao chất thải cho Bên B. Bên A không có bất kỳ nghĩa vụ nào đối với chất thải đã được bàn giao cho Bên B.

- Bên B cam kết: khi nhận bàn giao, vận chuyển, xử lý chất thải của Bên A, Bên B có đầy đủ tất cả các điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện các công việc được quy định tại Hợp đồng này.
- Bên B có thể thuê các bên thứ ba thực hiện việc thu gom/vận chuyển/xử lý chất thải của Bên A khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
  - Bên thứ ba đáp ứng đầy đủ tất cả các điều kiện và năng lực theo quy định của pháp luật để thực hiện phần công việc này. Trong trường hợp này, Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tất cả các công việc mà Bên thứ ba thực hiện cho Bên A, bao gồm nhưng không giới hạn: tiến độ, chất lượng công việc và bồi thường thiệt hại khi xảy ra vi phạm (nếu có).
  - Bên B và Bên thứ ba đã thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật để Bên B thuê bên thứ ba thu gom/vận chuyển/xử lý chất thải của Bên A (nếu có).
  - Phải được sự chấp thuận của Bên A trước khi thực hiện thuê bên thứ ba trên.
  - Trong trường hợp này, việc đồng ý của Bên A không làm mất và/hoặc giảm đi nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B và bên thứ ba trong việc thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của pháp

luật để Bên B thuê bên thứ ba thu gom/vận chuyển/xử lý chất thải của Bên A (nếu có) và nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B được quy định tại Hợp đồng.

b) Bên B không được phép xử lý chất thải bên ngoài khu vực/địa điểm khác với địa điểm xử lý đã được hai bên thống nhất quy định tại Điều 2 Hợp đồng này.

c) Trong trường hợp chất thải không được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy trình quy định của pháp luật dẫn đến gây thiệt hại cho môi trường, cây cối, con người, vật nuôi,... thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho bên thứ ba (nếu có).

d) Bên B chịu trách nhiệm rằng: 100% khối lượng chất thải tiếp nhận từ Bên A sẽ được Bên B xử lý tại địa điểm nêu tại Điều 2.

e) Khi nhận được bất kỳ thông tin phản hồi nào về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải không đúng quy định của pháp luật hoặc các điều khoản ghi trong Hợp đồng này, Bên B phải nhanh chóng cử ngay cán bộ đi xác minh thông tin và tiến hành khắc phục trong vòng 12 (mười hai) giờ kể từ khi xác nhận nguồn thông tin là chính xác, đồng thời thông báo ngay cho Bên A về kết quả, thời gian khắc phục để Bên A cử cán bộ đi giám sát.

f) Cung cấp cho Bên A Hồ sơ năng lực, các bản sao chứng thực các loại giấy phép thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp và Hợp đồng giữa Bên B với đơn vị xử lý chất thải kèm theo hồ sơ năng lực cùng giấy phép của đơn vị xử lý;

g) Cùng bên A xác định khối lượng chất thải đã thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hàng tháng.

h) Nhân viên của Bên B (bao gồm cả nhân viên của bên thứ ba do Bên B thuê) đến làm việc tại trụ sở, nhà máy... (nơi tập kết chất thải) của Bên A phải tuyệt đối tuân thủ những quy định nội bộ của Bên A như: ăn mặc, giao tiếp, an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn PCCC.... Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A, không được để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, chi phí xử lý và phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do nhân viên, phương tiện, máy móc, việc không đảm bảo vệ sinh của Bên B gây ra cho người/tài sản của Bên A và/hoặc bên thứ ba.

i) Trước thời điểm giao nhận chất thải và vận chuyển của mỗi đợt, Bên B phải cung cấp chính xác cho Bên A các thông tin sau: thông tin xe, lái xe, lộ trình xe, người trực tiếp chịu trách nhiệm giám sát thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của Bên B đợt đó bằng email hoặc tin nhắn để Bên A nắm được và thuận tiện trong quá trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của Bên B.

j) Bên B phải cử cán bộ giám sát trong suốt quá trình thực hiện công việc và phải cử một cán bộ đầu mối trực tiếp có nhiệm vụ trực tại địa điểm xử lý để theo dõi việc vận chuyển của xe vận chuyển chất thải, ghi lại hình ảnh hiện trường tại thời điểm trước, trong và sau khi xe về địa điểm xử lý chất thải.

k) Bên B có trách nhiệm giám sát chặt chẽ lộ trình di chuyển của các xe vận chuyển để đảm bảo xe đi đúng địa điểm xử lý và bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển.

l) Có trách nhiệm kiểm tra các tài liệu liên quan đến thành phần chất thải trong Hợp đồng do Bên A cung cấp. Trong trường hợp phát hiện ra sự sai lệch hoặc không phù hợp thì phải thông báo/khuyến cáo ngay cho Bên A để hai Bên cùng trao đổi và quyết định phương án thực hiện phù hợp tiếp theo. Tuyệt đối không tiết lộ nội dung các tài liệu trên cũng như nội dung Hợp đồng cho Bên thứ ba.

m) Bên B và bên thứ ba do Bên B thuê có nghĩa vụ bảo mật toàn bộ nội dung của Hợp đồng, các thông tin do Bên A cung cấp và các thông tin biết được trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Bên B và bên thứ ba do Bên B thuê chỉ được sử dụng các thông tin này nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng. Nếu Bên B và bên thứ ba do Bên B thuê vi phạm nội dung này thì được coi như Bên B vi phạm Hợp đồng. Khi đó, Bên B sẽ phải chịu phạt 8% của toàn bộ số tiền Bên A đã thanh toán cho Bên B trong thời gian thực hiện Hợp đồng và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Nội dung này có hiệu lực vĩnh viễn ngay cả khi các nội dung khác của Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.

n) Các quyền và nghĩa vụ/trách nhiệm khác theo quy định của Hợp đồng và Pháp luật.

3. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng

a) Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi Bên B vi phạm một, một số quy định của Hợp đồng và chỉ cần thông báo trước ít nhất 05 ngày tính đến ngày chính thức chấm dứt. Trừ các trường hợp, Bên B vi phạm các một trong các điều kiện sau Bên A được quyền chấm dứt ngay mà không cần thông báo trước:

- Bên B không nhận, nhận không hết số lượng chất thải hoặc nhận chậm chất thải của Bên A quá 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A.
- Bên B (bao gồm bên thứ ba do Bên B thuê) thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải không đúng quy định tại Hợp đồng này, không đúng quy định của pháp luật.
- Bên B và/hoặc bên thứ ba liên quan của Bên B không còn đủ điều kiện, năng lực để tiếp tục thực hiện công việc theo Hợp đồng này;
- Bên B có hành vi gian dối, cung cấp thông tin sai sự thật liên quan đến việc thực hiện các công việc theo Hợp đồng này;

b) Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà chỉ cần thông báo bằng văn bản trước cho Bên B 30 ngày tính đến ngày chấm dứt;

c) Bên B được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và thông báo trước bằng văn bản cho Bên A ít nhất 10 ngày làm việc tính đến ngày chấm dứt khi: Bên A không thanh toán hoặc thanh toán chậm quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Hợp đồng này.

d) Bên B được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi đã thông báo bằng văn bản trước cho Bên A 60 ngày (kể từ ngày Bên A nhận được thông báo của Bên B).

Điều 5: Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại

1. Nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ nhận chất thải khi Bên A có yêu cầu và/hoặc vận chuyển/xử lý chậm so với tiến độ yêu cầu thì sẽ chịu phạt 8% (tám phần trăm) tổng giá trị tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý của khối lượng chất thải được ghi nhận tại thông báo (thông báo trước đó) của Bên A gửi cho Bên B, trừ các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, động đất.
2. Trường hợp Bên B vi phạm một trong các điểm: a, b, c, d thuộc khoản 2, Điều 4 của Hợp đồng này thì sẽ bị phạt 100% tổng giá trị tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý của đợt vận chuyển đó, nhưng không được vi phạm quá 02 lần, trường hợp vượt quá, Bên B phải chịu phạt 8% giá trị Hợp đồng bị vi phạm và bồi thường toàn bộ chi phí phát sinh mà Bên A phải chịu do việc chậm trễ của Bên B (bao gồm cả việc phải thuê một bên thứ ba khác thực hiện thay công việc của Bên B tại thời điểm đó).

3. Nếu Bên B vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào khác (ngoại trừ các nghĩa vụ được quy định tại a, b, c, e thuộc khoản 2, Điều 4 của Hợp đồng này) thì Bên B phải chịu phạt 8% (tám phần trăm) tổng số tiền mà Bên A đã thanh toán cho Bên B.

4. Trong mọi trường hợp, trong quá trình thực hiện Hợp đồng này nếu Bên B gây thiệt hại cho Bên A và/hoặc bên thứ ba nào khác thì ngoài trách nhiệm chịu phạt vi phạm, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

5. Các khoản tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có) này Bên A sẽ trừ trực tiếp vào đợt thanh toán gần nhất của Bên A cho Bên B hoặc yêu cầu Bên B thanh toán trực tiếp tùy theo quyết định của Bên A. Bên vi phạm thanh toán tiền phạt và/hoặc tiền bồi thường thiệt hại cho bên kia trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của bên kia.

Điều 6: Giải quyết tranh chấp

1. Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

2. Trong trường hợp các bên không thương lượng giải quyết được mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ đưa ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của trung tâm này. Địa điểm giải quyết tại TP Hà Nội, Quyết định của Trọng tài là chung thẩm và hai bên phải tuân theo. Bên thua kiện sẽ chịu mọi chi phí trọng tài và các chi phí liên quan khác.

Điều 7: Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký nêu tại phần đầu của Hợp đồng này đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2026.

2. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 để thực hiện.

3. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này chỉ có giá trị hiệu lực khi được lập bằng văn bản và có xác nhận của người có thẩm quyền của hai bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Lưu Công An	Nguyễn Hữu Nguyên

PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải

số: .....2710/PHX-DRET ngày 27/10/2025)

ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

(Áp dụng từ ngày ký)

TT	Loại chất thải	Đặc tính	Phương pháp xử lý	Đơn vị tính	Đơn giá/tấn (VNĐ)
1	Chất thải công nghiệp thông thường: Bột đá	Rắn	Làm nguyên liệu chế biến khoáng chất tổng hợp KC-Si, KC-Ca	Tấn	465.000

(Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT theo quy định)

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nguyên

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải

số ...../PHX-DRET ngày ...../...../2025)

TỈNH/THÀNH PHỐ HÀ NỘI	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTCNTT Số:..... /20.....

1. Bên giao (chủ nguồn thải): **Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**
Địa chỉ văn phòng: Số 167 Phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội ĐT: 024.35551411
Địa chỉ cơ sở: Khu CN CNC 2, Khu CNC Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, TP. Hà Nội

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường**
Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, xã Gia Lâm, TP. Hà Nội ĐT: 024.35626204
Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN 33-34, cụm công nghiệp Phú Thứ, phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng

3. Khối lượng: CTCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1			
2			
	Tổng khối lượng (kg)		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 20..... **BÊN GIAO**	Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 20..... **BÊN NHẬN**
Cán bộ thực hiện *(ký, ghi họ tên)*	Cán bộ thực hiện *(ký, ghi họ tên)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-------***-------

PHỤ LỤC SỐ 03

V/v: Điều chỉnh Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số 2710/2025/PHX-DRET

- *Căn cứ Hợp đồng số 2710/2025/PHX-ĐRET ký ngày 27/10/2025 giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty cổ phần phát triển công nghệ Tài nguyên Môi trường;*
- *Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.*

Hôm nay, ngày 13/11/2025, tại Trụ sở Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ	:	Số 167 Phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	:	0243. 5551411
Mã số thuế	:	0104961939
Người đại diện	:	Ông **Lưu Công An** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 08/2025/UQ-PHX ngày 26/02/2025 của Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A)

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ	:	Khu Tập thể Z176B, xã Gia Lâm, TP. Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	:	0243.5626204
Mã số thuế	:	0101425947
Tài khoản	:	69698338 tại ngân hàng ACB – CN Thăng Long - PGD Hoài Đức
Người đại diện	:	**Ông Nguyễn Hữu Nguyên** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký Phụ lục số 03 với các điều khoản như sau:

Điều 1: sửa đổi Điều 1 Hợp đồng,

Từ:

"Điều 1: Đối tượng Hợp đồng

1. Bên A thuê Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường (bột đá) (sau đây gọi tắt là "chất thải") phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Bên A. Bên B có nghĩa vụ thực hiện các công việc này theo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường hiện hành của Việt Nam.
2. Bên B có nghĩa vụ thực hiện các công việc này theo đúng thỏa thuận của hai Bên tại Hợp đồng và tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật."

Đổi thành:

"Điều 1: Đối tượng Hợp đồng

1. Bên A thuê Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường (bột đá, bavia đá, ...) (sau đây gọi tắt là "chất thải") phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Bên A. Bên B có nghĩa vụ thực hiện các công việc này theo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường hiện hành của Việt Nam.
2. Bên B có nghĩa vụ thực hiện các công việc này theo đúng thỏa thuận của hai Bên tại Hợp đồng và tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật."

Điều 2: Điều khoản chung

1. Các điều khoản khác trong hợp đồng số 2710/2025/PHX-DRET giữ nguyên không thay đổi.
2. Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày 13/11/2025 và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 2710/2025/PHX-DRET ký ngày 27/10/2025.
3. Phụ lục này được lập thành 03 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Lưu Công An	Nguyễn Hữu Nguyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-------***-------

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 2406/2026/A&A-HGQ

– Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

– Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

– Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020;

– Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

– Căn cứ Thông tư Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 có hiệu lực thi hành ngày 10 tháng 01 năm 2022;

– Căn cứ Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

– Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ	:	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	:	024.35551411
Mã số thuế	:	0104961939
Người đại diện	:	**Ông Lưu Công An** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 08/2025/UQ-PHX ngày 26/02/2025 của Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A)

BÊN B: CÔNG TY CP XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG THƯƠNG MẠI HOÀNG GIA QUÂN

Địa chỉ	:	Xóm Kim Liên, Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Điện thoại	:	02383.790.188
Mã số thuế	:	2901447661

Tài khoản	:	113843588888 - tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) – CN Đông Hà Nội
Người đại diện	:	**Ông Đặng Hữu Quân** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký Hợp đồng với những điều khoản như sau:

Điều 1: Đối tượng Hợp đồng

1. Bên A thuê Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường (theo Phụ lục số 01 đính kèm) (sau đây gọi tắt là "chất thải") phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Bên A. Bên B có nghĩa vụ thực hiện các công việc này theo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường hiện hành của Việt Nam.
2. Bên B có nghĩa vụ thực hiện các công việc này theo đúng thỏa thuận của hai Bên tại Hợp đồng và tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 2: Đặc tính chất thải, địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển

1. Đặc tính chất thải: Theo Phụ lục số 01 đính kèm.
2. Địa điểm bên A giao, bên B nhận chất thải: Tại khu vực tập kết chất thải của Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa điểm xử lý chất thải: Nhà máy xử lý chất thải rắn và lỏng Tân Kỳ, có địa chỉ tại: Thung 70, xóm Hồ Thành, Xã Tân Phú, tỉnh Nghệ An.

3. Thời gian giao nhận: Mỗi đợt bàn giao chất thải bên, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trước ít nhất 02 (hai) ngày làm việc (bằng điện thoại, ứng dụng nhắn tin hoặc email), không bao gồm ngày lễ, Tết và Chủ nhật. Nội dung thông báo ghi rõ khối lượng dự kiến, loại chất thải và thời gian giao nhận. Bên B có trách nhiệm bố trí phương tiện, nhân sự để tiếp nhận khối lượng chất thải theo thông báo của Bên A trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được thông báo của Bên A hoặc theo kế hoạch giao nhận đã được hai bên thống nhất bằng văn bản, email hoặc tin nhắn Trường hợp khối lượng chất thải phát sinh lớn bất thường, điều kiện thời tiết bất lợi, sự cố giao thông hoặc các nguyên nhân khách quan khác ảnh hưởng đến việc thu gom, vận chuyển, hai bên sẽ phối hợp thống nhất lại thời gian giao nhận phù hợp và không xem đây là hành vi vi phạm Hợp đồng của Bên B.
4. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đảm bảo các phương tiện đủ điều kiện vận chuyển chất thải theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Bên A có trách nhiệm bố trí phương tiện, máy móc, thiết bị để xúc chất thải lên phương tiện vận chuyển của bên B tại địa điểm giao nhận.
6. Trường hợp phát sinh chi phí liên quan đến việc sử dụng phương tiện, máy móc, thiết bị của bên A để xúc, bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển của Bên B thì các chi phí này do bên A chịu trách nhiệm thanh toán và không được tính vào đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải của Bên B, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.
7. Các Bên thông báo trước cho nhau bằng văn bản về người đại diện của mình có thẩm quyền thực hiện và ký các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc giao nhận, vận chuyển, xử lý chất thải. Các cá nhân này có trách nhiệm bàn giao và xác nhận số lượng giao nhận chính xác làm cơ sở thanh toán giữa các Bên.

Hồ sơ giao nhận, vận chuyển, xử lý chất thải phải đầy đủ theo quy trình giao nhận giữa 2 bên. Trong trường hợp bất khả kháng Bên B thay đổi địa điểm xử lý chất thải theo đúng quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm thông báo tới Bên A và có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A trước khi thực hiện. Trường hợp việc thay đổi địa điểm xử lý làm thay đổi bản chất dịch vụ, đơn giá hoặc các điều kiện thương mại của Hợp đồng thì các bên sẽ xem xét thỏa thuận để ký kết phụ lục Hợp đồng để ghi nhận nội dung thay đổi nếu cần.

Thời điểm bàn giao chất thải từ Bên A sang Bên B được xác định là thời điểm chất thải được bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của Bên B, xe vận chuyển ra khỏi cổng của Bên A (mẫu Biên bản quy định tại Phụ lục 02 Hợp đồng này)

8. Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu chất thải và tất cả các rủi ro liên quan đến chất thải từ Bên A cho Bên B là là thời điểm hai bên hoàn tất việc bàn giao và ký xác nhận Biên bản giao nhận chất thải trước khi phương tiện vận chuyển của Bên B rời khỏi cổng Bên A.
9. Các bên sẽ cân phương tiện vận chuyển trước và sau khi bốc xếp chất thải để xác định khối lượng từng chuyến và ghi nhận trên biên bản bàn giao. Chi phí cân phương tiện do Bên B chi trả.

Điều 3: Đơn giá, khối lượng và hình thức thanh toán

1. Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp: Theo Phụ lục số 01 đính kèm.

Phụ lục số 01 là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này.

Đơn giá sẽ được điều chỉnh theo sự thay đổi của thị trường bằng các phụ lục Hợp đồng thông qua sự đàm phán và nhất trí giữa 02 bên. Nếu hai bên không thống nhất được với nhau về việc thay đổi đơn giá thì một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thực hiện nghĩa vụ thông báo trước được quy định tại khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng này.

2. Khối lượng chất thải tạm tính: Theo Phụ lục số 01 đính kèm.
3. Khối lượng chất thải nêu tại Phụ lục số 01 là khối lượng dự kiến để các bên làm căn cứ tổ chức thực hiện Hợp đồng. Khối lượng thực tế được xác định theo từng đợt giao nhận và biên bản giao nhận chất thải được các bên ký xác nhận. Các bên thống nhất khối lượng chất thải dự kiến tối thiểu cho mỗi đợt thu gom là 30 (ba mươi) tấn/01 xe. Trường hợp khối lượng phát sinh dưới mức này, Bên A sẽ thông báo trước để hai bên thống nhất phương án thu gom và chi phí thực hiện phù hợp.
4. Các bên thống nhất rằng, Bên A có quyền điều chỉnh khối lượng chất thải phát sinh theo nhu cầu thực tế nhưng phải đảm bảo khối lượng tối thiểu mỗi đợt thu gom theo quy định tại khoản này hoặc chi phí vận chuyển tối thiểu tương đương 30 tấn/01 xe.
5. Trường hợp khối lượng chất thải thực tế vượt quá khối lượng dự kiến tại Phụ lục số 01, phần khối lượng phát sinh thêm sẽ được thanh toán theo đơn giá quy định tại Hợp đồng (trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản).
6. Việc điều chỉnh tăng hoặc giảm khối lượng chất thải không làm thay đổi đơn giá đã thỏa thuận trong Hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác bằng văn bản. Mọi điều chỉnh đơn giá chỉ có giá trị khi được các bên thống nhất bằng văn bản.
7. Hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, cuối tháng lập biên bản nghiệm thu khối lượng hai bên đã bàn giao để cùng đối chiếu và xác nhận khối lượng để làm cơ sở thanh toán.

8. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

9. Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán tiền vận chuyển và xử lý chất thải cho bên B theo từng tháng trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ do Bên B cung cấp, bao gồm:

- Biên bản bàn giao khối lượng thực tế theo từng chuyến đã được đại diện 2 bên ký xác nhận trước khi xe của Bên B ra cổng (Bên A sử dụng bản sao có đóng dấu xác nhận sao y của Bên B hoặc bản scan từ bản gốc để phục vụ công tác đối chiếu, nghiệm thu và thanh toán);

- Biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải đã bàn giao, vận chuyển và xử lý trong tháng được hai bên đối chiếu, xác nhận và lập vào ngày làm việc cuối cùng của tháng;

- Hoá đơn tài chính của bên B phát hành trên cơ sở biên bản nghiệm thu khối lượng hai bên đã bàn giao, xử lý thực tế của tháng;

- Đề nghị thanh toán;

- Trường hợp Bên A thanh toán không đúng hạn nêu trên thì phải trả lãi chậm thanh toán trên số tiền chậm trả kể từ ngày hết hạn thanh toán đến ngày thực tế thanh toán. Mức lãi suất áp dụng bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam ban hành áp dụng với khối doanh nghiệp tại thời điểm thanh toán;

- Trường hợp bên A không có ý kiến phản hồi bằng văn bản trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thanh toán thì hồ sơ được xem là hợp lệ và được chấp thuận thanh toán;

- Trường hợp bên A chậm thanh toán quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày đến hạn thanh toán, Bên B có quyền tạm ngừng thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải cho đến khi Bên A hoàn thành nghĩa vụ thanh toán mà không bị xem là vi phạm Hợp đồng.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên

1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

a) Đảm bảo thành phần chất thải giao nhận đúng theo Hợp đồng, không lẫn các loại rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại, rác thải y tế và các loại chất thải khác không đủ điều kiện như trên kết quả đã cung cấp cho Bên B. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về nguồn gốc, khối lượng, tính chất chất thải đến thời điểm chất thải được bàn giao cho Bên B. Trường hợp Bên A cung cấp sai hoặc không đầy đủ thông tin về nguồn gốc, thành phần hoặc tính chất chất thải thì Bên A vẫn phải chịu trách nhiệm đối với các hậu quả phát sinh từ việc cung cấp thông tin không chính xác đó.

b) Thông báo thời gian thu gom chất thải cho Bên B trước 02 (hai) ngày làm việc.Trường hợp khẩn cấp, hai bên sẽ phối hợp thống nhất thời gian thu gom phù hợp.

c) Bố trí đường đi đến các địa điểm thu gom chất thải thuận tiện, không bị cản trở.

d) Bố trí thiết bị bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển của Bên B.

e) Cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện Hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có, nhưng không ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng của Bên B.

f) Cử người hướng dẫn nội quy, quy định của Bên A cho nhân viên của Bên B vào thu gom chất thải.

g) Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn đã nêu trong Hợp đồng.

h) Kiểm soát và phân loại chất thải từ nguồn. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải bên A phải thông báo trước bằng văn bản cho bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

i) Bên A có quyền (tuy nhiên không có nghĩa vụ) kiểm tra, giám sát bên B trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, cụ thể Bên A có quyền kiểm tra, giám sát về:

- Khối lượng, chất lượng công việc thực hiện: đáp ứng các yêu cầu công việc, tuân thủ theo quy định pháp luật và Hợp đồng;
- Quá trình các xe vận chuyển và xử lý chất thải: chuyển chất thải đến đúng địa điểm xử lý theo quy định trong Hợp đồng và quy trình xử lý phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật;
- Các biên bản nghiệm thu, các hồ sơ, tài liệu có liên quan.
- Việc kiểm tra, giám sát không được làm ảnh hưởng hoặc gián đoạn hoạt động hợp pháp của Bên B.

j) Cách thức kiểm tra:

- Kiểm tra trực tiếp tại hiện trường/địa điểm xử lý chất thải;
- Kiểm tra, giám sát xe chở chất thải theo lộ trình vận chuyển Bên B cung cấp và/hoặc theo thiết bị định vị GPS và các phương thức khác;
- Kiểm tra, giám sát thông qua người đầu mối trực tiếp phụ trách giám sát việc vận chuyển, xử lý của Bên B;
- Các hình thức hợp pháp khác được hai bên thống nhất.
- Mọi thông tin, dữ liệu, hình ảnh, hồ sơ thu nhập được trong quá trình kiểm tra chỉ được sử dụng cho mục đích thực hiện Hợp đồng và phải được Bên A bảo mật.

k) Bên A có quyền kiểm tra, giám sát trong thời gian thực hiện Hợp đồng (ngoài thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bên A sẽ thông báo trước cho Bên B để phối hợp thực hiện việc kiểm tra). Để cho rõ ràng thì việc kiểm tra, giám sát của Bên A sẽ không làm mất hoặc giảm đi nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B đối với việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của Hợp đồng và theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng:

a) Bên B chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật về điều kiện của phương tiện vận chuyển chất thải và việc thu gom, vận chuyển, xử lý, ô nhiễm môi trường kể từ thời điểm Bên A bàn giao chất thải cho Bên B. Bên A không còn trách nhiệm đối với hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải kể từ thời điểm bàn giao, trừ các trách nhiệm liên quan đến nguồn gốc, thành phần, tính chất chất thải đã bàn giao trước khi ra cổng Bên A.

- Bên B cam kết: khi nhận bàn giao, vận chuyển, xử lý chất thải của Bên A, Bên B có đầy đủ tất cả các điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện các công việc được quy định tại Hợp đồng này.

- Bên B có thể thuê các bên thứ ba thực hiện việc thu gom/vận chuyển/xử lý chất thải của Bên A khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
  - Bên thứ ba đáp ứng đầy đủ tất cả các điều kiện và năng lực theo quy định của pháp luật để thực hiện phần công việc này. Trong trường hợp này, Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tất cả các công việc mà Bên thứ ba thực hiện cho Bên A, bao gồm nhưng không giới hạn: tiến độ, chất lượng công việc và bồi thường thiệt hại khi xảy ra vi phạm (nếu có).
  - Bên B và Bên thứ ba đã thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật để Bên B thuê bên thứ ba thu gom/vận chuyển/xử lý chất thải của Bên A (nếu có).
  - Phải được sự chấp thuận của Bên A trước khi thực hiện thuê bên thứ ba trên.
  - Trong trường hợp này, việc đồng ý của Bên A không làm mất và/hoặc giảm đi nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B và bên thứ ba trong việc thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật để Bên B thuê bên thứ ba thu gom/vận chuyển/xử lý chất thải của Bên A (nếu có) và nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B được quy định tại Hợp đồng.

b) Bên B không được phép xử lý chất thải bên ngoài khu vực/địa điểm khác với địa điểm xử lý đã được hai bên thống nhất trừ các trường hợp được quy định Điều 2 của Hợp đồng này. Trong trường hợp chất thải không được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy trình quy định của pháp luật dẫn đến gây thiệt hại cho môi trường, cây cối, con người, vật nuôi,... thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho bên thứ ba (nếu có) trong phạm vi lỗi do Bên B hoặc người do Bên B quản lý gây ra.

c) Bên B chịu trách nhiệm rằng: Bên B chịu trách nhiệm rằng 100% khối lượng chất thải tiếp nhận từ Bên A được xử lý tại địa điểm quy định tại Điều 2 của Hợp đồng. Trường hợp phát sinh nhu cầu thay đổi địa điểm xử lý do yêu cầu vận hành, nhu cầu kỹ thuật, điều kiện thực tế của cơ sở xử lý, trường hợp bất khả kháng hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bên B được quyền chuyển chất thải đến địa điểm xử lý hợp pháp khác của Bên B hoặc của đơn vị có đủ điều kiện theo quy định pháp luật và có trách nhiệm thông báo tới Bên A và phải có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A trước khi thực hiện. Việc thay đổi địa điểm xử lý trong các trường hợp nêu trên không được xem là hành vi vi phạm Hợp đồng của Bên B.

d) Khi nhận được bất kỳ thông tin phản hồi nào về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải không đúng quy định của pháp luật hoặc các điều khoản ghi trong Hợp đồng này, Bên B phải nhanh chóng cử ngay cán bộ đi xác minh thông tin và tiến hành khắc phục trong thời gian hợp lý nhưng không quá 72 (bảy mươi hai) giờ kể từ khi xác nhận thông tin phản ánh là chính xác, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc các nguyên nhân khách quan ngoài khả năng kiểm soát của Bên B. Đồng thời thông báo ngay cho Bên A về kết quả, thời gian khắc phục để Bên A cử cán bộ đi giám sát.

e) Cung cấp cho Bên A Hồ sơ năng lực, các bản sao chứng thực các loại giấy phép thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp và Hợp đồng giữa Bên B với đơn vị xử lý chất thải kèm theo hồ sơ năng lực cùng giấy phép của đơn vị xử lý.

f) Cùng bên A xác định khối lượng chất thải đã thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hàng tháng.

g) Nhân viên của Bên B (bao gồm cả nhân viên của bên thứ ba do Bên B thuê) đến làm việc tại trụ sở, nhà máy... (nơi tập kết chất thải) của Bên A phải tuyệt đối tuân thủ những quy định nội bộ của Bên A như: ăn mặc, giao tiếp, an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn PCCC.... Có

trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A, không được để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Bên B phải chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại trực tiếp, thực tế phát sinh do lỗi của Bên B hoặc nhân sự, phương tiện, thiết bị do Bên B quản lý gây ra. Giá trị thiệt hại phải được chứng minh bằng tài liệu, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật.

h) Trước thời điểm giao nhận chất thải và vận chuyển của mỗi đợt, Bên B phải cung cấp chính xác cho Bên A các thông tin sau: thông tin xe, lái xe, lộ trình xe của Bên B đợt đó bằng email hoặc tin nhắn để Bên A nắm được và thuận tiện trong quá trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của Bên B.

i) Bên B phải cử cán bộ đầu mối phụ trách việc giám sát và phối hợp xử lý thông tin để theo dõi việc vận chuyển của xe vận chuyển chất thải. Bên B có trách nhiệm ghi nhận, lưu trữ hình ảnh hiện trường tại các thời điểm phù hợp trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nhằm phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Việc ghi nhận hình ảnh được thực hiện khi điều kiện thực tế cho phép và không làm ảnh hưởng đến an toàn lao động, an toàn giao thông, hoạt động vận hành của phương tiện vận chuyển, cơ sở xử lý hoặc các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

j) Bên B có trách nhiệm giám sát chặt chẽ lộ trình di chuyển của các xe vận chuyển để đảm bảo xe đi đúng địa điểm xử lý và bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển.

k) Có trách nhiệm kiểm tra các tài liệu liên quan đến thành phần chất thải trong Hợp đồng do Bên A cung cấp. Trong trường hợp phát hiện ra sự sai lệch hoặc không phù hợp thì phải thông báo/khuyến cáo ngay cho Bên A để hai Bên cùng trao đổi và quyết định phương án thực hiện phù hợp tiếp theo. Tuyệt đối không tiết lộ nội dung các tài liệu trên cũng như nội dung Hợp đồng cho Bên thứ ba.

l) Bên B và bên thứ ba do Bên B thuê có nghĩa vụ bảo mật toàn bộ nội dung của Hợp đồng, các thông tin do Bên A cung cấp và các thông tin biết được trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Bên B và bên thứ ba do Bên B thuê chỉ được sử dụng các thông tin này nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng. Nếu Bên B và bên thứ ba do Bên B thuê có hành vi tiết lộ, cung cấp hoặc sử dụng trái phép các thông tin bảo mật nêu trên, dẫn đến thiệt hại cho Bên A, thì được xem là hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật theo Hợp đồng. Khi đó, Bên B phải chịu phạt vi phạm bằng 8% phần nghĩa vụ vi phạm và bồi thường các thiệt hại trực tiếp, thực tế phát sinh cho Bên A (nếu có). Giá trị thiệt hại phải được chứng minh bằng tài liệu, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ bảo mật tiếp tục có hiệu lực ngay cả khi các nội dung khác của Hợp đồng chấm dứt.

m) Các quyền và nghĩa vụ/trách nhiệm khác theo quy định của Hợp đồng và Pháp luật.

3. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng

a) Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi Bên B vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng và không khắc phục trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A.

- Bên B không nhận, nhận không hết số lượng chất thải hoặc nhận chậm chất thải của Bên A quá 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A.
- Bên B (bao gồm bên thứ ba do Bên B thuê) thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải không đúng quy định tại Hợp đồng này và không khắc phục trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A; hoặc có hành vi vi phạm nghiêm

trọng quy định của pháp luật dẫn đến bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt hoặc đình chỉ lao động;

- Bên B và/hoặc bên thứ ba liên quan của Bên B không còn đủ điều kiện, năng lực để tiếp tục thực hiện công việc theo Hợp đồng này;
- Bên B có hành vi gian dối, cung cấp thông tin sai sự thật liên quan đến việc thực hiện các công việc theo Hợp đồng này;

b) Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên A chỉ được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn khi có căn cứ hợp lý liên quan đến nhu cầu sản xuất, kinh doanh, tái cơ cấu hoạt động hoặc các nguyên nhân khách quan khác và phải thông báo bằng văn bản cho Bên B trước ít nhất 10 ngày làm việc.

c) Bên B được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và thông báo trước bằng văn bản cho Bên A ít nhất 10 ngày làm việc tính đến ngày chấm dứt khi: Bên A không thanh toán hoặc thanh toán chậm quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Hợp đồng này.

d) Bên B được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi đã thông báo bằng văn bản trước cho Bên A trước ít nhất 10 (mười) ngày làm việc (kể từ ngày Bên A nhận được thông báo của Bên B).

Điều 5: Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại

1. Nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ nhận chất thải theo kế hoạch đã được hai bên thống nhất hoặc vận chuyển, xử lý chậm do lỗi của Bên B thì Bên B chịu phạt 8% (tám phần trăm) giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, động đất hoặc do nguyên nhân từ phía Bên A thì Bên B không phải chịu phạt
2. Trường hợp Bên B vi phạm một trong các điểm: a, b, c, d thuộc khoản 2, Điều 4 của Hợp đồng này thì sẽ bị phạt 8% tổng giá trị tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý của đợt vận chuyển đó, nhưng không quá 02 lần trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng. Trường hợp vượt quá, Bên B phải chịu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm và bồi thường các thiệt hại thực tế, trực tiếp, hợp lý phát sinh mà Bên A phải chịu do việc chậm trễ của Bên B (bao gồm cả việc phải thuê một bên thứ ba khác thực hiện thay công việc của Bên B tại thời điểm đó)
3. Nếu Bên B vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào khác (ngoại trừ các nghĩa vụ được quy định tại a, b, c, d thuộc khoản 2, Điều 4 của Hợp đồng này) thì Bên B chỉ chịu phạt 8% giá trị dịch vụ của đợt thu gom, vận chuyển, xử lý phát sinh vi phạm. Các khoản bồi thường thiệt hại được thanh toán khi có tài liệu, chứng từ chứng minh thiệt hại thực tế, phát sinh do hành vi vi phạm của bên vi phạm.
4. Các khoản tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại chỉ được khấu trừ vào các khoản thanh toán của bên vi phạm sau khi các bên đã có biên bản xác nhận vi phạm hoặc có quyết định, phán quyết có hiệu lực của cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền. Bên vi phạm có trách nhiệm thanh toán tiền phạt vi phạm và/hoặc tiền bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày các bên ký biên bản xác nhận vi phạm hoặc kể từ ngày quyết định, phán quyết của cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật.
5. Trường hợp Bên A chậm thanh toán gây thiệt hại thực tế cho Bên B thì Bên A có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại thực tế, trực tiếp phát sinh theo quy định của pháp luật.

6. Bên vi phạm không phải chịu trách nhiệm phạt vi phạm Hợp đồng hoặc bồi thường thiệt hại trong trường hợp việc vi phạm nghĩa vụ phát sinh do sự kiện bất khả kháng theo quy định của Bộ luật Dân sự. Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn ở các trường hợp: thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, cấm đường, hạn chế lưu thông theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thay đổi chính sách pháp luật . Bên gặp sự kiện bất khả kháng có trách nhiệm thông báo cho bên còn lại trong thời gian sớm nhất kể từ khi xảy ra sự kiện.

Điều 6: Giải quyết tranh chấp

1. Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.
2. Trong trường hợp các bên không thương lượng giải quyết được mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ đưa ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của trung tâm này. Địa điểm giải quyết tại TP Hà Nội, Quyết định của Trọng tài là chung thẩm và hai bên phải tuân theo. Bên thua kiện sẽ chịu mọi chi phí trọng tài và các chi phí liên quan khác hoặc được phân bổ theo quyết định của hội đồng trọng tài.

Điều 7: Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 30 tháng 12 năm 2026, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận gia hạn bằng văn bản.
2. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 để thực hiện.
3. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này chỉ có giá trị hiệu lực khi được lập bằng văn bản và có xác nhận của người có thẩm quyền của hai bên. Hai bên thống nhất thời gian 03 (ba) tháng đầu kể từ ngày bắt đầu thực hiện Hợp đồng là thời gian đánh giá việc thực hiện dịch vụ của Bên B. Trường hợp Bên A đánh giá Bên B không đáp ứng yêu cầu thì phải có văn bản nêu rõ nội dung chưa đáp ứng và tạo điều kiện cho Bên B khắc phục trong thời hạn tối thiểu 10 (mười) ngày làm việc. Sau thời hạn nêu trên, nếu Bên B không khắc phục hoặc khắc phục không đạt yêu cầu thì Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản mà không phải bồi thường cho Bên B. Trường hợp Bên A không có thông báo chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản trước khi kết thúc thời gian đánh giá thì Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực đến hết ngày 30/12/2026 theo các điều khoản đã ký kết.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Lưu Công An	Đặng Hữu Quân

PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải

số: 2406/2026/A&A-HGQ ngày 24/6/2026)

ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

(Áp dụng từ ngày ký)

TT	Loại chất thải	Đặc tính	Phương pháp xử lý	Đơn vị tính	Khối lượng xử lý dự kiến (Tấn)	Đơn giá/tấn (VNĐ)
1	Bột đá mài	Rắn	Phối trộn, hóa rắn, đóng gạch block	Tấn	2.000	580.000
2	Bavia (Bavia đá, bột đá thải, đá vỡ,...)	Rắn	Phối trộn, hóa rắn, đóng gạch block	Tấn	1.500	630.000

(Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT theo quy định)

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CP XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG THƯƠNG MẠI HOÀNG GIA QUÂN

GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Quân

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải

số: 2406/2026/A&A-HGQ ngày 24/6/2026)

TỈNH/THÀNH PHỐ HÀ NỘI	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTCNTT Số:..... /20.....

1. Bên giao (chủ nguồn thải): **Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Địa chỉ văn phòng: Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, TP. Hà Nội, Việt Nam ĐT: 024.35551411

Địa chỉ cơ sở: Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, TP. Hà Nội, Việt Nam

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **Công ty CP Xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân**

Địa chỉ văn phòng: Xóm Kim Liên, Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam ĐT: 02383.790.188

Cơ sở xử lý: Nhà máy xử lý chất thải rắn và lỏng Tân Kỳ, địa chỉ: Thung 70, xóm Hồ Thành, xã Tân Phú, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

3. Khối lượng: CTCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1			
2			
	Tổng khối lượng (kg)		

4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 20..... **BÊN GIAO**	Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 20..... **BÊN NHẬN**
Cán bộ thực hiện *(ký, ghi họ tên)*	Cán bộ thực hiện *(ký, ghi họ tên)*

CÔNG TY CPTĐ PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

BAN HSE

-------✧------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-------- ✧ --------

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2026

ĐỀ XUẤT

Ký Phụ lục điều chỉnh đơn giá xử lý bột đá, bavia

Kính gửi: Ban Lãnh đạo Tập đoàn

Hiện nay, nhà thầu đang thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý bột đá, bavia cho các đơn vị trong Tập đoàn là **Công ty CP xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân** ("HGQ") đã đề nghị tăng giá như sau:

Loại chất thải	Đơn giá hiện tại (đ/tấn)	Đơn giá điều chỉnh (đ/tấn)
Bột đá mài	580.000	650.000
Bavia	630.000	740.000

Sau khi nhận được đề nghị tăng giá của HGQ, Nhóm thực hiện đã sắp xếp các buổi làm việc với HGQ, kết quả như sau:

- Ngày 02/7/2026: Nhóm thực hiện đề nghị, HGQ đồng ý giữ nguyên đơn giá ký Hợp đồng đến ít nhất ngày 20/7/2026.
- Ngày 24/7/2026: Nhóm thực hiện do anh Nguyễn Quang Anh – Phó TGĐ VCS chủ trì, cùng thương thảo và thống nhất với HGQ đơn giá điều chỉnh:

Loại chất thải	Đơn giá hiện tại (đ/tấn)	Đơn giá điều chỉnh (đ/tấn)	Tỷ lệ tăng sau điều chỉnh (%)
Bột đá mài	580.000	590.000	2%
Bavia	630.000	650.000	3%

Đơn giá này **bằng 89%** đơn giá nhà thầu Apec – Hoàng Mai *(là nhà thầu có đơn giá thấp ngay sau)* đang chào (660.000 đ/tấn).

Căn cứ kết quả làm việc và phân tích trên, Nhóm thực hiện đề xuất:

1. Ký **Phụ lục Hợp đồng về việc điều chỉnh đơn giá thực hiện với nhà thầu HGQ** theo đơn giá: **Bột đá: 590.000 đ/tấn; Bavia: 650.000 đ/tấn.** Các đơn vị sẽ chuyển giao khối lượng hạn chế để đảm bảo không ảnh hưởng đến quá trình sản xuất trong thời gian tìm nhà thầu có đơn giá tốt hơn.
2. Đồng thời, kính đề xuất Ban Lãnh đạo cho ý kiến chỉ đạo Ban Cung ứng và Đấu thầu tham gia công tác tìm kiếm nhà thầu có đủ năng lực pháp lý với đơn giá tốt hơn để tối ưu chi phí.

Kính báo cáo Ban Lãnh đạo phê duyệt để Nhóm thực hiện triển khai các công việc tiếp theo.

Trân trọng./.

Phê duyệt

Nhóm thực hiện

Phó TGĐ VCS. Nguyễn Quang Anh:

Trưởng Ban HSE. Tô Hoàng Hà:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 03

V/v: Điều chỉnh đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường

(Kèm theo Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số 2406/2026/A&A-HGQ ký ngày 24/06/2026)

- Căn cứ Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số 2406/2026/A&A-HGQ ký ngày 24/06/2026 giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Xây dựng Môi trường Thương mại Hoàng Gia Quân;

- Căn cứ nhu cầu điều chỉnh đơn giá dịch vụ của các bên.

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ	:	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	:	024.35551411
Mã số thuế	:	0104961939
Người đại diện	:	**Ông Lưu Công An** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 08/2025/UQ-PHX ngày 26/02/2025 của Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A)

BÊN B: CÔNG TY CP XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG THƯƠNG MẠI HOÀNG GIA QUÂN

Địa chỉ	:	Xóm Kim Liên, Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Điện thoại	:	02383.790.188
Mã số thuế	:	2901447661
Tài khoản	:	113843588888 - tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) – CN Đông Hà Nội
Người đại diện	:	**Ông Đặng Hữu Quân** Chức vụ: **Giám đốc**

Hôm nay, ngày 25 tháng 07 năm 2026, tại Văn phòng Công ty CP Xây dựng Môi trường Thương mại Hoàng Gia Quân, hai bên thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 03 của Hợp đồng số 2406/2026/A&A-HGQ ngày 24/06/2026 với các nội dung sau:

Điều 1: Điều chỉnh đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường

Hai bên thống nhất điều chỉnh đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường quy định tại Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 2406/2026/A&A-HGQ. Đơn giá mới được áp dụng kể từ ngày 25/07/2026 cho đến khi hai bên có thỏa thuận điều chỉnh khác bằng văn bản.

Từ:

TT	Loại chất thải	Đặc tính	Phương pháp xử lý	Đơn vị tính	Khối lượng xử lý dự kiến (Tấn)	Đơn giá/tấn (VNĐ)
1	Bột đá mài	Rắn	Phối trộn, hóa rắn, đóng gạch block	Tấn	2.000	580.000
2	Bavia (Bavia đá, bột đá thải, đá vỡ,...)	Rắn	Phối trộn, hóa rắn, đóng gạch block	Tấn	1.500	630.000

(Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT theo quy định)

Đổi thành:

TT	Loại chất thải	Đặc tính	Đơn vị tính	Đơn giá xử lý (VNĐ/tấn)
1	Bột đá mài	Rắn	Tấn	590.000
2	Bavia (Bavia đá, bột đá thải, đá vỡ,...)	Rắn	Tấn	650.000

(Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT theo quy định)

Điều 2. Điều khoản chung

1. Ngoại trừ nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này, toàn bộ các điều khoản khác của Hợp đồng số 2406/2026/A&A-HGQ và các phụ lục kèm theo vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý và tiếp tục được các bên thực hiện đầy đủ. Phụ lục này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

2. Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày 25/07/2026 và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng số 2406/2026/A&A-HGQ. Phụ lục này chấm dứt hiệu lực khi:

- Hai bên ký phụ lục thay thế hoặc điều chỉnh nội dung của Phụ lục này;
- Hoặc Hợp đồng số 2406/2026/A&A-HGQ hết hiệu lực hoặc được thanh lý theo quy định.

Phụ lục này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CP XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG THƯƠNG MẠI HOÀNG GIA QUÂN

GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Quân

BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11
Số: 01.1/Phenikka/2026/NTKL- URENCO 11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 02/2017/HĐ/XLRTSH về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 01 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: ..... Chức vụ: .....

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng - Tỉnh Hưng Yên.

II. Nội dung:

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải vận chuyển và xử lý trong tháng **01/2026**, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Rác thải sinh hoạt	Kg	1.230	1.636,36	2.012.723
2	Chi phí thu gom	Chuyến	4	1.363.636	5.454.544
Tổng cộng					**7.467.267**
VAT 8%					**597.381**
Tổng giá trị thanh toán					**8.064.648**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **8.064.648 VNĐ**

Bằng chữ: Tám triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11 H.VĂN LÂM-T.HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Tiến

BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11
Số: 02.1/Phenikka/2026/NTKL- URENCO 11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 02/2017/HĐ/XLRTSH về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 02 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: **Trần Quốc Hướng** Chức vụ: Phó giám đốc

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng - Tỉnh Hưng Yên.

II. Nội dung:

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải vận chuyển và xử lý trong tháng **02/2026**, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Rác thải sinh hoạt	Kg	920	1.636,36	1.505.451
2	Chi phí thu gom	Chuyến	3	1.363.636	4.090.908
Tổng cộng					**5.596.359**
VAT 8%					**447.709**
Tổng giá trị thanh toán					**6.044.068**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **6.044.068 VNĐ**

Bằng chữ: Sáu triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11 HƯNG YÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hướng

BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11
Số: 03.1/Phenikka/2026/NTKL- URENCO 11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 02/2017/HĐ/XLRTSH về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 03 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: **Trần Quốc Hướng** Chức vụ: Phó giám đốc

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng - Tỉnh Hưng Yên.

II. Nội dung:

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải vận chuyển và xử lý trong tháng **03/2026**, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Rác thải sinh hoạt	Kg	1.510	1.636,36	2.470.904
2	Chi phí thu gom	Chuyến	5	1.363.636	6.818.180
Tổng cộng					**9.289.084**
VAT 8%					**743.127**
Tổng giá trị thanh toán					**10.032.211**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **10.032.211 VNĐ**

Bằng chữ: Mười triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm mười một đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11 H.VĂN LÂM-T.HƯNG YÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hướng

BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11
Số: 04.1/Phenikka/2026/NTKL- URENCO 11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 02/2017/HĐ/XLRTSH về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 04 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: **Trần Quốc Hướng** Chức vụ: Phó giám đốc

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng - Tỉnh Hưng Yên.

II. Nội dung:

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải vận chuyển và xử lý trong tháng **04/2026**, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Rác thải sinh hoạt	Kg	890	1.636,36	1.456.360
2	Chi phí thu gom	Chuyến	3	1.363.636	4.090.908
Tổng cộng					**5.547.268**
VAT 8%					**443.781**
Tổng giá trị thanh toán					**5.991.049**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **5.991.049 VNĐ**

Bằng chữ: Năm triệu, chín trăm chín mươi mốt nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11 H.VĂN LÂM-T.HƯNG YÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hướng

BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11
Số: 05.1/Phenikka/2026/NTKL- URENCO 11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 02/2017/HĐ/XLRTSH về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 05 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: **Trần Quốc Hướng** Chức vụ: Phó giám đốc

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng - Tỉnh Hưng Yên.

II. Nội dung:

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải vận chuyển và xử lý trong tháng **05/2026**, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Rác thải sinh hoạt	Kg	1.220	1.636,36	1.996.359
2	Chi phí thu gom	Chuyến	4	1.363.636	5.454.544
Tổng cộng					**7.450.903**
VAT 8%					**596.072**
Tổng giá trị thanh toán					**8.046.975**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **8.046.975 VNĐ**

Bằng chữ: Tám triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11 H. VĂN LÂM - T. HƯNG YÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hướng

BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06.1/Phenikka/2026/NTKL- URENCO 11

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 02/2017/HĐ/XLRTSH về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 06 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: **Trần Quốc Hướng** Chức vụ: Phó giám đốc

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng - Tỉnh Hưng Yên.

II. Nội dung:

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải thu gom và vận chuyển trong tháng **06/2026**, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Rác thải sinh hoạt	Kg	1.500	1.636,36	2.454.540
2	Chi phí thu gom	Chuyến	5	1.363.636	6.818.180
Tổng cộng					**9.272.720**
VAT 8%					**741.818**
Tổng giá trị thanh toán					**10.014.538**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **10.014.538 VNĐ**

Bằng chữ: Mười triệu, không trăm mười bốn nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11 H. VĂN LÂM - T. HƯNG YÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hướng

BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11
Số: 07.1/Phenikka/2026/NTKL- URENCO 11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 02/2017/HĐ/XLRTSH về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 07 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: **Nguyễn Đình Tiến** Chức vụ: Giám đốc

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng - Tỉnh Hưng Yên.

II. Nội dung:

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải thu gom và vận chuyển trong tháng **07/2026**, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Rác thải sinh hoạt	Kg	1.230	1.636,36	2.012.723
2	Chi phí thu gom	Chuyến	4	1.363.636	5.454.544
Tổng cộng					**7.467.267**
VAT 8%					**597.381**
Tổng giá trị thanh toán					**8.064.648**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **8.064.648 VNĐ**

Bằng chữ: Tám triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11 H.VĂN LÂM-T.HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Tiến

BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08.1/Phenikka/2026/NTKL- URENCO 11

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 02/2017/HĐ/XLRTSH về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 08 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: **Trần Quốc Hướng** Chức vụ: Phó giám đốc

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng - Tỉnh Hưng Yên.

II. Nội dung:

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải thu gom và vận chuyển trong tháng **08/2026**, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Rác thải sinh hoạt	Kg	1.220	1.636,36	1.996.359
2	Chi phí thu gom	Chuyến	4	1.363.636	5.454.544
Tổng cộng					**7.450.903**
VAT 8%					**596.072**
Tổng giá trị thanh toán					**8.046.975**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **8.046.975 VNĐ**

Bằng chữ: Tám triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

M.S.D.N: 0104961939 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

M.S.D.N: 0500... CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11 H. VĂN LÂM - T. HƯNG YÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hướng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
----------o0o----------

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2026

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số: 2710/2025/PHX-DRET ký ngày 27 tháng 10 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường.

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý .

I. Đại diện bên A:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A

Đại diện: Ông Lưu Công An

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

II. Đại diện bên B:

Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

Đại diện: Bà Trần Thị Tình.

Chức vụ: Kế toán trưởng

(Theo Giấy ủy quyền số 01/2019/GUQ-HC ký ngày 01/02/2019)

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành tháng 1.2026 như sau:

STT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chất thải công nghiệp thông thường: Bột đá	tấn	1.313,330	465.000	**610.698.450**
Tổng cộng					**610.698.450**
Thuế GTGT 8%					**48.855.876**
Tổng cộng tiền thanh toán					**659.554.326**
Sáu trăm năm mươi chín triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi sáu đồng./.					

Bên A sẽ thanh toán số tiền trên trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính kèm biên bản rà soát khối lượng. Số tiền thanh toán sẽ được chuyển vào tài khoản của bên B.

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

Số tài khoản: 69698338

Địa chỉ ngân hàng: Ngân hàng ACB – Chi nhánh Thăng Long

Biên bản được lập thành 03 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	KẾ TOÁN TRƯỞNG
Lưu Công An	*Trần Thị Tình*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THANH TOÁN

Số: NT0106/2026/A&A-HGQ

- Căn cứ vào hợp đồng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải số 2406/2026/A&A-HGQ ký ngày 24 tháng 06 năm 2026 giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A với Công ty Cổ phần Xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân;

- Căn cứ các Biên bản giao nhận khối lượng chất thải từ ngày 28/06/2026 đến ngày 29/06/2026 và Bảng kê chi tiết khối lượng kèm theo đã được đại diện hợp pháp của hai bên xác nhận.

Hôm nay, ngày 30 tháng 06 năm 2026, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ: số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.35551411

Mã số thuế: 0104961939

Người đại diện là: **ÔNG LƯU CÔNG AN** Chức vụ: **Phó tổng Giám đốc**

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG THƯƠNG MẠI HOÀNG GIA QUÂN

Địa chỉ: Xóm Kim Liên, Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 02383790188

Mã số thuế: 2901447661

Tài khoản số: 113843588888 - mở tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội

Người đại diện: **Ông ĐẶNG HỮU QUÂN** Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên cùng nhau thống nhất ký Biên bản nghiệm thu khối lượng và giá trị thanh toán với các nội dung như sau:

I. Nội dung công việc

Bên B đã hoàn thành việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng nội dung Hợp đồng số 2406/2026/A&A-HGQ ký ngày 24/06/2026 và các Biên bản giao nhận đã được hai bên xác nhận trong kỳ từ ngày 28/06/2026 đến ngày 29/06/2026, chi tiết như sau:

TT	Chất thải	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Bột đá mài	Tấn	423,970	580.000	245.902.600
Tổng giá trị chưa thuế					**245.902.600**
Thuế VAT 8%					**19.672.208**
Tổng giá trị nghiệm thu thanh toán					**265.574.808**

Khối lượng nêu trên được tổng hợp từ các Biên bản giao nhận đã được đại diện hai bên ký xác nhận và là cơ sở duy nhất để xác định giá trị nghiệm thu, thanh toán đợt này.

II. Xác định giá trị nghiệm thu và thanh toán

- Giá trị nghiệm thu đề nghị thanh toán đợt này: **265.574.808 VNĐ**
- Giá trị đã thanh toán và tạm ứng: **0 VNĐ**
- Giá trị còn lại đề nghị thanh toán: **265.574.808 VNĐ**

Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm linh tám đồng chẵn./.

Thông tin thanh toán: Bên A thực hiện thanh toán bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin sau:

Đơn vị thụ hưởng: Công ty cổ phần xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân

Số TK : 113843588888

Tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

III. Kết luận

Hai bên xác nhận Bên B đã hoàn thành công việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng Hợp đồng số 2406/2026/A&A-HGQ và các Biên bản giao nhận đã ký trong kỳ nghiệm thu từ ngày 28/06/2026 đến ngày 29/06/2026.

Biên bản này là căn cứ để Bên B lập hồ sơ thanh toán, xuất hóa đơn giá trị gia tăng và để Bên A thực hiện thủ tục thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

Biên bản này được lập thành 03 (ba) bản, Bên A giữ 2 (hai) bản, bên B giữ 01 (một) bản và có giá trị như nhau về mặt pháp lý./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Lưu Công An	Đặng Hữu Quân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THANH TOÁN

Số: NT0107/2026/A&A-HGQ

- Căn cứ vào hợp đồng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải số 2406/2026/A&A-HGQ ký ngày 24 tháng 06 năm 2026 giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A với Công ty Cổ phần Xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân;

- Căn cứ các Biên bản giao nhận khối lượng chất thải từ ngày 30/06/2026 đến ngày 28/07/2026 và Bảng kê chi tiết khối lượng kèm theo đã được đại diện hợp pháp của hai bên xác nhận.

Hôm nay, ngày 28 tháng 07 năm 2026, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ: số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.35551411

Mã số thuế: 0104961939

Người đại diện là: **ÔNG LƯU CÔNG AN** Chức vụ: **Phó tổng Giám đốc**

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG THƯƠNG MẠI HOÀNG GIA QUÂN

Địa chỉ: Xóm Kim Liên, Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 02383790188

Mã số thuế: 2901447661

Tài khoản số: 113843588888 - mở tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội

Người đại diện: **Ông ĐẶNG HỮU QUÂN** Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên cùng nhau thống nhất ký Biên bản nghiệm thu khối lượng và giá trị thanh toán với các nội dung như sau:

I. Nội dung công việc

Bên B đã hoàn thành việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng nội dung Hợp đồng số 2406/2026/A&A-HGQ ký ngày 24/06/2026 và các Biên bản giao nhận đã được hai bên xác nhận trong kỳ từ ngày 30/06/2026 đến ngày 28/07/2026, chi tiết như sau:

TT	Chất thải	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Bột đá mài	Tấn	588,550	580.000	341.359.000
2	Bavia (Bavia đá, bột đá thải, đá vỡ,...)	Tấn	1.190,865	630.000	750.244.950
Tổng giá trị chưa thuế					**1.091.603.950**
Thuế VAT 8%					**87.328.316**
Tổng giá trị nghiệm thu thanh toán					**1.178.932.266**

Khối lượng nêu trên được tổng hợp từ các Biên bản giao nhận đã được đại diện hai bên ký xác nhận và là cơ sở duy nhất để xác định giá trị nghiệm thu, thanh toán đợt này.

II. Xác định giá trị nghiệm thu và thanh toán

- Giá trị nghiệm thu đề nghị thanh toán đợt này: **1.178.932.266 VNĐ**
- Giá trị đã thanh toán và tạm ứng: **0 VNĐ**
- Giá trị còn lại đề nghị thanh toán: **1.178.932.266 VNĐ**

Bằng chữ: Một tỷ một trăm bảy mươi tám triệu chín trăm ba mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng chẵn./.

Thông tin thanh toán: Bên A thực hiện thanh toán bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin sau:

Đơn vị thụ hưởng: Công ty cổ phần xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân

Số TK : 113843588888

Tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

III. Kết luận

Hai bên xác nhận Bên B đã hoàn thành công việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng Hợp đồng số 2406/2026/A&A-HGQ và các Biên bản giao nhận đã ký trong kỳ nghiệm thu từ ngày 30/06/2026 đến ngày 28/07/2026.

Biên bản này là căn cứ để Bên B lập hồ sơ thanh toán, xuất hóa đơn giá trị gia tăng và để Bên A thực hiện thủ tục thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

Biên bản này được lập thành 03 (ba) bản, Bên A giữ 2 (hai) bản, bên B giữ 01 (một) bản và có giá trị như nhau về mặt pháp lý./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Lưu Công An	Đặng Hữu Quân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THANH TOÁN

Số: NT0108/2026/A&A-HGQ

- Căn cứ vào hợp đồng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải số 2406/2026/A&A-HGQ ký ngày 24 tháng 06 năm 2026 và phụ lục số 03 ký ngày 25/07/2026 giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A với Công ty Cổ phần Xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân;

- Căn cứ các Biên bản giao nhận khối lượng chất thải từ ngày 22/08/2026 đến ngày 28/08/2026 và Bảng kê chi tiết khối lượng kèm theo đã được đại diện hợp pháp của hai bên xác nhận.

Hôm nay, ngày 28 tháng 08 năm 2026, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ: số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.35551411

Mã số thuế: 0104961939

Người đại diện là: **ÔNG LƯU CÔNG AN** Chức vụ: **Phó tổng Giám đốc**

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG THƯƠNG MẠI HOÀNG GIA QUÂN

Địa chỉ: Xóm Kim Liên, Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 02383790188

Mã số thuế: 2901447661

Tài khoản số: 113843588888 - mở tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội

Người đại diện: **Ông ĐẶNG HỮU QUÂN** Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên cùng nhau thống nhất ký Biên bản nghiệm thu khối lượng và giá trị thanh toán với các nội dung như sau:

I. Nội dung công việc

Bên B đã thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng nội dung Hợp đồng số 2406/2026/A&A-HGQ ký ngày 24/06/2026 và các Biên bản giao nhận đã được hai bên xác nhận trong kỳ từ ngày 22/08/2026 đến ngày 28/08/2026, chi tiết như sau:

TT	Chất thải	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Bột đá mài	Tấn	647,705	590.000	382.145.950
Tổng giá trị chưa thuế					**382.145.950**
Thuế VAT 8%					**30.571.676**
Tổng giá trị nghiệm thu thanh toán					**412.717.626**

Khối lượng nêu trên được tổng hợp từ các Biên bản giao nhận đã được đại diện có thẩm quyền của hai bên ký xác nhận và là cơ sở để xác định giá trị nghiệm thu, thanh toán đợt này theo các điều khoản của Hợp đồng.

II. Xác định giá trị nghiệm thu và thanh toán

- Giá trị nghiệm thu đề nghị thanh toán đợt này: **412.717.626 VNĐ**
- Giá trị đã thanh toán và tạm ứng: **0 VNĐ**
- Giá trị còn lại đề nghị thanh toán: **412.717.626 VNĐ**

Bằng chữ: Bốn trăm mười hai triệu bảy trăm mười bảy nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng./.

Thông tin thanh toán: Bên A thực hiện thanh toán bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin sau:

Đơn vị thụ hưởng: Công ty cổ phần xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân

Số TK : 113843588888

Tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

III. Kết luận

Hai bên xác nhận Bên B đã thực hiện công việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng Hợp đồng số 2406/2026/A&A-HGQ và các Biên bản giao nhận đã ký trong kỳ nghiệm thu từ ngày 22/08/2026 đến ngày 28/08/2026.

Biên bản này là căn cứ để Bên B lập hồ sơ thanh toán, xuất hóa đơn giá trị gia tăng và để Bên A thực hiện thủ tục thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

Biên bản này được lập thành 03 (ba) bản, Bên A giữ 2 (hai) bản, bên B giữ 01 (một) bản và có giá trị như nhau về mặt pháp lý./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Lưu Công An	Đặng Hữu Quân

BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11
Số: 01/Phenikka/2026/NTKL- URENCO 11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 01/2018/HĐCN/URENCO 11 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 01 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: **Nguyễn Đình Tiến** Chức vụ: Giám đốc

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng -Tỉnh Hưng Yên.

II. Nội dung:

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải công nghiệp vận chuyển và xử lý trong tháng 01/2026, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Chất thải công nghiệp không chứa các TPNH	Kg	12.045	2.800	33.726.000
Tổng cộng					**33.726.000**
VAT 8%					**2.698.080**
Tổng giá trị thanh toán					**36.424.080**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **36.424.080 VNĐ**

Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm tám mươi đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11 VĂN LÂM - T. HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Tiến

BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11
Số: 02/Phenikka/2026/NTKL- URENCO 11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 01/2018/HĐCN/URENCO 11 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 02 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: **Trần Quốc Hướng** Chức vụ: Phó giám đốc

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng -Tỉnh Hưng Yên.

II. Nội dung:

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải công nghiệp vận chuyển và xử lý trong tháng 02/2026, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Chất thải công nghiệp không chứa các TPNH	Kg	5.515	2.800	15.442.000
Tổng cộng					**15.442.000**
VAT 8%					**1.235.360**
Tổng giá trị thanh toán					**16.677.360**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **16.677.360 VNĐ**

Bằng chữ: Mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm sáu mươi đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP URENCO 11 H. VĂN LÂM - T. HƯNG YÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hướng

BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11
Số: 03/Phenikka/2026/NTKL- URENCO 11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 01/2018/HĐCN/URENCO 11 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 03 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: **Trần Quốc Hướng** Chức vụ: Phó giám đốc

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng -Tỉnh Hưng Yên.

II. Nội dung:

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải công nghiệp vận chuyển và xử lý trong tháng 03/2026, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Chất thải công nghiệp không chứa các TPNH	Kg	12.380	2.800	34.664.000
Tổng cộng					**34.664.000**
VAT 8%					**2.773.120**
Tổng giá trị thanh toán					**37.437.120**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **37.437.120 VNĐ**

Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11 H.VĂN LÂM - T.HƯNG YÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hướng

BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11
Số: 04/Phenikka/2026/NTKL- URENCO 11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 01/2018/HĐCN/URENCO 11 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 04 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: **Trần Quốc Hướng** Chức vụ: Phó giám đốc

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng -Tỉnh Hưng Yên.

II. Nội dung:

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải công nghiệp vận chuyển và xử lý trong tháng 04/2026, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Chất thải công nghiệp không chứa các TPNH	Kg	7.680	2.800	21.504.000
Tổng cộng					**21.504.000**
VAT 8%					**1.720.320**
Tổng giá trị thanh toán					**23.224.320**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **23.224.320 VNĐ**

Bằng chữ: Hai mươi ba triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, ba trăm hai mươi đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hướng

BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11
Số: 06/Phenikka/2026/NTKL- URENCO 11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 01/2018/HĐCN/URENCO 11 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 06 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: **Trần Quốc Hướng** Chức vụ: Phó giám đốc

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng -Tỉnh Hưng Yên.

II. Nội dung:

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải công nghiệp thu gom và vận chuyển trong tháng 06/2026, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Chất thải công nghiệp không chứa các TPNH	Kg	16.860	2.800	47.208.000
Tổng cộng					**47.208.000**
VAT 8%					**3.776.640**
Tổng giá trị thanh toán					**50.984.640**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **50.984.640 VNĐ**

Bằng chữ: Năm mươi triệu, chín trăm tám mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hướng

BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11
Số: 07/Phenikka/2026/NTKL- URENCO 11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 01/2018/HĐCN/URENCO 11 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 07 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: **Nguyễn Đình Tiến** Chức vụ: Giám đốc

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng -Tỉnh Hưng Yên.

II. Nội dung:

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải công nghiệp thu gom và vận chuyển trong tháng 07/2026, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Chất thải công nghiệp không chứa các TPNH	Kg	14.560	2.800	40.768.000
Tổng cộng					**40.768.000**
VAT 8%					**3.261.440**
Tổng giá trị thanh toán					**44.029.440**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **44.029.440 VNĐ**

Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu, không trăm hai mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Tiến

BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/Phenikka/2026/NTKL- URENCO 11

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 01/2018/HĐCN/URENCO 11 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 08 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: **Trần Quốc Hướng** Chức vụ: Phó giám đốc

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng -Tỉnh Hưng Yên.

II. Nội dung:

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải công nghiệp thu gom và vận chuyển trong tháng 08/2026, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Chất thải công nghiệp không chứa các TPNH	Kg	19.900	2.800	55.720.000
Tổng cộng					**55.720.000**
VAT 8%					**4.457.600**
Tổng giá trị thanh toán					**60.177.600**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **60.177.600 VNĐ**

Bằng chữ: Sáu mươi triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Lưu Công An

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hướng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
……***……..

Hà Nội ngày 25 tháng 07 năm 2025

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

V/v: Hút bể mỡ

Hôm nay ngày 25 tháng 07 năm 2025 , tại " Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A
Chúng tôi gồm các bên sau cùng tiến hành xác nhận khối lượng công việc

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Địa chỉ: Số 167 Phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế:0104961939

Đại diện giám sát thi công

Họ tên: Nguyễn Thị Tuyến Chức vụ:

BÊN B:CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ SỐ 1 HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 16H, Ngõ 639/39 Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Vĩnh Phúc ,Quận Ba Đình,TP Hà Nội

MST **:0109500057**

Đại diện bên thi công : Nguyễn Phương Nam Chức vụ: NV kỹ thuật

Cùng tiến hành biên bản xác nhận khối lượng công việc đã hoàn thành , nội dung cụ thể như sau

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
01	Hút bể mỡ bằng xe hút chuyên dụng	M3	21	Đã hoàn thành

Kết luận : Khối lượng công việc trên đã hoàn thành và được dọn dẹp vệ sinh hoàn trả lai mặt bằng như cũ theo đúng yêu cầu kỹ thuật bên A yêu cầu .bên A đồng ý nghiệm thu khối lượng công việc trên cho bên B . biên bản này lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau .

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

Nguyễn Thị Tuyến

Nguyễn phương nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ngày *(day)* **25** tháng *(month)* **07** năm *(year)* **2025**

Mẫu số - Ký hiệu *(Serial No.)*: **1C25TYY**
Số *(Invoice No.)*: **00000153**

Mã của Cơ quan thuế: **003521C304284843C19CFAC8DE007F0EE2**

Đơn vị bán *(Seller)*: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ SỐ 1 HÀ NỘI**
Mã số thuế *(Tax Code)*: **0 1 0 9 5 0 0 0 5 7**
Địa chỉ *(Address)*: Số nhà 16H, ngõ 639/39/57 đường Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại *(Tel)*: 0984622123
Số tài khoản *(Account No.)*: 7681166688888 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long

Người mua *(Buyer)*:
Đơn vị *(Company name)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A**
Mã số thuế *(Tax Code)*: **0104961939**
Địa chỉ *(Address)*: Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hoà ,Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Tiền mặt/Chuyển khoản
Số tài khoản *(Account No.)*:

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**Đơn vị tính** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit Price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Hút bể mỡ bằng xe hút chuyên dụng	M3	21	280.000	5.880.000
			Cộng tiền hàng *(Sub total)*:		**5.880.000**
Thuế suất GTGT *(Tax rate)*: **8%**			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:		**470.400**
			Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:		**6.350.400**

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: **Sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn bốn trăm đồng chẵn./.**

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ SỐ 1 HÀ NỘI
Ngày: 25/07/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi **Công ty Cổ phần Bkav** - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - **http://ehoadon.vn**
Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại **http://tracuu.ehoadon.vn**. Mã tra cứu HĐĐT này: **NJKYYI5F16C**

BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11
Số: 02.2/Phenikka/2025/NTKL- URENCO 11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng số 393/2019/HĐCNDT về việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 02 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: **Trần Quốc Hướng** Chức vụ: Phó giám đốc

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng -Tỉnh Hưng Yên.

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải nguy hại vận chuyển và xử lý trong tháng **02/2026**, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Dầu thải	Kg	180	3.000	540.000
2	Vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu	Kg	455	5.500	2.502.500
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Kg	15	2.000	30.000
4	Dung môi thải	Kg	800	6.000	4.800.000
5	Than hoạt tính thải		38	6.000	228.000
6	Chi phí thu gom	Chuyến	1	1.500.000	1.500.000
Tổng cộng					**9.600.500**
VAT 8%					**768.040**
Tổng giá trị thanh toán					**10.368.540**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **10.368.540 VNĐ**

Bằng chữ: Mười triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11 HƯNG YÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hướng

. BM 06-03 Lần ban hành: 01

UBND TỈNH HƯNG YÊN
CÔNG TY CP MTĐT&CN 11-URENCO 11
Số: 07.2/Phenikka/2025/NTKL- URENCO 11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

Căn cứ hợp đồng số 393/2019/HĐCNDT về việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại giữa Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A và Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11.

Căn cứ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 07 năm 2026. Chúng tôi gồm:

I- Thành phần:

1- Đại diện bên A: **Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**

Ông: **Lưu Công An** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 167, Phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm thu gom chất thải: Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

2- Đại diện bên B: **Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-URENCO11**

Ông: **Nguyễn Đình Tiến** Chức vụ: Giám đốc

Bà: **Sái Thị Tam** Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Địa chỉ: Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng -Tỉnh Hưng Yên.

Cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải nguy hại thu gom và vận chuyển trong tháng **07/2026**, với khối lượng chất thải và kinh phí cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1	Dầu thải	Kg	540	3.000	1.620.000
2	Vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu	Kg	630	5.500	3.465.000
3	Hộp mực in	Kg	2	5.500	11.000
4	Dung môi thải	Kg	500	6.000	3.000.000
5	Than hoạt tính thải	Kg	50	6.000	300.000
6	Chi phí thu gom	Chuyến	1	1.500.000	1.500.000
Tổng cộng					**9.896.000**
VAT 8%					**791.680**
Tổng giá trị thanh toán					**10.687.680**

Tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B là: **10.687.680 VNĐ**

Bằng chữ: Mười triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm tám mươi đồng chẵn.

Số kinh phí trên được bên A chuyển trả vào tài khoản: Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp 11-Urenco11 số: 19129984688699 tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên chậm nhất sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

III. Kết luận

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và kinh phí với nội dung trên.

Biên bản được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lưu Công An

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11 H.VĂN LÂM-T.HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Tiến

TỈNH/THÀNH PHỐ HƯNG YÊN	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 1139 /2026/1281/ GPMT – BTNMT
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP môi trường đô thị và Công nghiệp 11 – Urenco 11	Số Giấy phép môi trường: 281/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: Xã Đại Đồng –Tỉnh Hưng Yên	ĐT: 0221 247 7178
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Xã Đại Đồng –Tỉnh Hưng Yên	ĐT: 0221 247 7178
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:	Số GPMT/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng:	ĐT:
Địa chỉ cơ sở:	ĐT:
3. Chủ Nguồn thải: Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A	Số GPMT: 35/GPMT-CNCCN
Địa chỉ văn phòng: Số 167 Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam	ĐT: 0246 282 3716
Địa chỉ cơ sở: Ô 10-5 đến 10-8, khu CN CNC 2, khu CNC Hòa Lạc, xã Hòa Lục, thành phố Hà Nội	ĐT: 0243 555 1411

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu	x			18 02 01	455	TĐ
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	15	Xúc rửa
3	Dầu thải		x		15 01 07	180	TĐ
4	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	x			12 01 04	38	TĐ
5	Dung môi thải		x		03 02 03	800	TĐ

[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); TSD (Tái sử dụng); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 99c25271

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trần Văn Duy Ký: Duy Ngày: 04/2/2026

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lưu Công An

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hưng Yên, ngày 26 tháng 2 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Tiến

[@]Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

Ghi chú : .....

TỈNH/THÀNH PHỐ HƯNG YÊN	**CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI** Số: ...../281/GPMT-BTNMT
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP môi trường đô thị và Công nghiệp 11 – Urenco 11	Số Giấy phép môi trường: 281/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: Xã Đại Đồng –Tỉnh Hưng Yên	ĐT: 0221 247 7178
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Xã Đại Đồng –Tỉnh Hưng Yên	ĐT: 0221 247 7178
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:	Số GPMT/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng:	ĐT:
Địa chỉ cơ sở:	ĐT:
3. Chủ Nguồn thải: Công ty CP Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A	Số GPMT: 35/GPMT-CNCCN
Địa chỉ văn phòng: Số 167 Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam	ĐT: 0246 282 3716
Địa chỉ cơ sở: Ô 10-5 đến 10-8, khu CN CNC 2, khu CNC Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội	ĐT: 0243 555 1411

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu	x			18 02 01	630	TĐ
2	Dầu thải		x		15 01 07	540	TĐ
3	Than hoạt tính	x			12 01 04	50	TĐ
4	Dung môi thải		x		03 02 03	500	TĐ
5	Hộp mực in thải	x			08 02 04	2	TĐ

[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); TSD (Tái sử dụng); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C - 941.51

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Liên Diễn Chuẩn Ký: Ngày: 09/7/2026

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lưu Công An

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hưng Yên, ngày ..... tháng ..... năm 2026

[#] Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

Ghi chú : .....

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ THẠCH ANH TẤM LỚN SỬ DỤNG CHẤT KẾT DÍNH POLYME RUNG ÉP TRONG MÔI TRƯỜNG CHÂN KHÔNG, CÓ GIA NHIỆT VÀ XƯỞNG SẢN XUẤT SẢN PHẨM DI ĐỘNG TỰ HÀNH

Địa điểm:

Lô đất số CN2-10, Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

PHỤ LỤC 3
HÓA ĐƠN ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

HÀ NỘI - THÁNG 10, 2026

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THẠCH THẤT

Số nhà 192, Thôn Phố Sân, Xã Thạch Thất, TP. Hà Nội, Việt Nam
MST: 0100101114-031
Số tài khoản: 4521234888 - Ngân hàng BIDV

19001288

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**
Địa chỉ	**Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
Điện thoại	**0984618818**
Email	**myptk@phenikaa.com**
Mã số thuế	**0104961939**
Địa chỉ sử dụng điện	**TBA 3x1600 kVA trạm nhà máy sản xuất đá Thạch Anh, Khu CNC Hòa Lạc**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**35kV**

Mã khách hàng
PD19008661732

Số tiền thanh toán
292.016.665 đồng

Hạn thanh toán
15/09/2026

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 9/2026 (7 ngày từ 01/09/2026 đến 07/09/2026)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
20031201				
Khung giờ cao điểm	1	599.443	573.255	26.188
Khung giờ bình thường	1	1.727.761	1.644.892	82.869
Khung giờ thấp điểm	1	626.601	601.811	24.790
				Tổng: 133.847



TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.833	82.869	151.898.877
Khung giờ cao điểm	3.398	26.188	88.986.824
Khung giờ thấp điểm	1.190	24.790	29.500.100
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**133.847**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**270.385.801**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**21.630.864**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**292.016.665**

Bằng chữ: Hai trăm chín mươi hai triệu không trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://evnhanoi.vn và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHANOI

Khu Liên cơ số 258 đường Võ Chí Công, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội Hà Nội

19001288

evnhanoi@evnhanoi.vn

https://www.facebook.com/Ngoinhaevnhanoi

EVN HANOI - TCT Điện lực TP Hà Nội

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THẠCH THẤT
Ngày ký: 08/09/2026

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THẠCH THẤT

Số nhà 192, Thôn Phố Sãn, Xã Thạch Thất, TP. Hà Nội, Việt Nam
MST: 0100101114-031
Số tài khoản: 4521234888 - Ngân hàng BIDV

19001288

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**
Địa chỉ	**Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
Điện thoại	**0984618818**
Email	**myptk@phenikaa.com**
Mã số thuế	**0104961939**
Địa chỉ sử dụng điện	**TBA 3x1600 kVA trạm nhà máy sản xuất đá Thạch Anh, Khu CNC Hòa Lạc**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**35kV**

Mã khách hàng
PD19008661732

Số tiền thanh toán
466.449.800 đồng

Hạn thanh toán
25/09/2026

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 9/2026 (10 ngày từ 08/09/2026 đến 17/09/2026)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
20031201				
Khung giờ cao điểm	1	645.140	599.443	45.697
Khung giờ bình thường	1	1.847.800	1.727.761	120.039
Khung giờ thấp điểm	1	674.154	626.601	47.553
				Tổng: 213.289



TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.833	120.039	220.031.487
Khung giờ cao điểm	3.398	45.697	155.278.406
Khung giờ thấp điểm	1.190	47.553	56.588.070
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**213.289**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**431.897.963**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**34.551.837**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**466.449.800**

Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://evnhanoi.vn và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHANOI

Khu Liên cơ số 258 đường Võ Chí Công, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội Hà Nội

19001288

evnhanoi@evnhanoi.vn

https://www.facebook.com/Ngoinhaevnhanoi

EVN HANOI - TCT Điện lực TP Hà Nội

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THẠCH THẤT
Ngày ký: 18/09/2026

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THẠCH THẤT

Số nhà 192, Thôn Phố Săn, Xã Thạch Thất, TP. Hà Nội, Việt Nam
MST: 0100101114-031
Số tài khoản: 4521234888 - Ngân hàng BIDV

19001288

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**
Địa chỉ	**Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
Điện thoại	**0984618818**
Email	**myptk@phenikaa.com**
Mã số thuế	**0104961939**
Địa chỉ sử dụng điện	**TBA 3x1600 kVA trạm nhà máy sản xuất đá Thạch Anh, Khu CNC Hòa Lạc**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**35kV**

Mã khách hàng
PD19008661732

Số tiền thanh toán
578.688.660 đồng

Hạn thanh toán
09/10/2026

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 9/2026 (13 ngày từ 18/09/2026 đến 30/09/2026)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
20031201				
Khung giờ bình thường	1	1.998.627	1.847.800	150.827
Khung giờ cao điểm	1	701.319	645.140	56.179
Khung giờ thấp điểm	1	731.684	674.154	57.530
				Tổng: 264.536



TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.833	150.827	276.465.891
Khung giờ cao điểm	3.398	56.179	190.896.242
Khung giờ thấp điểm	1.190	57.530	68.460.700
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**264.536**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**535.822.833**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**42.865.827**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**578.688.660**

Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://evnhanoi.vn và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHANOI

Khu Liên cơ số 258 đường Võ Chí Công, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội Hà Nội

19001288

evnhanoi@evnhanoi.vn

https://www.facebook.com/Ngoinhaevnhanoi

EVN HANOI - TCT Điện lực TP Hà Nội

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THẠCH THẤT
Ngày ký: 02/10/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 01 năm 2025

Mã số khách hàng: **000183707**

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **K25TYY**
Số: **00166974**

Tên, địa chỉ khách hàng

Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A
Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0104961939

Số hộ sử dụng nước	1
Thời gian sử dụng	26/12/2024 - 23/01/2025
Ngày hóa đơn	23/01/2025
Ngày ghi - Sổ đọc	25/01/2025 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
69.234	67.828	1.406	SX0PMT	1.406	16.000	22.496.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG:	22.496.000
- Tiền nước	22.496.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (0%)	0
- Tiền thuế VAT (5%)	1.124.800
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	23.620.800

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 23/01/2025

Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn tám trăm đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **9169B400***

Các khoản giảm trừ khác:
+ ()

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 02 năm 2025

Mã số khách hàng: **000183707**

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **K25TYY**
Số: **00333492**

Tên, địa chỉ khách hàng

Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A
Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0104961939

Số hộ sử dụng nước	1
Thời gian sử dụng	24/01/2025 - 25/02/2025
Ngày hóa đơn	25/02/2025
Ngày ghi - Sổ đọc	25/02/2025 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
70.552	69.234	1.318	SX0PMT	1.318	16.000	21.088.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG:	21.088.000
- Tiền nước	21.088.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (0%)	0
- Tiền thuế VAT (5%)	1.054.400
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	22.142.400

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 25/02/2025

Số tiền bằng chữ: Hai mươi hai triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng

Hóa đơn điện tử tra cứu tại ***hoadon.viwaco.vn/tra-cuu****. Mã tra cứu hóa đơn:* ***2646083A***

Các khoản giảm trừ khác:
+ ()

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 03 năm 2025

Mã số khách hàng: **000183707**

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **K25TYY**
Số: **00500252**

Tên, địa chỉ khách hàng

Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A
Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0104961939

Số hộ sử dụng nước	1
Thời gian sử dụng	26/02/2025 - 25/03/2025
Ngày hóa đơn	25/03/2025
Ngày ghi - Sổ đọc	25/03/2025 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
71.932	70.552	1.380	SX0PMT	1.380	16.000	22.080.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 25/03/2025

CỘNG:	22.080.000
- Tiền nước	22.080.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (0%)	0
- Tiền thuế VAT (5%)	1.104.000
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	23.184.000

Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **02D13485***

Các khoản giảm trừ khác:
+ ()

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 04 năm 2025

Mã số khách hàng: **000183707**

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **K25TYY**
Số: **00667569**

Tên, địa chỉ khách hàng

Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A
Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0104961939

Số hộ sử dụng nước	1
Thời gian sử dụng	26/03/2025 - 25/04/2025
Ngày hóa đơn	25/04/2025
Ngày ghi - Sổ đọc	25/04/2025 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
73.637	71.932	1.705	SX0PMT	1.705	16.000	27.280.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG:	27.280.000
- Tiền nước	27.280.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (0%)	0
- Tiền thuế VAT (5%)	1.364.000
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	28.644.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 25/04/2025

Số tiền bằng chữ: Hai mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **E330E305***

Các khoản giảm trừ khác:
+ ()

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 05 năm 2025

Mã số khách hàng: **000183707**

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **K25TYY**
Số: **00835256**

Tên, địa chỉ khách hàng

Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A
Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0104961939

Số hộ sử dụng nước	1
Thời gian sử dụng	26/04/2025 - 24/05/2025
Ngày hóa đơn	26/05/2025
Ngày ghi - Sổ đọc	25/05/2025 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
75.171	73.637	1.534	SX0PMT	1.534	16.000	24.544.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG:	24.544.000
- Tiền nước	24.544.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (0%)	0
- Tiền thuế VAT (5%)	1.227.200
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	25.771.200

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 26/05/2025

Số tiền bằng chữ: Hai mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **34E365FA***

Các khoản giảm trừ khác:
+ ()

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 06 năm 2025

Mã số khách hàng: **000183707**

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **K25TYY**
Số: **01003059**

Tên, địa chỉ khách hàng

Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A
Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0104961939

Số hộ sử dụng nước	1
Thời gian sử dụng	25/05/2025 - 25/06/2025
Ngày hóa đơn	28/06/2025
Ngày ghi - Sổ đọc	25/06/2025 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
77.234	75.171	2.063	SX0PMT	2.063	16.000	33.008.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 28/06/2025

CỘNG:	33.008.000
- Tiền nước	33.008.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (0%)	0
- Tiền thuế VAT (5%)	1.650.400
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	34.658.400

Số tiền bằng chữ: Ba mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **11F6ECE5***

Các khoản giảm trừ khác:
+ ()

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 07 năm 2025
Mã khách hàng: 000183707

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **1K25TYY**
Số: **01170918**

Tên khách hàng	**Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**		
Địa chỉ khách hàng	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam		
Mã số thuế	0104961939	Số hộ sử dụng nước	1
Số định danh cá nhân		Thời gian sử dụng	26/06/2025 - 25/07/2025
Số hộ chiếu		Ngày hóa đơn	25/07/2025
Mã quan hệ ngân sách		Ngày ghi - Sổ đọc	25/07/2025 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
79.373	77.234	2.139	SX0PMT	2.139	16.000	34.224.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG	34.224.000
- Tiền nước	34.224.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (0%)	0
- Tiền thuế VAT (5%)	1.711.200
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	35.935.200

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 25/07/2025

Số tiền bằng chữ: Ba mươi lăm triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **7D9D6350***

Các khoản giảm trừ khác:
+ ()

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 08 năm 2025
Mã khách hàng: 000183707

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **1K25TYY**
Số: **01338905**

Tên khách hàng	**Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**		
Địa chỉ khách hàng	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam		
Mã số thuế	0104961939	Số hộ sử dụng nước	1
Số định danh cá nhân		Thời gian sử dụng	26/07/2025 - 25/08/2025
Số hộ chiếu		Ngày hóa đơn	25/08/2025
Mã quan hệ ngân sách		Ngày ghi - Sổ đọc	25/08/2025 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
81.380	79.373	2.007	SX	2.007	16.000	32.112.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG	32.112.000
- Tiền nước	32.112.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (0%)	0
- Tiền thuế VAT (5%)	1.605.600
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	33.717.600

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 25/08/2025

Số tiền bằng chữ: Ba mươi ba triệu bảy trăm mười bảy nghìn sáu trăm đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **96876FBB***

Các khoản giảm trừ khác:
+ Miễn phí bảo vệ môi trường: -3.211.200đ

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 09 năm 2025
Mã khách hàng: 000183707

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **1K25TYY**
Số: **01507097**

Tên khách hàng	**Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**		
Địa chỉ khách hàng	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam		
Mã số thuế	0104961939	Số hộ sử dụng nước	1
Số định danh cá nhân		Thời gian sử dụng	26/08/2025 - 24/09/2025
Số hộ chiếu		Ngày hóa đơn	24/09/2025
Mã quan hệ ngân sách		Ngày ghi - Sổ đọc	25/09/2025 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
83.402	81.380	2.022	SX	2.022	16.000	32.352.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG	32.352.000
- Tiền nước	32.352.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (0%)	0
- Tiền thuế VAT (5%)	1.617.600
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	33.969.600

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 24/09/2025

Số tiền bằng chữ: Ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **AB0FCE07***

Các khoản giảm trừ khác:
+ Miễn phí bảo vệ môi trường: -3.235.200đ

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Tháng 10 năm 2025

Mã khách hàng: 000183707

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **1K25TYY**
Số: **01675367**

Tên khách hàng	**Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**		
Địa chỉ khách hàng	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam		
Mã số thuế	0104961939	Số hộ sử dụng nước	1
Số định danh cá nhân		Thời gian sử dụng	25/09/2025 - 25/10/2025
Số hộ chiếu		Ngày hóa đơn	27/10/2025
Mã quan hệ ngân sách		Ngày ghi - Sổ đọc	25/10/2025 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
85.825	83.402	2.423	SX	2.423	16.000	38.768.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG	38.768.000
- Tiền nước	38.768.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (0%)	0
- Tiền thuế VAT (5%)	1.938.400
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	40.706.400

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 27/10/2025

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi triệu bảy trăm linh sáu nghìn bốn trăm đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **A0D104A7***

Các khoản giảm trừ khác:
+ Miễn phí bảo vệ môi trường: -3.876.800đ

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 11 năm 2025
Mã khách hàng: 000183707

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **1K25TYY**
Số: **01843560**

Tên khách hàng	**Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**		
Địa chỉ khách hàng	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam		
Mã số thuế	0104961939	Số hộ sử dụng nước	1
Số định danh cá nhân		Thời gian sử dụng	26/10/2025 - 25/11/2025
Số hộ chiếu		Ngày hóa đơn	25/11/2025
Mã quan hệ ngân sách		Ngày ghi - Sổ đọc	25/11/2025 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
87.930	85.825	2.105	SX	2.105	16.000	33.680.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG	33.680.000
- Tiền nước	33.680.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (0%)	0
- Tiền thuế VAT (5%)	1.684.000
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	35.364.000

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 25/11/2025

Số tiền bằng chữ: Ba mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **4F54D10C***

Các khoản giảm trừ khác:
+ Miễn phí bảo vệ môi trường: -3.368.000đ

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 12 năm 2025
Mã khách hàng: 000183707

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **1K25TYY**
Số: **02011957**

Tên khách hàng	**Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**		
Địa chỉ khách hàng	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam		
Mã số thuế	0104961939	Số hộ sử dụng nước	1
Số định danh cá nhân		Thời gian sử dụng	26/11/2025 - 24/12/2025
Số hộ chiếu		Ngày hóa đơn	24/12/2025
Mã quan hệ ngân sách		Ngày ghi - Sổ đọc	25/12/2025 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
90.213	87.930	2.283	SX 2.283	16.000	36.528.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG	36.528.000
- Tiền nước	36.528.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (0%)	0
- Tiền thuế VAT (5%)	1.826.400
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	38.354.400

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 24/12/2025

Số tiền bằng chữ: Ba mươi tám triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **40381FD2***

Các khoản giảm trừ khác:
+ Miễn phí bảo vệ môi trường: -3.652.800đ

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 01 năm 2026
Mã khách hàng: 000183707

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **1K26TYY**
Số: **00168777**

Tên khách hàng	**Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**		
Địa chỉ khách hàng	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam		
Mã số thuế	0104961939	Số hộ sử dụng nước	1
Số định danh cá nhân		Thời gian sử dụng	25/12/2025 - 24/01/2026
Số hộ chiếu		Ngày hóa đơn	26/01/2026
Mã quan hệ ngân sách		Ngày ghi - Sổ đọc	25/01/2026 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
92.756	90.213	2.543	SX 2.543	16.000	40.688.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG	40.688.000
- Tiền nước	40.688.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (0%)	0
- Tiền thuế VAT (5%)	2.034.400
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	42.722.400

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 26/01/2026

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi hai triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **604A9B34***

Các khoản giảm trừ khác:
+ Miễn phí bảo vệ môi trường: -4.068.800đ

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 02 năm 2026
Mã khách hàng: 000183707

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **1K26TYY**
Số: **00337629**

Tên khách hàng	**Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**		
Địa chỉ khách hàng	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam		
Mã số thuế	0104961939	Số hộ sử dụng nước	1
Số định danh cá nhân		Thời gian sử dụng	25/01/2026 - 25/02/2026
Số hộ chiếu		Ngày hóa đơn	25/02/2026
Mã quan hệ ngân sách		Ngày ghi - Sổ đọc	25/02/2026 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
94.756	92.756	2.000	SX 2.000	16.000	32.000.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG	32.000.000
- Tiền nước	32.000.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%)	3.200.000
- Tiền thuế VAT (5%)	1.600.000
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	36.800.000

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 25/02/2026

Số tiền bằng chữ: Ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **B143352A***

Các khoản giảm trừ khác:
+ ()

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Tháng 03 năm 2026

Mã khách hàng: 000183707

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **1K26TYY**
Số: **00505568**

Tên khách hàng	**Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**		
Địa chỉ khách hàng	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam		
Mã số thuế	0104961939	Số hộ sử dụng nước	1
Số định danh cá nhân		Thời gian sử dụng	26/02/2026 - 24/03/2026
Số hộ chiếu		Ngày hóa đơn	25/03/2026
Mã quan hệ ngân sách		Ngày ghi - Sổ đọc	25/03/2026 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
97.089	94.756	2.333	SX	2.333	16.000	37.328.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG	37.328.000
- Tiền nước	37.328.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%)	3.732.800
- Tiền thuế VAT (5%)	1.866.400
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	42.927.200

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 25/03/2026

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi hai triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **716FCB05***

Các khoản giảm trừ khác:
+ ()

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 04 năm 2026
Mã khách hàng: 000183707

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **1K26TYY**
Số: **00674462**

Tên khách hàng	**Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**		
Địa chỉ khách hàng	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam		
Mã số thuế	0104961939	Số hộ sử dụng nước	1
Số định danh cá nhân		Thời gian sử dụng	25/03/2026 - 25/04/2026
Số hộ chiếu		Ngày hóa đơn	25/04/2026
Mã quan hệ ngân sách		Ngày ghi - Sổ đọc	25/04/2026 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
99.552	97.089	2.463	SX 2.463	16.000	39.408.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG	39.408.000
- Tiền nước	39.408.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%)	3.940.800
- Tiền thuế VAT (5%)	1.970.400
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	45.319.200

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 25/04/2026

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu ba trăm mười chín nghìn hai trăm đồng

Hóa đơn điện tử tra cứu tại ***hoadon.viwaco.vn/tra-cuu****. Mã tra cứu hóa đơn:* ***BCBDDEC4***

Các khoản giảm trừ khác:
+ ()

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 05 năm 2026
Mã khách hàng: 000183707

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **1K26TYY**
Số: **00843660**

Tên khách hàng	**Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**		
Địa chỉ khách hàng	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam		
Mã số thuế	0104961939	Số hộ sử dụng nước	1
Số định danh cá nhân		Thời gian sử dụng	26/04/2026 - 25/05/2026
Số hộ chiếu		Ngày hóa đơn	25/05/2026
Mã quan hệ ngân sách		Ngày ghi - Sổ đọc	25/05/2026 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
101.806	99.552	2.254	SX	2.254	16.000	36.064.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG	36.064.000
- Tiền nước	36.064.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%)	3.606.400
- Tiền thuế VAT (5%)	1.803.200
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	41.473.600

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 25/05/2026

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **AB60BB47***

Các khoản giảm trừ khác:
+ ()

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 06 năm 2026
Mã khách hàng: 000183707

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **1K26TYY**
Số: **01012405**

Tên khách hàng	**Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**		
Địa chỉ khách hàng	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam		
Mã số thuế	0104961939	Số hộ sử dụng nước	1
Số định danh cá nhân		Thời gian sử dụng	26/05/2026 - 26/06/2026
Số hộ chiếu		Ngày hóa đơn	27/06/2026
Mã quan hệ ngân sách		Ngày ghi - Sổ đọc	25/06/2026 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
104.341	101.806	2.535	SX 2.535	16.000	40.560.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG	40.560.000
- Tiền nước	40.560.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%)	4.056.000
- Tiền thuế VAT (5%)	2.028.000
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	46.644.000

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 27/06/2026

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **02CEE370***

Các khoản giảm trừ khác:
+ ()

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu ĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 07 năm 2026
Mã khách hàng: 000183707

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **1K26TYY**
Số: **01180893**

Tên khách hàng	**Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**		
Địa chỉ khách hàng	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam		
Mã số thuế	0104961939	Số hộ sử dụng nước	1
Số định danh cá nhân		Thời gian sử dụng	27/06/2026 - 25/07/2026
Số hộ chiếu		Ngày hóa đơn	27/07/2026
Mã quan hệ ngân sách		Ngày ghi - Sổ đọc	25/07/2026 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
105.678	104.341	1.337	SX	1.337	16.000	21.392.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG	21.392.000
- Tiền nước	21.392.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%)	2.139.200
- Tiền thuế VAT (5%)	1.069.600
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	24.600.800

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 27/07/2026

Số tiền bằng chữ: Hai mươi bốn triệu sáu trăm nghìn tám trăm đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **F0194D8F***

Các khoản giảm trừ khác:
+ ()

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 08 năm 2026
Mã khách hàng: 000183707

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **1K26TYY**
Số: **01349515**

Tên khách hàng	**Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**		
Địa chỉ khách hàng	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam		
Mã số thuế	0104961939	Số hộ sử dụng nước	1
Số định danh cá nhân		Thời gian sử dụng	26/07/2026 - 25/08/2026
Số hộ chiếu		Ngày hóa đơn	25/08/2026
Mã quan hệ ngân sách		Ngày ghi - Sổ đọc	25/08/2026 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
105.678	105.678	1.553 0	SX 1.553	16.000	24.848.000

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG	24.848.000
- Tiền nước	24.848.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%)	2.484.800
- Tiền thuế VAT (5%)	1.242.400
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	28.575.200

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 25/08/2026

Số tiền bằng chữ: Hai mươi tám triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **0229C20F***

Các khoản giảm trừ khác:
+ ()

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17 T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Tháng 09 năm 2026
Mã khách hàng: 000183707

Mã số thuế: 0101624050
Ký hiệu: **1K26TYY**
Số: **01518563**

Tên khách hàng	**Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A**		
Địa chỉ khách hàng	Số 167 phố Hoàng Ngân, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam		
Mã số thuế	0104961939	Số hộ sử dụng nước	1
Số định danh cá nhân		Thời gian sử dụng	26/08/2026 - 25/09/2026
Số hộ chiếu		Ngày hóa đơn	25/09/2026
Mã quan hệ ngân sách		Ngày ghi - Sổ đọc	25/09/2026 - SP001

SỐ ĐỌC THÁNG NÀY	SỐ ĐỌC THÁNG TRƯỚC	TỔNG TIÊU THỤ	ĐỊNH MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
105.678	105.678	0	SX 1.645	16.000	26.320.000
2.157	512	1.645			

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG

CỘNG	26.320.000
- Tiền nước	26.320.000
- Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH (10%)	2.632.000
- Tiền thuế VAT (5%)	1.316.000
TIỀN ĐỒNG HỒ	0
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHÁC	0
TỔNG CỘNG	30.268.000

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Ký ngày: 25/09/2026

Số tiền bằng chữ: Ba mươi triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng

*Hóa đơn điện tử tra cứu tại **hoadon.viwaco.vn/tra-cuu**. Mã tra cứu hóa đơn: **19A236DC***

Các khoản giảm trừ khác:
+ ()

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ THẠCH ANH TẤM LỚN SỬ DỤNG CHẤT KẾT DÍNH POLYME RUNG ÉP TRONG MÔI TRƯỜNG CHÂN KHÔNG, CÓ GIA NHIỆT VÀ XƯỞNG SẢN XUẤT SẢN PHẨM DI ĐỘNG TỰ HÀNH

Địa điểm:

Lô đất số CN2-10, Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

PHỤ LỤC 4
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

HÀ NỘI - THÁNG 10, 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 00125/2025/PKQ (25.50)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TÊN KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
ĐỊA CHỈ: Ô 10-5 ĐẾN 10-8 KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI
LẤY MẪU TẠI: NHÀ MÁY PHENIKAA - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A, Ô 10-5 ĐẾN 10-8, KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu, ký hiệu mẫu	**KK7: Khu vực nạp liệu**	
Tọa độ	N: 20°58'46,2"	E: 105°32'32,0"
Đặc điểm mẫu	Khu vực rộng, thoáng, ít mùi	
Ngày lấy mẫu	Ngày 14 tháng 2 năm 2025	
Ngày phân tích	Từ ngày 15/02/2025 đến ngày 22/02/2025	

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 24:2016 /BYT	QCVN 26:2016 /BYT	QCVN 03:2019 /BYT	QCVN 02:2019 /BYT
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2023/BTNMT	22,7	-	**18÷32**	-	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/Nm^3	TCVN 5067:1995	0,281	-	-	-	**8**
3	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	75,4	**85**	-	-	-
4	CO	mg/Nm^3	PPNB 03	4,652	-	-	**40**	-
5	SO_2	mg/Nm^3	TCVN 5971:1995	0,055	-	-	**10**	-
6	NO_2	mg/Nm^3	TCVN 6137:2009	0,039	-	-	**10**	-
7	VOCs (Benzene)	mg/Nm^3	NIOSH Method 1501	1,077	-	-	**15**	-
8	VOCs (Toluene)	mg/Nm^3	NIOSH Method 1501	<0,008	-	-	**300**	-

Ghi chú:
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- QCVN 02:2019/BYT:Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- (-): Không quy định

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2025

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Tất Đông

M.S.D.N: 0101646606-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích. 2. Dấu "*" là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ. 3. Dấu "**" là thông số chưa được công nhận và không thuộc phạm vi chứng nhận của Vimcerts
4. Không được sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của chủ đầu tư. 5. Phòng thí nghiệm chỉ lưu mẫu phân tích 10 ngày kể từ ngày nhận (trừ lấy mẫu).

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 00126/2025/PKQ (25.50)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TÊN KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
ĐỊA CHỈ: Ô 10-5 ĐẾN 10-8 KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI
LẤY MẪU TẠI: NHÀ MÁY PHENIKAA - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A, Ô 10-5 ĐẾN 10-8, KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu, ký hiệu mẫu	**KK8: Khu vực Distributor**	
Tọa độ	N: $20^0$58'47,8"	E: $105^0$32'30,9"
Đặc điểm mẫu	Khu vực rộng, thoáng, ít mùi	
Ngày lấy mẫu	Ngày 14 tháng 2 năm 2025	
Ngày phân tích	Từ ngày 15/02/2025 đến ngày 22/02/2025	

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 24:2016 /BYT	QCVN 26:2016 /BYT	QCVN 03:2019 /BYT	QCVN 02:2019 /BYT
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2023/BTNMT	24,1	-	**18÷32**	-	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/Nm^3	TCVN 5067:1995	0,309	-	-	-	**8**
3	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	81,4	**85**	-	-	-
4	CO	mg/Nm^3	PPNB 03	5,252	-	-	**40**	-
5	SO_2	mg/Nm^3	TCVN 5971:1995	0,051	-	-	**10**	-
6	NO_2	mg/Nm^3	TCVN 6137:2009	0,041	-	-	**10**	-
7	VOCs (Benzene)	mg/Nm^3	NIOSH Method 1501	1,064	-	-	**15**	-
8	VOCs (Toluene)	mg/Nm^3	NIOSH Method 1501	<0,008	-	-	**300**	-

Ghi chú:
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- QCVN 02:2019/BYT:Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- (-): Không quy định

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2025

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Tất Đông

M.S.D.N: 0101546606 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG - Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

*1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích. 2. Dấu "**" là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ. 3. Dấu "***" là thông số chưa được công nhận và không thuộc phạm vi chứng nhận của Vimcerts*
4. Không được sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của chủ đầu tư. 5. Phòng thí nghiệm chỉ lưu mẫu phân tích 10 ngày kể từ ngày nhận (hoặc lấy) mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 00129/2025/PKQ (25.50)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TÊN KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
ĐỊA CHỈ: Ô 10-5 ĐẾN 10-8 KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI
LẤY MẪU TẠI: NHÀ MÁY PHENIKAA - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A, Ô 10-5 ĐẾN 10-8, KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu, ký hiệu mẫu	**KK6: Khí thải tại ống khói xử lý khí**	
Tọa độ	N: $20^0$58'43,4"	E: $105^0$32'32,0"
Đặc điểm mẫu	Ống khói đang hoạt động, có mùi	
Ngày lấy mẫu	Ngày 14 tháng 2 năm 2025	
Ngày phân tích	Từ ngày 15/02/2025 đến ngày 22/02/2025	

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
					Nồng độ tối đa
1	VOCs (Benzene)	mg/Nm³	PD CEN/TS 13649:2014	0,451	5
2	VOCs (Toluene)	mg/Nm³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,003	750

Ghi chú:
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2025

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Tất Đông

M.S.D.N: 0101546606 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG ★ Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích. 2. Dấu "*" là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ. 3. Dấu "**" là thông số chưa được công nhận và không thuộc phạm vi chứng nhận của Vimcerts
4. Không được sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của chủ đầu tư. 5. Phòng thí nghiệm chỉ lưu mẫu phân tích 10 ngày kể từ ngày nhận (trước 16h) mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 00130/2025/PKQ (25.50)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TÊN KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
ĐỊA CHỈ: Ô 10-5 ĐẾN 10-8 KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI
LẤY MẪU TẠI: NHÀ MÁY PHENIKAA - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A, Ô 10-5 ĐẾN 10-8, KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu, ký hiệu mẫu	**KK5: Khí thải tại ống khói xử lý bụi**	
Tọa độ	N: 20°58'45,4"	E: 105°32'32,6"
Đặc điểm mẫu	Khí có bụi, có mùi	
Ngày lấy mẫu	Ngày 14 tháng 2 năm 2025	
Ngày phân tích	Từ ngày 15/02/2025 đến ngày 22/02/2025	

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả KK5				QCVN 19:2009/ BTNMT	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	Nồng độ tối đa	
1	Bụi (PM)	mg/Nm³	US EPA Method 5				22,6	180	162
2	NO	mg/Nm³	PPNB 08	<1,23	<1,23	<1,23	<1,23	-	-
3	CO	mg/Nm³	PPNB 07	<1,14	<1,14	<1,14	<1,14	900	900
4	NO_2	mg/Nm³	PPNB 08	0,376	0,752	1,504	0,877	-	-
5	SO_2	mg/Nm³	PPNB 06	<2,62	<2,62	<2,62	<2,62	450	405
6	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm³	PPNB 08	0,376	0,752	1,504	0,877	765	765

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Cột B: áp dụng đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16/01/2007, tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+Hệ số lưu lượng nguồn thải Kp tính theo lưu lượng nguồn thải: 20.000 < P ≤ 100.000 ; Kp =0,9

+ Hệ số vùng, khu vực Kv: Khu công nghiệp; đô thị loại V; vùng ngoại thành, ngoại thị đô thị loại II, III, IV có khoảng cách đến ranh giới nội thành, nội thị lớn hơn hoặc bằng 02 km; cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.; Kv =1

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

+Hệ số lưu lượng nguồn thải Kp tính theo lưu lượng nguồn thải: 20.000 < P ≤ 100.000 ; Kp =0,9

+ Hệ số vùng, khu vực Kv: Áp dụng đối với khu vực 3 (14 huyện ngoại thành gồm: Ba Vì, Chương Mỹ, Đan Phượng, Hoài Đức, Mê Linh, Mỹ Đức, Phú Xuyên, Phúc Thọ, Quốc Oai, Sóc Sơn, Thạch Thất, Thanh Oai, Thường Tín, Ứng Hòa.); Kv(Bụi tổng, SO_2) = 0,9; Kv(CO, NO_2) = 1.

- (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2025

BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Tất Đông

M.S.D.N: 0101546606-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mỗi mẫu phân tích. 2. Dấu "" là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ. 3. Dấu "**" là thông số chưa được công nhận và không thuộc phạm vi chứng nhận của Vimcert.*
4. Không được sử sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của chủ đầu tư 5. Phòng thí nghiệm chỉ lưu mẫu phân tích 30 ngày, kể từ ngày nhận (hoặc lấy) mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 00131/2025/PKQ (25.50)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TÊN KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
ĐỊA CHỈ: Ô 10-5 ĐẾN 10-8 KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI
LẤY MẪU TẠI: NHÀ MÁY PHENIKAA - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A, Ô 10-5 ĐẾN 10-8, KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu, ký hiệu mẫu	**NT: Nước thải sinh hoạt tại điểm xả**	
Tọa độ	N: 20°58'42,7"	E: 105°32'47,9"
Đặc điểm mẫu	Nước có cặn, có ít mùi	
Ngày lấy mẫu	Ngày 14 tháng 2 năm 2025	
Ngày phân tích	Từ ngày 15/02/2025 đến ngày 22/02/2025	

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT
					Cột A	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,95	5 ÷ 9	6 ÷ 9
2	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD5)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	10,6	30	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	17,8	50	50
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	EATC-PPNB-01	275	500	-
5	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW5520B&F:2023	0,5	10	-
6	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023	0,446	6	-
7	Sunfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500-S2-.F:2023	<0,064	1	0,2
8	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH3.B&F:2023	0,214	5	5
9	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO3-.E:2023	2,31	30	-
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,136	5	-
11	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	94	3.000	3.000

Ghi chú:
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
(Cột A: Khi nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận là nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;)
- QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Nước thải Công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội;
(Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;)
- (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2025

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Tất Đông

M.S.D.N: 0101546506 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG - Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mỗi mẫu phân tích. 2. Dấu "*" là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ. 3. Dấu "**" là thông số chưa được công nhận và không thuộc phạm vi chứng chỉ của Vimcerts
4. Không được sử dụng kết quả này cho mục đích quảng cáo khi chưa có sự đồng ý của chúng tôi. 5. Phòng thí nghiệm chỉ lưu mẫu phân tích 10 ngày kể từ ngày nhận (trừ lấy) mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 00622/2025/PKQ (25.160)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TÊN KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
ĐỊA CHỈ: Ô 10-5 ĐẾN 10-8 KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI
LẤY MẪU TẠI: NHÀ MÁY PHENIKAA - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
Ô 10-5 ĐẾN 10-8, KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu, ký hiệu mẫu	**KK7: Khu vực nạp liệu**	
Tọa độ	N: 20⁰58'46,2"	E: 105⁰32'32,0"
Đặc điểm mẫu	Khu vực trong nhà, hơi ồn	
Ngày lấy mẫu	Ngày 8 tháng 4 năm 2025	
Ngày phân tích	Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 16/04/2025	

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 24:2016 /BYT	QCVN 26:2016 /BYT	QCVN 03:2019 /BYT	QCVN 02:2019 /BYT
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2023/BTNMT	29,8	-	**18÷32**	-	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/Nm³	TCVN 5067:1995	0,282	-	-	-	**8**
3	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,9	**85**	-	-	-
4	CO	mg/Nm³	PPNB 03	4,853	-	-	**40**	-
5	SO_2	mg/Nm³	TCVN 5971:1995	0,057	-	-	**10**	-
6	NO_2	mg/Nm³	TCVN 6137:2009	0,047	-	-	**10**	-
7	VOCs (Benzene)	mg/Nm³	NIOSH Method 1501	0,678	-	-	**15**	-
8	VOCs (Toluene)	mg/Nm³	NIOSH Method 1501	<0,008	-	-	**300**	-

Ghi chú:
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- (b) QCVN 02:2019/BYT:Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.;
- (c) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- (d) QCVN 03:2019/BYT:Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Tất Đông

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mỗi mẫu phân tích. 2. Dấu "*" là chưa có được thực hiện bởi nhà thầu phụ. 3. Dấu "**" là chưa có được công nhận và không thuộc phạm vi chứng nhận của Vimcerts
4. Không được sử dụng kết quả thử nghiệm có sự đồng ý của chủ đầu tư. 5. Phòng thí nghiệm chỉ lưu mẫu phân tích 30 ngày kể từ ngày nhận (ngoại trừ mẫu

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 00623/2025/PKQ (25.160)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TÊN KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
ĐỊA CHỈ: Ô 10-5 ĐẾN 10-8 KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI
LẤY MẪU TẠI: NHÀ MÁY PHENIKAA - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
Ô 10-5 ĐẾN 10-8, KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu, ký hiệu mẫu	**KK8: Khu vực Distributor**	
Tọa độ	N: 20°58'47,8"	E: 105°32'30,9"
Đặc điểm mẫu	Khu vực trong nhà, hơi ồn	
Ngày lấy mẫu	Ngày 8 tháng 4 năm 2025	
Ngày phân tích	Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 16/04/2025	

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 24:2016 /BYT	QCVN 26:2016 /BYT	QCVN 03:2019 /BYT	QCVN 02:2019 /BYT
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2023/BTNMT	30	-	18÷32	-	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/Nm³	TCVN 5067:1995	0,295	-	-	-	8
3	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	69	85	-	-	-
4	CO	mg/Nm³	PPNB 03	6,552	-	-	40	-
5	SO_2	mg/Nm³	TCVN 5971:1995	0,054	-	-	10	-
6	NO_2	mg/Nm³	TCVN 6137:2009	0,052	-	-	10	-
7	VOCs (Benzene)	mg/Nm³	NIOSH Method 1501	0,713	-	-	15	-
8	VOCs (Toluene)	mg/Nm³	NIOSH Method 1501	<0,008	-	-	300	-

Ghi chú:
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- (b) QCVN 02:2019/BYT:Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.;
- (c) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- (d) QCVN 03:2019/BYT:Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Tất Đông

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mỗi mẫu phân tích. 2. Dấu "" là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ. 3. Dấu "**" là thông số chưa được công nhận và không thuộc phạm vi chứng nhận của Vimcert*
4. Không được sử dụng kết quả kết luận và sự đồng ý của chủ đầu tư. 5. Phòng thí nghiệm chỉ lưu mẫu phân tích 30 ngày kể từ ngày nhận (hoặc lấy) mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 00624/2025/PKQ (25.160)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TÊN KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
ĐỊA CHỈ: Ô 10-5 ĐẾN 10-8 KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI
LẤY MẪU TẠI: NHÀ MÁY PHENIKAA - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
Ô 10-5 ĐẾN 10-8, KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu, ký hiệu mẫu	**KK1: Khu vực cổng nhà máy**	
Tọa độ	N: 20°58'41,2"	E: 105°32'37,0"
Đặc điểm mẫu	Khu vực rộng, thoáng, có người qua lại	
Ngày lấy mẫu	Ngày 8 tháng 4 năm 2025	
Ngày phân tích	Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 16/04/2025	

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
					Trung bình 1 giờ	Giới hạn tối đa cho phép
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2023/BTNMT	31,3	-	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/Nm^3	TCVN 5067:1995	0,236	0,3	-
3	NO_2	mg/Nm^3	TCVN 6137:2009	0,049	0,2	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	61,2	-	70
5	SO_2	mg/Nm^3	TCVN 5971:1995	0,054	0,35	-
6	CO	mg/Nm^3	PPNB 03	5,311	30	-

Ghi chú:
- QCVN 05:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
- (-): không quy định.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Tất Đông

M.S.D.N: 0101546606 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG - Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 00625/2025/PKQ (25.160)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TÊN KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
ĐỊA CHỈ: Ô 10-5 ĐẾN 10-8 KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI
LẤY MẪU TẠI: NHÀ MÁY PHENIKAA - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
Ô 10-5 ĐẾN 10-8, KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu, ký hiệu mẫu	**KK2: Khu vực đường nội bộ Tây Nam**	
Tọa độ	N: 20°58'40,6"	E: 105°32'34,7"
Đặc điểm mẫu	Khu vực rộng, thoáng, có người qua lại	
Ngày lấy mẫu	Ngày 8 tháng 4 năm 2025	
Ngày phân tích	Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 16/04/2025	

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
					Trung bình 1 giờ	Giới hạn tối đa cho phép
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2023/BTNMT	30,9	-	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/Nm³	TCVN 5067:1995	0,249	0,3	-
3	NO_2	mg/Nm³	TCVN 6137:2009	0,048	0,2	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,8	-	70
5	SO_2	mg/Nm³	TCVN 5971:1995	0,051	0,35	-
6	CO	mg/Nm³	PPNB 03	4,486	30	-

Ghi chú:
- QCVN 05:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
- (-): không quy định.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Tất Đông

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích. 2. Dấu "*" là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ. 3. Dấu "**" là thông số chưa được công nhận và không thuộc phạm vi chứng nhận của Vimcerts
4. Không được tự ý sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của chủ đầu tư. 5. Phòng thí nghiệm chỉ lưu mẫu phân tích 10 ngày, kể từ ngày nhận mẫu (lấy mẫu).

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 00626/2025/PKQ (25.160)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TÊN KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
ĐỊA CHỈ: Ô 10-5 ĐẾN 10-8 KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI
LẤY MẪU TẠI: NHÀ MÁY PHENIKAA - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
Ô 10-5 ĐẾN 10-8, KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu, ký hiệu mẫu	**KK3: Khu vực đường nội bộ Tây Bắc**	
Tọa độ	N: 20°58'43,9"	E: 105°32'33,9"
Đặc điểm mẫu	Khu vực rộng, thoáng, có người qua lại	
Ngày lấy mẫu	Ngày 8 tháng 4 năm 2025	
Ngày phân tích	Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 16/04/2025	

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
					Trung bình 1 giờ	Giới hạn tối đa cho phép
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2023/BTNMT	30,7	-	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/Nm³	TCVN 5067:1995	0,215	0,3	-
3	NO_2	mg/Nm³	TCVN 6137:2009	0,045	0,2	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	61,1	-	70
5	SO_2	mg/Nm³	TCVN 5971:1995	0,056	0,35	-
6	CO	mg/Nm³	PPNB 03	5,681	30	-

Ghi chú:
- QCVN 05:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
- (-): không quy định.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Tất Đông

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích. 2. Dấu "*" là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ. 3. Dấu "**" là thông số chưa được công nhận và không thuộc phạm vi chứng nhận của Vimcert
4. Không được tự ý sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của nhà đầu tư. 5. Phòng thí nghiệm chỉ lưu mẫu phân tích 30 ngày, kể từ ngày nhận (hoặc lấy) mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 00627/2025/PKQ (25.160)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TÊN KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
ĐỊA CHỈ: Ô 10-5 ĐẾN 10-8 KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI
LẤY MẪU TẠI: NHÀ MÁY PHENIKAA - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
Ô 10-5 ĐẾN 10-8, KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu, ký hiệu mẫu	**KK4: Khu vực đường nội bộ Đông Nam**	
Tọa độ	N: $20^0$58'44,6"	E: $105^0$32'32,0"
Đặc điểm mẫu	Khu vực rộng, thoáng, có người qua lại	
Ngày lấy mẫu	Ngày 8 tháng 4 năm 2025	
Ngày phân tích	Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 16/04/2025	

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
					Trung bình 1 giờ	Giới hạn tối đa cho phép
1	Nhiệt độ	^{0}C	QCVN 46:2023/BTNMT	30,8	-	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/Nm^3	TCVN 5067:1995	0,262	0,3	-
3	NO_2	mg/Nm^3	TCVN 6137:2009	0,043	0,2	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	63	-	70
5	SO_2	mg/Nm^3	TCVN 5971:1995	0,056	0,35	-
6	CO	mg/Nm^3	PPNB 03	5,006	30	-

Ghi chú:
- QCVN 05:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
- (-): không quy định.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Tất Đông

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích. 2. Dấu "*" là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ. 3. Dấu "**" là thông số chưa được công nhận và không thuộc phạm vi chứng nhận của Vimcerts
4. Không được tự ý sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của chủ đầu tư 5. Phòng thí nghiệm chỉ lưu mẫu phân tích 30 ngày, kể từ ngày nhận (hoặc lấy) mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 00628/2025/PKQ (25.160)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TÊN KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
ĐỊA CHỈ: Ô 10-5 ĐẾN 10-8 KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI
LẤY MẪU TẠI: NHÀ MÁY PHENIKAA - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
Ô 10-5 ĐẾN 10-8, KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu, ký hiệu mẫu	**KK6: Khí thải tại ống khói xử lý khí**	
Tọa độ	N: 20°58'43,4"	E: 105°32'32,0"
Đặc điểm mẫu	Khí thải có mùi nhẹ, ít bụi	
Ngày lấy mẫu	Ngày 8 tháng 4 năm 2025	
Ngày phân tích	Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 16/04/2025	

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
					Nồng độ tối đa
1	VOCs (Benzene)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	0,315	5
2	VOCs (Toluene)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	<0,003	750

Ghi chú:
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

*Hà Nội, ngày **16** tháng **04** năm **2025***

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Tất Đông

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mỗi mẫu phân tích. 2. Dấu "-" là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ. 3. Dấu "***" là thông số chưa được công nhận và không thuộc phạm vi chứng nhận của Vimcert
4. Không được sử dụng sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của chủ đầu tư 5. Phòng thí nghiệm chỉ lưu mẫu phân tích 30 ngày, kể từ ngày nhận (hoặc lấy) mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 00629/2025/PKQ (25.160)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TÊN KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
ĐỊA CHỈ: Ô 10-5 ĐẾN 10-8 KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI
LẤY MẪU TẠI: NHÀ MÁY PHENIKAA - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
Ô 10-5 ĐẾN 10-8, KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu, ký hiệu mẫu	**KK5: Khí thải tại ống khói xử lý bụi**	
Tọa độ	N: 20°58'45,4"	E: 105°32'32,6"
Đặc điểm mẫu	Khí thải có mùi nhẹ, ít bụi	
Ngày lấy mẫu	Ngày 8 tháng 4 năm 2025	
Ngày phân tích	Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 16/04/2025	

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả KK5				QCVN 19:2009/ BTNMT	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	TB	Nồng độ tối đa	
1	Bụi (PM)	mg/Nm³	US EPA Method 5				17,619	180	162
2	NO	mg/Nm³	PPNB 08	<1,23	<1,23	<1,23	<1,23	-	-
3	CO	mg/Nm³	PPNB 07	<1,14	<1,14	<1,14	<1,14	900	900
4	NO_2	mg/Nm³	PPNB 08	<0,188	<0,188	<0,188	<0,188	-	-
5	SO_2	mg/Nm³	PPNB 06	<2,62	<2,62	<2,62	<2,62	450	405
6	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm³	PPNB 08	<0,188	<0,188	<0,188	<0,188	765	765

Ghi chú:
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
+ Cột B: áp dụng đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16/01/2007. tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
+Hệ số lưu lượng nguồn thải Kp tính theo lưu lượng nguồn thải: 20.000 < P ≤ 100.000 ; Kp =0,9
+ Hệ số vùng, khu vực Kv: Khu công nghiệp; đô thị loại V; vùng ngoại thành, ngoại thị đô thị loại II, III, IV có khoảng cách đến ranh giới nội thành, nội thị lớn hơn hoặc bằng 02 km; cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.; Kv =1
- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.
+Hệ số lưu lượng nguồn thải Kp tính theo lưu lượng nguồn thải: 20.000 < P ≤ 100.000 ; Kp =0,9
+ Hệ số vùng, khu vực Kv: Áp dụng đối với khu vực 3 (14 huyện ngoại thành gồm: Ba Vì, Chương Mỹ, Đan Phượng, Hoài Đức, Mê Linh, Mỹ Đức, Phú Xuyên, Phúc Thọ, Quốc Oai, Sóc Sơn, Thạch Thất, Thanh Oai, Thường Tín, Ứng Hòa.); Kv(Bụi tổng, SO_2) = 0,9; Kv(CO, NO_2) = 1.
- (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Tất Đông

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích. 2. Dấu "-" là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ. 3. Dấu "**" là thông số chưa được công nhận và không thuộc phạm vi chứng nhận của Vimcert
4. Không được tự ý sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của chủ đầu tư. 5. Phòng thí nghiệm chỉ lưu mẫu phân tích 30 ngày, kể từ ngày nhận (trừ mẫu lâu).

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 00630/2025/PKQ (25.160)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TÊN KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
ĐỊA CHỈ: Ô 10-5 ĐẾN 10-8 KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI
LẤY MẪU TẠI: NHÀ MÁY PHENIKAA - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
Ô 10-5 ĐẾN 10-8, KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu, ký hiệu mẫu	**NT1: Nước thải sinh hoạt tại điểm xả**	
Tọa độ	N: 20°58'42,7"	E: 105°32'47,9"
Đặc điểm mẫu	Nước có cặn	
Ngày lấy mẫu	Ngày 8 tháng 4 năm 2025	
Ngày phân tích	Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 16/04/2025	

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT
					Cột A	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,5	5 ÷ 9	6 ÷ 9
2	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	23,41	30	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	9,6	50	50
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	EATC-PPNB-01	380	500	-
5	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW5520B&F:2023	0,5	10	-
6	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023	3,64	6	-
7	Sunfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500-S2-.F:2023	<0,064	1	0,2
8	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH3.B&F:2023	0,284	5	5
9	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO3-.E:2023	15,838	30	-
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,075	5	-
11	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	130	3.000	3.000

Ghi chú:
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
Cột A: Khi nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận là nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;
- QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Nước thải Công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội;
Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- (-): không quy định.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Tất Đông

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích 2. Dấu "*" là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ 3. Dấu "**" là thông số chưa được công nhận và không thuộc phạm vi chứng nhận của Vimcert
4. Không được tự ý sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của chủ đầu tư 5. Thời gian thí nghiệm chỉ lưu mẫu phân tích 10 ngày kể từ ngày nhận (trước tiếp) mẫu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

BÁO CÁO
KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VÙNG QUAN TRẮC: NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ THẠCH ANH TẤM LỚN SỬ DỤNG CHẤT KẾT DÍNH POLYME RUNG ÉP TRONG MÔI TRƯỜNG CHÂN KHÔNG CÓ GIA NHIỆT

TẠI LÔ ĐẤT CN2-10 (CÁC Ô 10-5, Ô 10-6, Ô 10-7, Ô 10-8) KHU CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC, XÃ HÒA LẠC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thời gian quan trắc: 24/11/2025

Cơ quan chủ trì:
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Phụ trách đơn vị
(ký tên và đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lưu Công An

HÀ NỘI, THÁNG 11 NĂM 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC 2
I.1. Căn cứ thực hiện 2
I.2. Phạm vi nội dung công việc 2
I.3. Thời gian thực hiện 2
I.4. Địa bàn thực hiện quan trắc: 3
CHƯƠNG II: NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC 5
1. Đánh giá hiện trạng môi trường khí thải: 5
2. Thống kê các điểm quan trắc có thông số vượt quy chuẩn 6
CHƯƠNG III: ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC QA/QC 7
III.1. Kết quả QA/QC hiện trường 7
1. Mô tả triển khai hoạt động QA/QC trong đo, lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu hiện trường: 7
2. Tiêu chí chấp nhận của kiểm soát chất lượng trong hoạt động quan trắc tại hiện trường: 8
III.2. Kết quả QA/QC trong phòng thí nghiệm 9
1. Công tác đảm bảo chất lượng (QA) trong phòng thí nghiệm 9
2. Công tác kiểm soát chất lượng (QC) trong phòng thí nghiệm 10
3. Hiệu chuẩn thiết bị 10
4. Tiêu chí chấp nhận của kiểm soát chất lượng trong hoạt động phân tích môi trường: 10
CHƯƠNG IV: KẾT LUẬN 12
1. Môi trường khí thải: 12
PHỤ LỤC: PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC 13

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Thông tin về các điểm quan trắc 4
Bảng 2. Kết quả phân tích khí thải tại ống khói bụi 5
Bảng 3. Kết quả phân tích khí thải tại ống mùi 6
Bảng 4. Bảng thống kê số lượng điểm quan trắc có thông số vượt quy chuẩn 6

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Biểu đồ chất lượng môi trường khí thải 5
Hình 2. Biểu đồ so sánh nồng độ một số thông số trong khí thải 6

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

AAS	:	Hấp thụ nguyên tử
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BYT	:	Bộ Y tế
QĐ-BYT	;	Quyết định – Bộ Y tế
BOD_5	:	Nhu cầu ô xy sinh học (sau 5 ngày)
COD	:	Nhu cầu ô xy hóa học
DO	:	Ô xy hòa tan
ISO	:	International System Organization
CP	:	Cổ phần
ĐTM	:	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
KPHĐ	:	Không phát hiện được
NĐ	:	Nghị định
QA	:	Quality Assurance - Đảm bảo chất lượng
QC	:	Quality control - Kiểm soát chất lượng
QĐ	:	Quyết định
QH	:	Quốc Hội
NĐ-CP	:	Nghị định – Chính phủ
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCVSLĐ	:	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
TT	:	Thông tư
TSP	:	Tổng bụi lơ lửng
TSS	:	Tổng chất rắn lơ lửng
SOP	:	Quy trình thao tác chuẩn
MDL	:	Giới hạn phát hiện
EATC	:	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích Môi trường
KĐBĐ	:	Không đảm bảo đo

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC

I.1. Căn cứ thực hiện

Báo cáo quan trắc môi trường đợt tháng 04/2025 tại Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không có gia nhiệt tại Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7, ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nội được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ tài Nguyên và Môi trường về Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam từ năm 1998 đến nay;
- Chương trình giám sát Môi trường tại Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không có gia nhiệt tại Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7, ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nội.

I.2. Phạm vi nội dung công việc

- Thu thập thông tin, số liệu, tài liệu;
- Lấy và phân tích mẫu khí thải tại các vị trí có tính chất đại diện cho khu vực.
- Tổng hợp, lập Báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường theo quy định.

I.3. Thời gian thực hiện

- Thời gian lấy mẫu, quan trắc ngoài hiện trường: 24/11/2025
- Thời gian phân tích trong phòng thí nghiệm: từ 24/11/2025 đến 8/12/2025

- Thời gian tổng hợp, viết báo cáo: 15/12/2025

I.4. Địa bàn thực hiện quan trắc:

Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không có gia nhiệt tại Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7, ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nội. Thông tin về thông số và vị trí các điểm quan trắc được thể hiện ở bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Thông tin về các điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Tên sông, hồ, kênh, rạch (đối với nước mặt)
					X	Y	
I	**Khí thải**						
1	Khí thải tại ống khói bụi	25.3371.KT1	Bụi (PM), lưu lượng	Khí thải có mùi nhẹ, ít bụi	2320993	556268	
2	Khí thải tại ống khói mùi	25.3371.KT2	lưu lượng, Benzen, Toluen, Styren	Khí thải có mùi nhẹ	2321006	556228	

CHƯƠNG II: NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Hiện trạng môi trường và các tác động đối với môi trường tại Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không có gia nhiệt tại Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7, ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nội được theo dõi thông qua chương trình quan trắc môi trường. Đơn vị đã phối hợp cùng Công ty Cổ phần Nextech Ecolife tổ chức đo đạc, lấy mẫu ngày 24/11/2025 để phân tích, thử nghiệm và lập Báo cáo kết quả quan trắc chất lượng nhằm đánh giá chất lượng môi trường trong quá trình hoạt động.

1. Đánh giá hiện trạng môi trường khí thải:

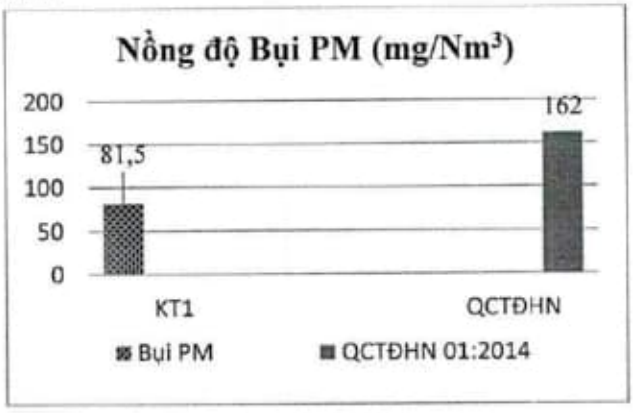
Bảng 2. Kết quả phân tích khí thải tại ống khói bụi

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				25.3371. KT1	Giá trị C - Kp = 0,9 (Kv = 0,9 đối với Bụi, SO2; Kv=1 đối với CO, NOx)
1	Bụi tổng (PM)(1)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	81,5	162
2	Lưu lượng(1)	m^3/h	US EPA Method 02	31.120	-

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khi thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội; giá trị C.

Từ kết quả đo kiểm đợt này ta có biểu đồ thể hiện nồng độ một số thông số trong khí thải như sau:



Hình 1. Biểu đồ chất lượng môi trường khí thải

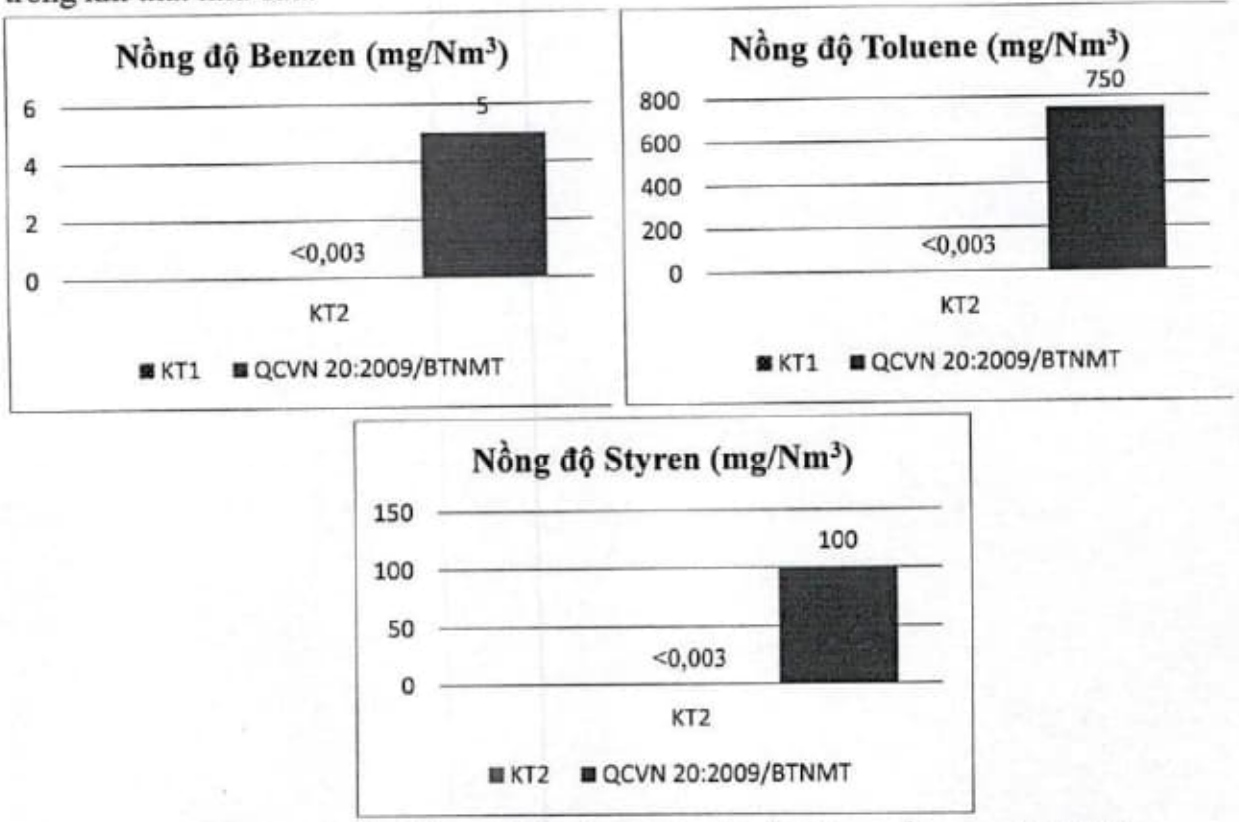
Nhận xét:

Theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Giá trị nồng độ các thông số trong mẫu khí thải KK1 đều nằm trong giới hạn cho phép.

Bảng 3. Kết quả phân tích khí thải tại ống mùi

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.3371.KT2	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng(1)	m^3/h	US EPA Method 02	35.808	-
2	Benzen(*)	mg/Nm^3	CEN/TS 13649:2014	<0,003	**5**
3	Toluen(*)	mg/Nm^3	CEN/TS 13649:2014	<0,003	**750**
4	Styren(*)	mg/Nm^3	CEN/TS 13649:2014	<0,003	**100**

Từ kết quả đo kiểm đợt này ta có biểu đồ thể hiện nồng độ một số thông số trong khí thải như sau:



Hình 2. Biểu đồ so sánh nồng độ một số thông số trong khí thải

Nhận xét:

Theo QCVN 20:2009/BTNMT: Giá trị nồng độ các thông số trong mẫu khí thải KT2 đều nằm trong giới hạn cho phép.

2. Thống kê các điểm quan trắc có thông số vượt quy chuẩn

Số lượng các điểm quan trắc có thông số vượt quy chuẩn được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 4. Bảng thống kê số lượng điểm quan trắc có thông số vượt quy chuẩn

TT	Thành phần môi trường	Số vị trí vượt	Thông số vượt	QCVN so sánh
1	Khí thải	0	0	QCTĐHN 01:2014/BTNMT QCVN 20:2009/BTNMT

CHƯƠNG III: ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC QA/QC

III.1. Kết quả QA/QC hiện trường

1. Mô tả triển khai hoạt động QA/QC trong đo, lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu hiện trường:

- Trước khi tiến hành lấy mẫu, Công ty lập kế hoạch quan trắc bao hàm các nội dung chính như sau:

+ Xác định nội dung nhiệm vụ đợt quan trắc ;

+ Địa điểm quan trắc;

+ Các loại mẫu cần lấy;

+ Các thông số cần đo đạc;

+ Thời gian thực hiện;

+ Nhu cầu về nhân lực tham gia;

+ Trang thiết bị huy động cho công tác lấy mẫu;

+ Lập kế hoạch lấy mẫu;

+ Phương pháp lấy mẫu và phân tích;

+ Kinh phí cho chương trình quan trắc và QA/QC.

- Các vấn đề đảm bảo an toàn con người, thiết bị cho các hoạt động quan trắc nhất là quan trắc bao gồm các biện pháp, phương tiện bảo đảm an toàn (người và thiết bị).

- Trong quá trình chuẩn bị thực hiện lấy mẫu, EATC phân công cụ thể trưởng đoàn quan trắc, nhân lực bảo đảm cho quan trắc, chuẩn bị về thiết bị, hóa chất quan trắc theo chương trình quan trắc đã được duyệt.

- Công tác đảm bảo chất lượng (QA):

+ Các nhân viên lấy mẫu đều đã được đào tạo và tập huấn;

+ Chuẩn bị công tác thực địa chu đáo: dụng cụ, thiết bị, hoá chất thuốc thử bảo quản mẫu phải đầy đủ và phù hợp;

+ Đảm bảo rằng các phương pháp lấy mẫu đều được phổ biến tới tất cả các nhân viên ở trong nhóm quan trắc;

+ Đảm bảo rằng mỗi một bước lấy mẫu hiện nay và quá trình lấy mẫu trước đây đều tuân theo một phương pháp;

+ Đảm bảo rằng dụng cụ lấy mẫu và máy móc đo đạc hiện trường phải được bảo trì và hiệu chuẩn định kỳ, sổ sách bảo trì được lưu giữ;

+ Quy định thống nhất về nhận dạng mẫu được lấy bao gồm dán nhãn lên tất cả các mẫu được lấy, trên đó ghi chép chính xác ngày tháng, địa điểm, thời gian lấy mẫu và tên người lấy mẫu, số mã hiệu của mẫu bằng mực không thấm nước;

+ Quy định về ghi chép lại tất cả các chi tiết có liên quan đến việc lấy mẫu vào biên bản/nhật ký lấy mẫu, những điều kiện và các biến động bất thường từ kỹ thuật lấy mẫu thông thường đến những yêu cầu đặc biệt;

+ Quy định về điều kiện, nơi để các dụng cụ tránh làm nhiễm bẩn mẫu, làm sạch dụng cụ lấy mẫu, kiểm tra độ sạch và hiệu quả của dụng cụ (bằng cách phân tích mẫu trắng và mẫu so sánh thích hợp);

+ Quy định về tiến hành bảo quản mẫu cho từng thông số chất lượng nước, trầm tích, phù du, vi sinh vật ... theo các chỉ dẫn trong các tiêu chuẩn tương ứng;

+ Bảo đảm độ chính xác của các phép đo, phân tích ngoài hiện trường khi các điều kiện môi trường không được đảm bảo. Các thông số hiện trường (nhiệt độ, độ ẩm, áp suất...) cần phải ghi chép khi lấy mẫu để chuyển đổi các giá trị đo được về điều kiện tiêu chuẩn khi lập báo cáo.

- Công tác kiểm soát chất lượng (QC): Kiểm soát chất lượng hiện trường yêu cầu phải tiến hành lấy các loại mẫu trắng, mẫu đúp nhằm kiểm tra mức độ tinh khiết của hoá chất dùng làm chất bảo quản, kiểm tra mức độ nhiễm bẩn của dụng cụ lấy, chứa mẫu, giấy lọc hay các thiết bị khác có liên quan đến công việc thu, bảo quản và vận chuyển mẫu. Mẫu lặp cũng được thu nhằm kiểm tra mức độ tái lặp của việc lấy mẫu. Thời gian và tần xuất lấy mẫu trắng, mẫu đúp và mẫu lặp được xác định khi thiết kế chương trình. Khoảng 10 lần thu mẫu, tiến hành thu 1 lần các loại , tỷ lệ mẫu QC chiếm khoảng 10% tổng lượng mẫu.

2. Tiêu chí chấp nhận của kiểm soát chất lượng trong hoạt động quan trắc tại hiện trường:

Hoạt động quan trắc tại hiện trường được kiểm soát chất lượng từ quá trình thiết kế chương trình quan trắc đến quá trình lấy mẫu hiện trường. Tuân thủ đúng các quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường. Việc đánh giá các mẫu QC trong hoạt động quan trắc hiện trường được thực hiện theo quy định như sau:

Mẫu lặp hiện trường: Đối với hai lần lặp, độ chụm được đánh giá dựa trên việc đánh giá RPD, được tính toán theo công thức như sau:

$$RPD = \frac{|LD_1 - LD_2|}{[\frac{(LD_1 + LD_2)}{2}]} \times 100\ (\%)$$

Trong đó:

RPD là phần trăm sai khác tương đối của mẫu lặp;

LD1: kết quả phân tích lần thứ nhất;

LD2: kết quả phân tích lần thứ hai.

Giới hạn RPD được chấp nhận khi RPD < 20%

Đối với mẫu đo lặp hiện trường: đánh giá độ chụm của mẫu đo lặp tại hiện trường dựa trên giá trị RPD theo công thức ở trên. Giới hạn RPD khi thực hiện mẫu đo lặp tại hiện trường <15%.

Mẫu trắng hiện trường, mẫu trắng vận chuyển và mẫu trắng thiết bị: Giá trị của mẫu trắng được chấp nhận khi nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp phân tích.

Kiểm soát chất lượng tại hiện trường bằng chất chuẩn

Đối với thiết bị quan trắc khí thải khi đo tại hiện trường tuân thủ các bước sau:

+ Kiểm tra đầu đo: Tất cả các đầu đo của thiết bị phải được làm sạch đúng theo hướng dẫn của nhà sản xuất, đảm bảo đầu đo sạch và khô ráo trước khi sử dụng;

+ Kiểm tra pin;

+ Khởi động thiết bị đo;

+ Kiểm tra điểm "không" của thiết bị; kết quả kiểm tra điểm "không" phải nhỏ hơn độ phân giải của thiết bị tương ứng với từng thông số. Trường hợp điểm "không" lớn hơn độ phân giải của thiết bị, phải tiến hành kiểm tra lặp lại cho đến khi đạt yêu cầu quy định.

+ Kiểm tra thiết bị bằng khí chuẩn: Kiểm tra tại điểm nồng độ khí chuẩn trong khoảng từ 10% đến 50% giá trị của toàn dải đo của thiết bị đối với các thông số SO_2, NO_x (NO và NO_2); đối với thông số CO điểm nồng độ khí chuẩn sử dụng để kiểm tra được xác định trong khoảng 30 – 50% so với giá trị quy định về ngưỡng tối đa cho phép trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng. Hoạt động đo khí thải chỉ được thực hiện khi sự sai khác giữa kết quả đo khi chuẩn hiển thị trên thiết bị và nồng độ khí chuẩn được sử dụng không quá 10%. Trường hợp sự sai khác lớn hơn 10%, phải tiến hành kiểm tra lặp lại bằng khí chuẩn cho đến khi đạt yêu cầu quy định.

Đối với thiết bị quan trắc nước (nước mặt, nước dưới đất, nước mưa, nước biển, nước thải): sai số cho phép nằm trong khoảng ±5% giá trị đọc (riêng đối với thiết bị đo pH thì sai số cho phép nằm trong khoảng ±0,05 pH khi giá trị độ chia 0,01 pH và ±0,2 pH khi giá trị độ chia 0,1 pH)

+ Số lượng mẫu QC hiện trường: Chương trình quan trắc có số lượng mẫu dưới 30 mẫu thì lấy 02 mẫu QC: 01 mẫu trắng hiện trường và 01 mẫu lặp hiện trường. Chương trình quan trắc có số lượng mẫu từ 30 mẫu trở lên thì số lượng mẫu QC được lấy tại hiện trường bằng 10% tổng lượng mẫu của chương trình quan trắc;

III.2. Kết quả QA/QC trong phòng thí nghiệm

1. Công tác đảm bảo chất lượng (QA) trong phòng thí nghiệm

- Nhân viên phòng thí nghiệm: Có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ trong văn bản được cấp có thẩm quyền ký;
- Tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng PTN (Sổ tay chất lượng, Thủ tục hướng dẫn quy trình thực hiện, các biểu mẫu, hướng dẫn...);
- Kiểm soát tài liệu, hồ sơ PTN;
- Đánh giá nội bộ hoạt động PTN: 01 lần/năm;
- Phương pháp thử nghiệm: TCVN, APHA, EPA..., các phương pháp đều được phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng (được rà soát 01 năm/lần hoặc khi có bất kỳ sự thay đổi nào);
- Trang thiết bị PTN: Được định kỳ hiệu chuẩn, kiểm tra theo quy định;
- Điều kiện tiện nghi và môi trường bảo đảm không ảnh hưởng đến kết quả thử nghiệm;

- Các mẫu chuẩn đã được chứng nhận để kiểm soát chất lượng;

- Tham gia so sánh liên phòng thí nghiệm và thử nghiệm thành thạo quy trình phân tích hàng năm theo yêu cầu của các thông tư, QCVN ban hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thực hiện phân tích trên các trên các phương pháp và thiết bị khác nhau (đối với các chỉ tiêu được công nhận cả 02 phương pháp sử dụng để kiểm tra chéo);

- Phân tích các loại mẫu được lưu giữ (còn đáp ứng được thời gian theo quy định);

- Xem xét sự tương quan giữa kết quả phân tích với đặc trưng cảm quan của mẫu.

2. Công tác kiểm soát chất lượng (QC) trong phòng thí nghiệm

- Để kiểm soát chất lượng PTN, Công ty đã sử dụng các loại mẫu QC như: mẫu trắng (mẫu trắng thiết bị, vận chuyển, thiết bị, phương pháp), mẫu lặp, mẫu thêm chuẩn, mẫu chuẩn đối chứng và chuẩn kiểm tra;

- Kiểm tra chất lượng bằng cách sử dụng phương pháp thống kê, đưa ra các giới hạn để so sánh đối chiếu kết quả, phải xác định sai số chấp nhận được.

3. Hiệu chuẩn thiết bị

- Các thiết bị của công ty được hiệu chuẩn trong khoảng thời gian cố định trong năm, chu kỳ hiệu chuẩn Trung tâm thường thực hiện theo quy định AGL 03- Yêu cầu chung của PTN trong lĩnh vực Hóa do BOA ban hành và quy định của nhà sản xuất;

- Kế hoạch hiệu chuẩn định kỳ hàng năm được công ty xây dựng vào quý 1 của năm đó, kế hoạch hiệu chuẩn đột xuất thực hiện khi thiết bị có độ lệch không nằm trong khoảng giới hạn cho phép;

- Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, bảo trì:

- Các thiết bị phục vụ Quan trắc hiện trường và phân tích trong phòng TN đều được kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ tại các đơn vị có đủ chức năng theo quy định.

4. Tiêu chí chấp nhận của kiểm soát chất lượng trong hoạt động phân tích môi trường:

Hoạt động phân tích trong phòng thí nghiệm tuân thủ đúng các quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường. Việc đánh giá các mẫu QC trong hoạt động phân tích trong phòng thí nghiệm được thực hiện theo quy định như sau:

+ ***Mẫu trắng phương pháp:*** được phân tích đầu tiên trong mỗi mẻ mẫu. Giá trị của mẫu trắng phương pháp được chấp nhận khi nhỏ hơn giới hạn pháp hiện (MDL) của phương pháp phân tích.

+ ***Mẫu chuẩn thẩm tra:*** được đánh giá thông qua phần trăm độ thu hồi (%R) của mẫu thêm chuẩn trên nền mẫu trắng. Giá trị %R được chấp nhận khi %R nằm trong khoảng từ 90 ÷ 110%;

$$R = \frac{C_f}{C_t} \times 100$$

Trong đó:

R: Độ thu hồi (%);

C_f: Nồng độ của mẫu thêm chuẩn;

Ct: Nồng độ của mẫu chuẩn thẩm tra;

(C_f và C_t cùng thứ nguyên)

+ ***Mẫu thêm chuẩn:*** được đánh giá thông qua phần trăm độ thu hồi (%R) của mẫu thêm chuẩn trên nền mẫu môi trường. Giá trị %R được chấp nhận khi %R nằm trong khoảng từ 90 ÷ 110%;

$$R = \frac{C_s - C}{S} \times 100$$

Trong đó:

R: Độ thu hồi (%);

C_s: Nồng độ của mẫu thêm chuẩn;

C: Nồng độ của mẫu nền;

S: Nồng độ thêm vào mẫu nền

(C_s, C và S cùng thứ nguyên)

+ ***Mẫu lặp:*** đối với hai lần lặp, đánh giá độ chụm dựa trên đánh giá RPD%; giá trị RPD được chấp nhận khi nhỏ hơn 20%;

+ Số lượng mẫu QC chiếm 10% tổng số mẫu.

CHƯƠNG IV: KẾT LUẬN

Qua các kết quả khảo sát hiện trạng thực tế và đo đạc phân tích các chỉ tiêu môi trường tại khu vực làm việc và xung quanh Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không có gia nhiệt" tại Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7, ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nộiđợt kiểm tra giám sát môi trường ngày 24/11/2025. Có các nhận xét như sau:

1. Môi trường khí thải:

- Giá trị nồng độ các thông số trong mẫu khí thải KT1 đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT.

- Giá trị nồng độ các thông số trong mẫu khí thải KT2 đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 20:2009/BTNMT.

PHỤ LỤC: PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

NEXTECH ECOLIFE
LIVE FOR TOMORROW

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
VIMCERTS 301 – VLAT-1.1492
Địa chỉ: Liền kề 17-16, Khu đô thị mới Văn Khê, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07755/2025/PKQ (25.3371)

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A
Địa chỉ : Số 167 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hoà, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Cơ sở "Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không có gia nhiệt" tại Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7, ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nội.
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu/nhận mẫu : 24/11/2025
Ngày thử nghiệm : 24/11/2025

Ngày hoàn thành: 12/12/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.3371.KT2	
1	Styren(*)	mg/Nm^3	CEN/TS 13649:2014	<0,003	100
2	Toluen(*)	mg/Nm^3	CEN/TS 13649:2014	<0,003	750
3	Benzen(*)	mg/Nm^3	CEN/TS 13649:2014	<0,003	5
4	Lưu lượng(1)	m^3/h	US EPA Method 02	35.808	-
5	Áp suất(1)	mBar	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	998	-
6	Nhiệt độ(1)	°C	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	31,2	-

Ghi chú:
- Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:
+ **25.3371.KT2**: Khí thải tại ống khói mùi (là dòng khí thải số 01 ghi trong GPMT). Tọa độ: X=232099, Y=556268. (KT.251124.004)
- Quy chuẩn so sánh:
+ **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- (1): Phép thử đã được chứng nhận Vimcerts;
- (*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi Viện Khoa học Công nghệ Năng Lượng và Môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Vimcerts 079.

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2025

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG	P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ THỊ MAI ANH	LÂM THỊ THANH	NGUYỄN HOÀNG ANH

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
- (-): Không quy định.
- KPH: Không phát hiện.
- KPT: Không phân tích.

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
VIMCERTS 301 – VLAT-1.1492
Địa chỉ: Liền kề 17-16, khu đô thị mới Văn Khê, phường Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07754/2025/PKQ (25.3371)

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A
Địa chỉ : Số 167 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hoà, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Cơ sở "Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không có gia nhiệt" tại Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7, ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nội.
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu/nhận mẫu : 24/11/2025
Ngày thử nghiệm : 24/11/2025 Ngày hoàn thành: 12/12/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				25.3371.KT1	C_{max}
1	Nhiệt độ(1)	°C	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	37,0	-
2	Lưu lượng(1)	m^3/h	US EPA Method 02	31.120	-
3	Áp suất(1)	mBar	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	998	-
4	CO(1)	mg/Nm^3	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	34,2	900
5	SO_2(1)	mg/Nm^3	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	2,6	405
6	NO_x (tính theo NO_2)(1)	mg/Nm^3	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	34,9	765
7	Bụi tổng (PM)(1)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	81,5	162

Ghi chú:
- Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:
+ 25.3371.KT1: Khí thải tại ống khói bụi (là dòng khí thải số 03 ghi trong GPMT). Tọa độ: X=2321006, Y=556228. (KT.251124.003)
- Quy chuẩn so sánh:
+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Khí thải Công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội; $K_p = 0,9$ ($K_v = 0,9$ đối với Bụi, SO_2; $K_v=1$ đối với CO, NO_x);
- (1): Phép thử đã được chứng nhận Vimcerts.

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2025

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG	P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ THỊ MAI ANH	LÂM THỊ THANH	NGUYỄN HOÀNG ANH

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
- (-): Không quy định.
- KPH: Không phát hiện.
- KPT: Không phân tích.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)
Địa chỉ: Phòng 700, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 2614 - 0912.532.513 Email: dcmt386@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07449/2025/PKQ (4672.02A2511.370)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : **CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE**
Địa chỉ : Liền kề 17-16, khu đô thị mới Văn Khê, Phường Hà Đông, TP Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu : **CƠ SỞ "NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ THẠCH ANH TẤM LỚN SỬ DỤNG CHẤT KẾT DÍNH POLYME RUNG ÉP TRONG MÔI TRƯỜNG CHÂN KHÔNG CÓ GIA NHIỆT"** - Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7, ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nội.
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 24/11/2025
Thời gian thử nghiệm : 24/11/2025 - 03/12/2025

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	02A2511.370
1	Benzene(b)	CEN/TS 13649:2014	mg/Nm^3	<0,003
2	Styren(b)	CEN/TS 13649:2014	mg/Nm^3	<0,003
3	Toluen(b)	CEN/TS 13649:2014	mg/Nm^3	<0,003

Ghi chú:

- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
*- **02A2511.370**: KT2: Khí thải tại ống khói mùi.*

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2025

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Phan Quang Thăng	Nguyễn Thị Hường	Nguyễn Quang Ninh

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

BÁO CÁO
KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VÙNG QUAN TRẮC: NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ THẠCH ANH TẤM LỚN SỬ DỤNG CHẤT KẾT DÍNH POLYME RUNG ÉP TRONG MÔI TRƯỜNG CHÂN KHÔNG CÓ GIA NHIỆT

TẠI LÔ ĐẤT CN2-10 (CÁC Ô 10-5, Ô 10-6, Ô 10-7, Ô 10-8) KHU CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC, XÃ HÒA LẠC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỢT THÁNG 02 NĂM 2026

Cơ quan thực hiện:

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE

Trụ sở: Số Liền kề 17/16, khu đô thị Văn Khê, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0984.334.561 *Email: nextech.ecolife@gmail.com*

M.S.D.N:0109773872-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
Q.HÀ ĐÔNG-T.P HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Anh

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

BÁO CÁO
KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VÙNG QUAN TRẮC: NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ THẠCH ANH TẤM LỚN SỬ DỤNG CHẤT KẾT DÍNH POLYME RUNG ÉP TRONG MÔI TRƯỜNG CHÂN KHÔNG CÓ GIA NHIỆT
TẠI LÔ ĐẤT CN2-10 (CÁC Ô 10-5, Ô 10-6, Ô 10-7, Ô 10-8) KHU CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC, XÃ HÒA LẠC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thời gian quan trắc: 5/02/2026

Cơ quan chủ trì:
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Phụ trách đơn vị
(ký tên và đóng dấu)

M.S.D.N: 0104951939 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lưu Công An

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC 1
I.1. Căn cứ thực hiện 1
I.2. Phạm vi nội dung công việc 1
I.3. Thời gian thực hiện 1
I.4. Địa bàn thực hiện quan trắc: 2
CHƯƠNG II: NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC 4
II.1. Đánh giá hiện trạng môi trường khí thải: 4
II.2. Thống kê các điểm quan trắc có thông số vượt quy chuẩn 6
CHƯƠNG III: ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC QA/QC 7
III.1. Kết quả QA/QC hiện trường 7
1. Mô tả triển khai hoạt động QA/QC trong đo, lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu hiện trường: 7
2. Tiêu chí chấp nhận của kiểm soát chất lượng trong hoạt động quan trắc tại hiện trường: 8
III.2. Kết quả QA/QC trong phòng thí nghiệm 9
1. Công tác đảm bảo chất lượng (QA) trong phòng thí nghiệm 9
2. Công tác kiểm soát chất lượng (QC) trong phòng thí nghiệm 10
3. Hiệu chuẩn thiết bị 10
4. Tiêu chí chấp nhận của kiểm soát chất lượng trong hoạt động phân tích môi trường: 10
CHƯƠNG IV: KẾT LUẬN 12
IV.1. Môi trường khí thải: 12
PHỤ LỤC: PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC 13

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Thông tin về các điểm quan trắc 3
Bảng 2. Kết quả phân tích khí thải tại ống khói bụi (là dòng khí thải số 03 ghi trong GPMT) 4
Bảng 3. Kết quả phân tích khí thải tại ống khói bụi (là dòng khí thải số 04 ghi trong GPMT) 5
Bảng 3.1: kết quả đo lưu lượng tại các ống khói mùi (dòng khí thải số 01, 02, 05 ghi trong GPMT) 6
Bảng 4. Bảng thống kê số lượng điểm quan trắc có thông số vượt quy chuẩn 6

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Biểu đồ chất lượng môi trường khí thải 5
Hình 2. Biểu đồ chất lượng môi trường khí thải 6

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

AAS	:	Hấp thụ nguyên tử
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BYT	:	Bộ Y tế
QĐ-BYT	;	Quyết định – Bộ Y tế
BOD_5	:	Nhu cầu ô xy sinh học (sau 5 ngày)
COD	:	Nhu cầu ô xy hóa học
DO	:	Ô xy hòa tan
ISO	:	International System Organization
CP	:	Cổ phần
ĐTM	:	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
KPHĐ	:	Không phát hiện được
NĐ	:	Nghị định
QA	:	Quality Assurance - Đảm bảo chất lượng
QC	:	Quality control - Kiểm soát chất lượng
QĐ	:	Quyết định
QH	:	Quốc Hội
NĐ-CP	:	Nghị định – Chính phủ
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCVSLĐ	:	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
TT	:	Thông tư
TSP	:	Tổng bụi lơ lửng
TSS	:	Tổng chất rắn lơ lửng
SOP	:	Quy trình thao tác chuẩn
MDL	:	Giới hạn phát hiện
EATC	:	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích Môi trường
KĐBĐ	:	Không đảm bảo đo

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC

I.1. Căn cứ thực hiện

Báo cáo quan trắc môi trường đợt tháng 02/2026 tại Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không có gia nhiệt tại Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7, ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nội được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ tài Nguyên và Môi trường về Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam từ năm 1998 đến nay;

- Chương trình giám sát Môi trường tại Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không có gia nhiệt tại Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7, ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nội.

I.2. Phạm vi nội dung công việc

- Thu thập thông tin, số liệu, tài liệu;
- Lấy và phân tích mẫu khí thải tại các vị trí có tính chất đại diện cho khu vực.
- Tổng hợp, lập Báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường theo quy định.

I.3. Thời gian thực hiện

- Thời gian lấy mẫu, quan trắc ngoài hiện trường: 5/02/2026
- Thời gian phân tích trong phòng thí nghiệm: từ 5/02/2026 đến 19/02/2026

- Thời gian tổng hợp, viết báo cáo: 20/03/2026

I.4. Địa bàn thực hiện quan trắc:

Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không có gia nhiệt tại Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7, ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nội. Thông tin về thông số và vị trí các điểm quan trắc được thể hiện ở bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Thông tin về các điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Tên sông, hồ, kênh, rạch (đối với nước mặt)
					X	Y	
I	**Khí thải**						
1	Khí thải tại ống khói bụi (là dòng khí thải số 03 ghi trong GPMT)	26.261.KT1	Áp suất, Bụi tổng (PM), CO, lưu lượng, nhiệt độ, NO_x, SO_2	Khí thải có mùi nhẹ, ít bụi	2321006	556228	
2	Khí thải tại ống khói mùi (là dòng khí thải số 04 ghi trong GPMT)	26.261.KT2	Áp suất, lưu lượng, Bụi tổng (PM), CO, nhiệt độ, NO_x, SO_2	Khí thải có mùi nhẹ	2328407	558110	
3	Khí thải tại ống khói mùi (dòng thải 01 trong GPMT)	26.326.KT1	Lưu lượng	Khí thải có mùi nhẹ	2320933	556268	
4	Khí thải tại ống khói mùi (dòng thải 02 trong GPMT).	26.326.KT2	Lưu lượng	Khí thải có mùi nhẹ	2320985	556228	
5	Khí thải tại ống khói mùi (dòng thải 05 trong GPMT)	26.326.KT3	Lưu lượng	Khí thải có mùi nhẹ	2320935	556226	

CHƯƠNG II: NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Hiện trạng môi trường và các tác động đối với môi trường tại Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không có gia nhiệt tại Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7, ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nội được theo dõi thông qua chương trình quan trắc môi trường. Đơn vị đã phối hợp cùng Công ty Cổ phần Nextech Ecolife tổ chức đo đạc, lấy mẫu ngày 05/02/2026 để phân tích, thử nghiệm và lập Báo cáo kết quả quan trắc chất lượng nhằm đánh giá chất lượng môi trường trong quá trình hoạt động.

II.1. Đánh giá hiện trạng môi trường khí thải:

Bảng 2. Kết quả phân tích khí thải tại ống khói bụi (là dòng khí thải số 03 ghi trong GPMT)

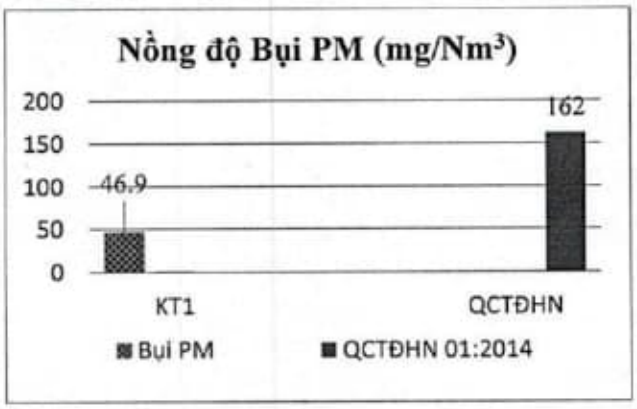
TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				26.261.KT1	Giá trị C - Kp = 0,9 (Kv = 0,9 đối với Bụi, SO2; Kv=1 đối với CO, NOx)
1	Áp suất(1)	mBar	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	998	-
2	Bụi tổng (PM)(1)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	46,9	**162**
3	CO(1)	mg/Nm^3	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	35,3	**900**
4	Lưu lượng(1)	m^3/h	US EPA Method 02	31.121	-
5	Nhiệt độ(1)	°C	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	36,8	-
6	NO_x (tính theo NO_2)(1)	mg/Nm^3	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	32,3	**765**
7	SO_2(1)	mg/Nm^3	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	0,00	**405**

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội; giá trị C.

Kết quả không có sự biến động nhiều so với đợt quan trắc trước đó.

Từ kết quả đo kiểm đợt này ta có biểu đồ thể hiện nồng độ một số thông số trong khí thải như sau:



Hình 1. Biểu đồ chất lượng môi trường khí thải

Nhận xét:

Theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Giá trị nồng độ các thông số trong mẫu khí thải 26.261.KT1 đều nằm trong giới hạn cho phép.

Kết quả quan trắc không có sự biến động nhiều so với đợt quan trắc trước đó.

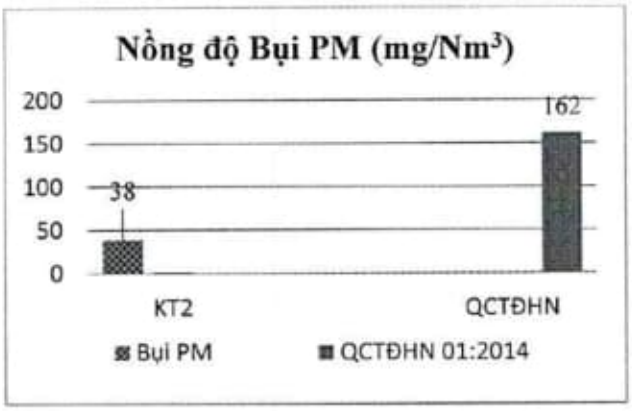
Bảng 3. Kết quả phân tích khí thải tại ống khói bụi (là dòng khí thải số 04 ghi trong GPMT)

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				26.261. KT2	Giá trị C - Kp = 0,9 (Kv = 0,9 đối với Bụi, SO2; Kv=1 đối với CO, NOx)
1	Áp suất(1)	mBar	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	998	-
2	Lưu lượng(1)	m^3/h	US EPA Method 02	30.307	-
3	Nhiệt độ(1)	°C	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	31,0	-
4	Bụi tổng (PM)(1)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	38,0	**162**
5	NO_x (tính theo NO_2)(1)	mg/Nm^3	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	18,6	**765**
6	SO_2(1)	mg/Nm^3	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	0,00	**405**
7	CO(1)	mg/Nm^3	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	23,9	**900**

Nhận xét:

Theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Giá trị nồng độ các thông số trong mẫu khí thải 26.261.KT2 đều nằm trong giới hạn cho phép.

Từ kết quả đo kiểm đợt này ta có biểu đồ thể hiện nồng độ một số thông số trong khí thải như sau:



Hình 2. Biểu đồ chất lượng môi trường khí thải

Bảng 4: kết quả đo lưu lượng tại các ống khói mùi (dòng khí thải số 01, 02, 05 ghi trong GPMT)

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả		
				26.326.KT1	26.326.KT2	26.326.KT3
1	Lưu lượng(1)	m^3/h	US EPA Method 02	18.784	18.635	19.249

II.2. Thống kê các điểm quan trắc có thông số vượt quy chuẩn

Số lượng các điểm quan trắc có thông số vượt quy chuẩn được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 5. Bảng thống kê số lượng điểm quan trắc có thông số vượt quy chuẩn

TT	Thành phần môi trường	Số vị trí vượt	Thông số vượt	QCVN so sánh
1	Khí thải	0	0	QCTĐHN 01:2014/BTNMT

CHƯƠNG III: ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC QA/QC

III.1. Kết quả QA/QC hiện trường

1. Mô tả triển khai hoạt động QA/QC trong đo, lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu hiện trường:

- Trước khi tiến hành lấy mẫu, Công ty lập kế hoạch quan trắc bao hàm các nội dung chính như sau:

+ Xác định nội dung nhiệm vụ đợt quan trắc ;

+ Địa điểm quan trắc;

+ Các loại mẫu cần lấy;

+ Các thông số cần đo đạc;

+ Thời gian thực hiện;

+ Nhu cầu về nhân lực tham gia;

+ Trang thiết bị huy động cho công tác lấy mẫu;

+ Lập kế hoạch lấy mẫu;

+ Phương pháp lấy mẫu và phân tích;

+ Kinh phí cho chương trình quan trắc và QA/QC.

- Các vấn đề đảm bảo an toàn con người, thiết bị cho các hoạt động quan trắc nhất là quan trắc bao gồm các biện pháp, phương tiện bảo đảm an toàn (người và thiết bị).

- Trong quá trình chuẩn bị thực hiện lấy mẫu, EATC phân công cụ thể trưởng đoàn quan trắc, nhân lực bảo đảm cho quan trắc, chuẩn bị về thiết bị, hóa chất quan trắc theo chương trình quan trắc đã được duyệt.

- Công tác đảm bảo chất lượng (QA):

+ Các nhân viên lấy mẫu đều đã được đào tạo và tập huấn;

+ Chuẩn bị công tác thực địa chu đáo: dụng cụ, thiết bị, hoá chất thuốc thử bảo quản mẫu phải đầy đủ và phù hợp;

+ Đảm bảo rằng các phương pháp lấy mẫu đều được phổ biến tới tất cả các nhân viên ở trong nhóm quan trắc;

+ Đảm bảo rằng mỗi một bước lấy mẫu hiện nay và quá trình lấy mẫu trước đây đều tuân theo một phương pháp;

+ Đảm bảo rằng dụng cụ lấy mẫu và máy móc đo đạc hiện trường phải được bảo trì và hiệu chuẩn định kỳ, sổ sách bảo trì được lưu giữ;

+ Quy định thống nhất về nhận dạng mẫu được lấy bao gồm dán nhãn lên tất cả các mẫu được lấy, trên đó ghi chép chính xác ngày tháng, địa điểm, thời gian lấy mẫu và tên người lấy mẫu, số mã hiệu của mẫu bằng mực không thấm nước;

+ Quy định về ghi chép lại tất cả các chi tiết có liên quan đến việc lấy mẫu vào biên bản/nhật ký lấy mẫu, những điều kiện và các biến động bất thường từ kỹ thuật lấy mẫu thông thường đến những yêu cầu đặc biệt;

+ Quy định về điều kiện, nơi để các dụng cụ tránh làm nhiễm bẩn mẫu, làm sạch dụng cụ lấy mẫu, kiểm tra độ sạch và hiệu quả của dụng cụ (bằng cách phân tích mẫu trắng và mẫu so sánh thích hợp);

+ Quy định về tiến hành bảo quản mẫu cho từng thông số chất lượng nước, trầm tích, phù du, vi sinh vật ... theo các chỉ dẫn trong các tiêu chuẩn tương ứng;

+ Bảo đảm độ chính xác của các phép đo, phân tích ngoài hiện trường khi các điều kiện môi trường không được đảm bảo. Các thông số hiện trường (nhiệt độ, độ ẩm, áp suất...) cần phải ghi chép khi lấy mẫu để chuyển đổi các giá trị đo được về điều kiện tiêu chuẩn khi lập báo cáo.

- Công tác kiểm soát chất lượng (QC): Kiểm soát chất lượng hiện trường yêu cầu phải tiến hành lấy các loại mẫu trắng, mẫu đúp nhằm kiểm tra mức độ tinh khiết của hoá chất dùng làm chất bảo quản, kiểm tra mức độ nhiễm bẩn của dụng cụ lấy, chứa mẫu, giấy lọc hay các thiết bị khác có liên quan đến công việc thu, bảo quản và vận chuyển mẫu. Mẫu lặp cũng được thu nhằm kiểm tra mức độ tái lặp của việc lấy mẫu. Thời gian và tần xuất lấy mẫu trắng, mẫu đúp và mẫu lặp được xác định khi thiết kế chương trình. Khoảng 10 lần thu mẫu, tiến hành thu 1 lần các loại , tỷ lệ mẫu QC chiếm khoảng 10% tổng lượng mẫu.

2. Tiêu chí chấp nhận của kiểm soát chất lượng trong hoạt động quan trắc tại hiện trường:

Hoạt động quan trắc tại hiện trường được kiểm soát chất lượng từ quá trình thiết kế chương trình quan trắc đến quá trình lấy mẫu hiện trường. Tuân thủ đúng các quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường. Việc đánh giá các mẫu QC trong hoạt động quan trắc hiện trường được thực hiện theo quy định như sau:

Mẫu lặp hiện trường: Đối với hai lần lặp, độ chụm được đánh giá dựa trên việc đánh giá RPD, được tính toán theo công thức như sau:

$$RPD = \frac{|LD_1 - LD_2|}{[\frac{(LD_1 + LD_2)}{2}]} \times 100\ (\%)$$

Trong đó:

RPD là phần trăm sai khác tương đối của mẫu lặp;

LD1: kết quả phân tích lần thứ nhất;

LD2: kết quả phân tích lần thứ hai.

Giới hạn RPD được chấp nhận khi RPD < 20%

Đối với mẫu đo lặp hiện trường: đánh giá độ chụm của mẫu đo lặp tại hiện trường dựa trên giá trị RPD theo công thức ở trên. Giới hạn RPD khi thực hiện mẫu đo lặp tại hiện trường <15%.

Mẫu trắng hiện trường, mẫu trắng vận chuyển và mẫu trắng thiết bị: Giá trị của mẫu trắng được chấp nhận khi nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp phân tích.

Kiểm soát chất lượng tại hiện trường bằng chất chuẩn:

Đối với thiết bị quan trắc khí thải khi đo tại hiện trường tuân thủ các bước sau:

+ Kiểm tra đầu đo: Tất cả các đầu đo của thiết bị phải được làm sạch đúng theo hướng dẫn của nhà sản xuất, đảm bảo đầu đo sạch và khô ráo trước khi sử dụng;

+ Kiểm tra pin;

+ Khởi động thiết bị đo;

+ Kiểm tra điểm "không" của thiết bị; kết quả kiểm tra điểm "không" phải nhỏ hơn độ phân giải của thiết bị tương ứng với từng thông số. Trường hợp điểm "không" lớn hơn độ phân giải của thiết bị, phải tiến hành kiểm tra lặp lại cho đến khi đạt yêu cầu quy định.

+ Kiểm tra thiết bị bằng khí chuẩn: Kiểm tra tại điểm nồng độ khí chuẩn trong khoảng từ 10% đến 50% giá trị của toàn dải đo của thiết bị đối với các thông số SO_2, NO_x (NO và NO_2); đối với thông số CO điểm nồng độ khí chuẩn sử dụng để kiểm tra được xác định trong khoảng 30 – 50% so với giá trị quy định về ngưỡng tối đa cho phép trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng. Hoạt động đo khí thải chỉ được thực hiện khi sự sai khác giữa kết quả đo khi chuẩn hiển thị trên thiết bị và nồng độ khí chuẩn được sử dụng không quá 10%. Trường hợp sự sai khác lớn hơn 10%, phải tiến hành kiểm tra lặp lại bằng khí chuẩn cho đến khi đạt yêu cầu quy định.

Đối với thiết bị quan trắc nước (nước mặt, nước dưới đất, nước mưa, nước biển, nước thải): sai số cho phép nằm trong khoảng ±5% giá trị đọc (riêng đối với thiết bị đo pH thì sai số cho phép nằm trong khoảng ±0,05 pH khi giá trị độ chia 0,01 pH và ±0,2 pH khi giá trị độ chia 0,1 pH)

+ Số lượng mẫu QC hiện trường: Chương trình quan trắc có số lượng mẫu dưới 30 mẫu thì lấy 02 mẫu QC: 01 mẫu trắng hiện trường và 01 mẫu lặp hiện trường. Chương trình quan trắc có số lượng mẫu từ 30 mẫu trở lên thì số lượng mẫu QC được lấy tại hiện trường bằng 10% tổng lượng mẫu của chương trình quan trắc;

III.2. Kết quả QA/QC trong phòng thí nghiệm

1. Công tác đảm bảo chất lượng (QA) trong phòng thí nghiệm

- Nhân viên phòng thí nghiệm: Có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ trong văn bản được cấp có thẩm quyền ký;
- Tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng PTN (Sổ tay chất lượng, Thủ tục hướng dẫn quy trình thực hiện, các biểu mẫu, hướng dẫn...);
- Kiểm soát tài liệu, hồ sơ PTN;
- Đánh giá nội bộ hoạt động PTN: 01 lần/năm;
- Phương pháp thử nghiệm: TCVN, APHA, EPA..., các phương pháp đều được phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng (được rà soát 01 năm/lần hoặc khi có bất kỳ sự thay đổi nào);
- Trang thiết bị PTN: Được định kỳ hiệu chuẩn, kiểm tra theo quy định;
- Điều kiện tiện nghi và môi trường bảo đảm không ảnh hưởng đến kết quả thử nghiệm;

- Các mẫu chuẩn đã được chứng nhận để kiểm soát chất lượng;

- Tham gia so sánh liên phòng thí nghiệm và thử nghiệm thành thạo quy trình phân tích hàng năm theo yêu cầu của các thông tư, QCVN ban hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thực hiện phân tích trên các trên các phương pháp và thiết bị khác nhau (đối với các chỉ tiêu được công nhận cả 02 phương pháp sử dụng để kiểm tra chéo);

- Phân tích các loại mẫu được lưu giữ (còn đáp ứng được thời gian theo quy định);

- Xem xét sự tương quan giữa kết quả phân tích với đặc trưng cảm quan của mẫu.

2. Công tác kiểm soát chất lượng (QC) trong phòng thí nghiệm

- Để kiểm soát chất lượng PTN, Công ty đã sử dụng các loại mẫu QC như: mẫu trắng (mẫu trắng thiết bị, vận chuyển, thiết bị, phương pháp), mẫu lặp, mẫu thêm chuẩn, mẫu chuẩn đối chứng và chuẩn kiểm tra;

- Kiểm tra chất lượng bằng cách sử dụng phương pháp thống kê, đưa ra các giới hạn để so sánh đối chiếu kết quả, phải xác định sai số chấp nhận được.

3. Hiệu chuẩn thiết bị

- Các thiết bị của công ty được hiệu chuẩn trong khoảng thời gian cố định trong năm, chu kỳ hiệu chuẩn Trung tâm thường thực hiện theo quy định AGL 03- Yêu cầu chung của PTN trong lĩnh vực Hóa do BOA ban hành và quy định của nhà sản xuất;

- Kế hoạch hiệu chuẩn định kỳ hàng năm được công ty xây dựng vào quý 1 của năm đó, kế hoạch hiệu chuẩn đột xuất thực hiện khi thiết bị có độ lệch không nằm trong khoảng giới hạn cho phép;

- Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, bảo trì:

- Các thiết bị phục vụ Quan trắc hiện trường và phân tích trong phòng TN đều được kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ tại các đơn vị có đủ chức năng theo quy định.

4. Tiêu chí chấp nhận của kiểm soát chất lượng trong hoạt động phân tích môi trường:

Hoạt động phân tích trong phòng thí nghiệm tuân thủ đúng các quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường. Việc đánh giá các mẫu QC trong hoạt động phân tích trong phòng thí nghiệm được thực hiện theo quy định như sau:

+ ***Mẫu trắng phương pháp:*** được phân tích đầu tiên trong mỗi mẻ mẫu. Giá trị của mẫu trắng phương pháp được chấp nhận khi nhỏ hơn giới hạn pháp hiện (MDL) của phương pháp phân tích.

+ ***Mẫu chuẩn thẩm tra:*** được đánh giá thông qua phần trăm độ thu hồi (%R) của mẫu thêm chuẩn trên nền mẫu trắng. Giá trị %R được chấp nhận khi %R nằm trong khoảng từ 90 ÷ 110%;

$$R = \frac{C_f}{C_t} \times 100$$

Trong đó:

R: Độ thu hồi (%);

C_f: Nồng độ của mẫu thêm chuẩn;

Ct: Nồng độ của mẫu chuẩn thẩm tra;

(C_f và C_t cùng thứ nguyên)

+ ***Mẫu thêm chuẩn:*** được đánh giá thông qua phần trăm độ thu hồi (%R) của mẫu thêm chuẩn trên nền mẫu môi trường. Giá trị %R được chấp nhận khi %R nằm trong khoảng từ 90 ÷ 110%;

$$R = \frac{C_s - C}{S} \times 100$$

Trong đó:

R: Độ thu hồi (%);

C_s: Nồng độ của mẫu thêm chuẩn;

C: Nồng độ của mẫu nền;

S: Nồng độ thêm vào mẫu nền

(C_s, C và S cùng thứ nguyên)

+ ***Mẫu lặp:*** đối với hai lần lặp, đánh giá độ chụm dựa trên đánh giá RPD%; giá trị RPD được chấp nhận khi nhỏ hơn 20%;

+ Số lượng mẫu QC chiếm 10% tổng số mẫu.

CHƯƠNG IV: KẾT LUẬN

Qua các kết quả khảo sát hiện trạng thực tế và đo đạc phân tích các chỉ tiêu môi trường tại khu vực làm việc và xung quanh Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không có gia nhiệt" tại Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7, ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nộiđợt kiểm tra giám sát môi trường ngày 24/11/2025. Có các nhận xét như sau:

IV.1. Môi trường khí thải:

- Giá trị nồng độ các thông số trong mẫu khí thải 26.261.KT1 đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT.
- Giá trị nồng độ các thông số trong mẫu khí thải 26.261.KT2 đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT.

PHỤ LỤC: PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
VIMCERTS 301 – VLAT-1.1492
Địa chỉ: Liền kề 17-16, khu đô thị mới Văn Khê, phường Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00990/2026/PKQ (26.261)

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A
Địa chỉ : Số 167 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hoà, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Cơ sở "Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không có gia nhiệt" tại Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7, ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nội.
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu/nhận mẫu : 05/02/2026
Ngày thử nghiệm : 05/02/2026 Ngày hoàn thành: 06/03/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				26.261.KT1	C_{max}
1	Áp suất(1)	mBar	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	998	-
2	Bụi tổng (PM)(1)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	46,9	162
3	CO(1)	mg/Nm^3	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	35,3	900
4	Lưu lượng(1)	m^3/h	US EPA Method 02	31.121	-
5	Nhiệt độ(1)	°C	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	36,8	-
6	NO_x (tính theo NO_2)(1)	mg/Nm^3	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	32,3	765
7	SO_2(1)	mg/Nm^3	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	0	405

Ghi chú:
- Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:
+ **26.261.KT1**: Khí thải tại ống khói bụi (là dòng khí thải số 03 ghi trong GPMT). Tọa độ: X=2321006, Y=556228. (KT.260205.003)
- Quy chuẩn so sánh:
+ **QCTĐHN 01:2014/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật về Khí thải Công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội;
C_{max} - K_p = 0,9 (K_v = 0,9 đối với Bụi, SO_2; K_v=1 đối với CO, NO_x);
- (1): Phép thử đã được chứng nhận Vimcerts.

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG	P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẠM PHI LONG	LÂM THỊ THANH	NGUYỄN HOÀNG ANH

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
- (-): Không quy định.
- KPH: Không phát hiện.
- KPT: Không phân tích.

NEXTECH ECOLIFE
LIVE FOR TOMORROW

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE

VIMCERTS 301 – VLAT-1.1492

Địa chỉ: Liền kề 17-16, Khu đô thị mới Văn Khê, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00991/2026/PKQ (26.261)

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A
Địa chỉ : Số 167 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hoà, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Cơ sở "Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không có gia nhiệt" tại Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7, ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nội.
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu/nhận mẫu : 05/02/2026
Ngày thử nghiệm : 05/02/2026

Ngày hoàn thành: 06/03/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				26.261.KT2	C_{max}
1	Áp suất(1)	mBar	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	998	-
2	Lưu lượng(1)	m^3/h	US EPA Method 02	30.307	-
3	Nhiệt độ(1)	°C	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	31,0	-
4	Bụi tổng (PM)(1)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	38,0	162
5	NO_x (tính theo NO_2)(1)	mg/Nm^3	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	18,6	765
6	SO_2(1)	mg/Nm^3	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	0	405
7	CO(1)	mg/Nm^3	NEJSC/HT/SOP-LMKT05	23,9	900

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:

+ **26.261.KT2**: Khí thải tại ống khói mùi (là dòng khí thải số 04 ghi trong GPMT). Tọa độ: X=2328407, Y=558110. (KT.260205.004)

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCTĐHN 01:2014/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật về Khí thải Công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội;

C_{max} - K_p = 0,9 (K_v = 0,9 đối với Bụi, SO_2; K_v=1 đối với CO, NO_x);

- (1): Phép thử đã được chứng nhận Vimcerts.

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG	P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẠM PHI LONG	LÂM THỊ THANH	NGUYỄN HOÀNG ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
- (-): Không quy định.
- KPH: Không phát hiện.
- KPT: Không phân tích.

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
VIMCERTS 301 – VLAT-1.1492
Địa chỉ: Liền kề 17-16, khu đô thị mới Văn Khê, phường Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01148/2026/PKQ (26.326)

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A
Địa chỉ : Số 167 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hoà, thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Cơ sở "Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không có gia nhiệt" tại Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7, ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hoà Lạc, xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nội.
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu/nhận mẫu : 24/02/2026
Ngày thử nghiệm : 24/02/2026 Ngày hoàn thành: 16/03/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả		
				26.326.KT1	26.326.KT2	26.326.KT3
1	Lưu lượng(1)	m^3/h	US EPA Method 02	18.784	18.635	19.249

Ghi chú:
- Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:
+ **26.326.KT1**: Khí thải tại ống khói mùi (dòng thải 01 trong GPMT). Tọa độ: X=2320933, Y=556268. (KT.260224.001)
+ **26.326.KT2**: Khí thải tại ống khói mùi (dòng thải 02 trong GPMT). Tọa độ: X=2320985, Y=556228. (KT.260224.002)
+ **26.326.KT3**: Khí thải tại ống khói mùi (dòng thải 05 trong GPMT). Tọa độ: X=2320935, Y=556226. (KT.260224.003)
- (1): Phép thử đã được chứng nhận Vimcerts.

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG	P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẠM PHI LONG	LÂM THỊ THANH	NGUYỄN HOÀNG ANH

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
- (-): Không quy định.
- KPH: Không phát hiện.
- KPT: Không phân tích.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VILAS 372 - VIMCERTS 006
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: HNO580-1/24.722/PTN-EATC

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

ĐƠN VỊ GỬI MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
ĐỊA CHỈ: Ô 10-5 ĐẾN 10-8, KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KHU CNC HÒA LẠC,
HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ký hiệu mẫu	**CTR1**
Đặc điểm mẫu	Mẫu ướt, màu trắng xám
Ngày nhận mẫu	Ngày 16 tháng 04 năm 2024
Ngày phân tích	Từ ngày 16/04 đến 26/04 năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT		QCVN 50:2013/BTNMT	
					Hàm lượng tuyệt đối cơ sở, Htc (ppm)	Nồng độ ngâm chiết, Ctc (mg/L)	Hàm lượng tuyệt đối cơ sở, Htc (ppm)	Nồng độ ngâm chiết, Ctc (mg/L)
1	Xylen-các đồng phân (tổng nồng độ của o-, m-, p-xylen)	ppm	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C	<0,007	20.000	-	-	-
2	pH	-	US EPA Method 9045D + US EPA Method 9040C	6,9	≥2 ; ≤12,5	≥2,0 ; ≤12,5	-	-
3	Bạc (Ag)	ppm	ASTM D 5198:92 + SMEWW 3111B:2023	<1	100	-	100	5
4	Bari (Ba)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	<0,05	2.000	-	2.000	100
5	Cadimi (Cd)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	<0,05	10	-	10	0,5
6	Coban (Co)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	<0,05	1.600	-	1.600	80
7	Thủy ngân (Hg)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	<0,05	4	-	4	0,2
8	Asen (As)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	<0,05	40	-	40	2
9	Antimon (Sb)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	0,464	20	-	-	-
10	Molybden (Mo)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	<0,05	7.000	-	-	-
11	Chì (Pb)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	<0,05	300	-	300	15
12	Vanidi (Va)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	<0,05	-	-	-	-
13	Kẽm (Zn)	ppm	US EPA method 3051+ EPA method 200.8	<0,05	5.000	-	5.000	250
14	Beri (Be)	ppm	US EPA method 3051+ EPA method 200.8	<0,05	2	-	-	-
15	Niken (Ni)	ppm	US EPA method 3051+ EPA method 200.8	<0,05	1.400	-	1.400	70
16	Selen (Se)	ppm	US EPA method 3051+ EPA method 200.8	<0,05	20	-	20	1
17	Tổng Xyanua	ppm	US EPA Method 9013A + US EPA 9010C + US EPA Method 9014	<0,1	590	-	590	-
18	Muối florua	mg/L	US EPA Method 1311+ SMEWW4500B&F:2023	<0,03	-	180	-	-
19	Tali	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	<0,05	140	-	-	-
20	Naphthalene	ppm	US EPA Method 3540C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D	<0,007	1.000	-	1.000	0
21	Benzene	ppm	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C	<0,007	10	-	10	0,5
22	Chlorobenzene	ppm	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C	<0,007	-	-	1.400	70
23	Toluene	ppm	US EPA Method 5021A +	<0,007	20.000	-	20.000	1.000

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do Khách hàng đưa tới. 2. Ký hiệu mẫu ghi theo yêu cầu của khách hàng. 3. Dấu "+" là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ
*4. Dấu "**" là thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng 5. Phòng thí nghiệm chỉ lưu mẫu phân tích 30 ngày kể từ ngày nhận (hoặc lấy) mẫu.*

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VILAS 372 - VIMCERTS 006
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT		QCVN 50:2013/BTNMT	
					Hàm lượng tuyệt đối cơ sở, Htc (ppm)	Nồng độ ngâm chiết, Ctc (mg/L)	Hàm lượng tuyệt đối cơ sở, Htc (ppm)	Nồng độ ngâm chiết, Ctc (mg/L)
			US EPA Method 8260C					
24	Phenol	ppm	US EPA method 3540C+ US EPA method 3630C+ US EPA method 8270D	<0,007	20.000	-	20.000	1.000
25	Crom (VI)	ppm	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	<1,1	100	-	100	5

Ghi chú:
- QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước
- (-): không quy định.

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2024

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM	KIỂM TRA	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nguyễn Tất Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

*1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng đưa tới. 2. Ký hiệu mẫu ghi theo yêu cầu của khách hàng. 3. Dấu "**" là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ;*
*4. Dấu "***" là thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng. 5. Phòng thí nghiệm chỉ lưu mẫu phân tích 30 ngày kể từ ngày nhận (hoặc lấy) mẫu.*

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 00631/2025/PKQ (25.161)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TÊN KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A
ĐỊA CHỈ: Ô 10-5 ĐẾN 10-8 KCN CÔNG NGHỆ CAO 2, KCN CAO HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI
LẤY MẪU TẠI: NHÀ MÁY PHENIKAA, Ô 10-5 ĐẾN 10-8, KCN CÔNG NGHỆ CAO 2
KHU CNC HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Vị trí quan trắc	**CTR1: Mẫu bột, mạt đá**	
Tọa độ	N: 20°58'50,5"	E: 105°32'28,0"
Đặc điểm mẫu	Mẫu bột màu trắng xám	
Ngày lấy mẫu	Ngày 8 tháng 4 năm 2025	
Ngày phân tích	Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 16/04/2025	

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT		QCVN 50:2013/BTNMT	
					Hàm lượng tuyệt đối cơ sở, Htc (ppm)	Nồng độ ngâm chiết, Ctc (mg/L)	Hàm lượng tuyệt đối cơ sở, Htc (ppm)	Nồng độ ngâm chiết, Ctc (mg/L)
1	Xylen-các đồng phân (tổng nồng độ của o-, m-, p-xylen)	ppm	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C	0,0242	20.000		-	
2	pH	-	US EPA Method 9045D + US EPA Method 9040C	6,2	≥2 ; ≤12,5		≥2,0 ;≤12,5	
3	Bạc (Ag)	ppm	ASTM D 5198:92 + SMEWW 3111B:2023	<1	100		100	
4	Bari (Ba)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	12,8	2.000		2.000	
5	Cadimi (Cd)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	<0,05	10		10	
6	Coban (Co)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	33,8	1.600		1.600	
7	Thủy ngân (Hg)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	1,03	4		4	
8	Asen (As)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	10,6	40		40	
9	Antimon (Sb)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	<0,05	20		-	
10	Molybden (Mo)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	<0,05	7.000		-	
11	Chì (Pb)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	<0,05	300		300	
12	Vanidi (Va)	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	1,42	-		-	
13	Kẽm (Zn)	ppm	US EPA method 3051+ EPA method 200.8	23,1	5.000		5.000	
14	Beri (Be)	ppm	US EPA method 3051+ EPA method 200.8	<0,05	2		-	
15	Niken (Ni)	ppm	US EPA method 3051+ EPA method 200.8	7,2	1.400		1.400	
16	Selen (Se)	ppm	US EPA method 3051+ EPA method 200.8	<0,05	20		20	
17	Tổng Xyanua	ppm	US EPA Method 9013A + US EPA 9010C + US EPA Method 9014	<0,1	590		590	
18	Muối florua(3)	mg/L	US EPA Method 1311+ SMEWW4500B&F:2023	<0,03		180		-
19	Tali	ppm	US EPA method 3051 + EPA method 200.8	<0,05	140		-	
20	Naphthalene	ppm	US EPA Method 3540C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D	0,03331	1.000		1.000	
21	Benzene	ppm	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C	0,8552	10		10	
22	Chlorobenzene	ppm	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C	0,0266	-		1.400	

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích. 2. Dấu "-" là chưa có được thực hiện hoặc không yêu cầu. 3. Dấu "(3)" là chưa có được công nhận và không thuộc phạm vi chứng nhận của Vimcerts
4. Không được sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của khách hàng. 5. Phòng thí nghiệm chỉ lưu mẫu phân tích 30 ngày kể từ ngày nhận (trừ mẫu lưu).

Lần ban hành: 02

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE., JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT
Đ/C: số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT		QCVN 50:2013/BTNMT	
					Hàm lượng tuyệt đối cơ sở, Htc (ppm)	Nồng độ ngâm chiết, Ctc (mg/L)	Hàm lượng tuyệt đối cơ sở, Htc (ppm)	Nồng độ ngâm chiết, Ctc (mg/L)
23	Toluene	ppm	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C	<0,007	20.000		20.000	
24	Phenol	ppm	US EPA method 3540C+ US EPA method 3630C+ US EPA method 8270D	<0,007	20.000		20.000	
25	Crom (VI)	ppm	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	<1,1	100		100	

Ghi chú:

- QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước;
- (a) Tính theo nồng độ ngâm chiết;
- (-): không quy định.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tâm	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Tất Đông

CTCP TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

-------✧-------

Số: 04 /BC/PHX

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-------- ✧ --------

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2026

UBND XÃ HÒA LẠC
ĐẾN Số:.....
Ngày: 09/01/26
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2025

Thực hiện theo quy định Pháp luật Bảo vệ Môi trường, Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A báo cáo công tác bảo vệ Môi trường năm 2025 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

Dự án *"Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính polyme rung ép trong môi trường chân không, có gia nhiệt"*

- Địa chỉ văn phòng: Số 167 phố Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, TP Hà Nội, Việt Nam.
- Địa điểm hoạt động: Tại Lô 10-5 đến 10-8 Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghiệp công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, TP Hà Nội.
- - Số điện thoại: 024.35551411 Fax: 024.33687095
- Người đại diện: **Hồ Xuân Năng**
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu.
- Quy mô sản xuất: 1.000.000 m^2 sản phẩm/năm *(theo thiết kế).*
- Tần suất hoạt động: Thường xuyên.
- Giấy đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu ngày 20/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 16/01/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.
- Mã số doanh nghiệp: 0104961939.
- Giấy phép môi trường: số 35/GPMT-CNCCN do Ban QL các Khu CNC và Khu CN Hà Nội cấp ngày 28/8/2025.
- Giấy chứng nhận ISO 14001 số: VN010297
- Khối lượng sản phẩm của năm báo cáo và năm gần nhất:

Bảng 1. Khối lượng sản phẩm sản xuất

Năm	Năm 2024	Năm 2025
Khối lượng sản phẩm *(m^2/năm)*	161.147	277.906

- Nguyên liệu, nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất:

Bảng 2. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
1	Điện	KWh	4.079.700	6.596.991
2	Nước	M^3	17.081	22.385
3	Gas	Kg	51.188	79.540
4	Dầu Diezel	Lít	41.802	44.231
5	Quatz	Kg	10.008.450	17.590.750
6	Resin	Kg	1.383.312	2.670.879

II. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

Bảng 3. Các công trình xử lý nước thải

STT	Công trình xử lý nước thải	Lưu lượng đã được cấp phép *(m^3/ngày đêm)*	Lưu lượng thực tế *(m^3/ngày đêm)*		Thay đổi so với kỳ báo cáo trước
			Năm 2024	Năm 2025	
1	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	25	6,9	7	Không

- Công ty không xả thải nước thải công nghiệp.
- Đến thời điểm hiện tại, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc chưa hoàn thành hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt nên Công ty đang tự xử lý, đảm bảo chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT theo Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 341/GP-UBND do UBND TP Hà Nội cấp ngày 21/10/2021 và Giấy phép môi trường số 35/GPMT-CNCCN do Ban QL các Khu CNC và Khu CN Hà Nội cấp ngày 28/8/2025.

1.2.1 Kết quả quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt

*** Trước khi được cấp GPMT số 35/GPMT-CNCCN**

- Thời gian quan trắc: Tháng 02, 4 năm 2025
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu/lần; 11 thông số.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT.
- Đơn vị thực hiện quan trắc:
  + Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍNH MÔI TRƯỜNG**
  + Trụ sở: Số 14, ngách 327/6, ngõ 327 phố Vũ Tông Phan, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam.
  + Số Vimcerts: 006.
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: không

- Đánh giá kết quả quan trắc theo giấy phép được cấp: Kết quả quan trắc các thông số nước thải sinh hoạt đều nằm trong giá trị cho phép tại QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, cột B (K=1).

*** Sau khi được cấp GPMT số 35/GPMT-CNCCN (ngày 28/8/2025):** Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường nước thải tự động, liên tục.

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

Bảng 4. Các công trình xử lý bụi và khí thải

STT	Công trình xử lý khí thải	Thay đổi *(nếu có)*	Công suất *(m^3/h)*	Lưu lượng phát thải *(m^3/h)*		Kết quả vận hành	Thay đổi so với kỳ báo cáo trước
				2024	2025		
1	Hệ thống xử lý bụi số 01 (nguồn 03)	Không	60.000	21.180.000	21.180.000	Hệ thống hoạt động bình thường	Không
2	Hệ thống xử lý bụi số 02 (nguồn 04)	Lắp bổ sung	35.000		2.975.000		- Lắp bổ sung - Đang VHTN
3	Hệ thống xử lý khí số 01 (nguồn 01)	Không	40.000	14.120.000	14.120.000		Không
4	Hệ thống xử lý khí số 02 (nguồn 02)	Lắp bổ sung	30.000		2.550.000		- Lắp bổ sung - Đang VHTN
5	Hệ thống xử lý khí số 03 (nguồn 05)	Lắp bổ sung	35.000		2.975.000		- Lắp bổ sung - Đang VHTN

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.2.1 Kết quả quan trắc định kỳ

*** Trước khi được cấp GPMT số 35/GPMT-CNCCN**

- Thời gian quan trắc: Tháng 01, 4 năm 2025.
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.
- Vị trí các điểm quan trắc:
  + Tại ống khói của hệ thống xử lý bụi số 01
  + Tại ống khói của hệ thống xử lý khí số 01
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02 mẫu/lần
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 20:2009/BTNMT; QCTĐHN 01:2014/BTNMT.
- Đơn vị thực hiện quan trắc:
  + Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

+ Trụ sở: Số 14, ngách 327/6, ngõ 327 phố Vũ Tông Phan, phường Khương Đình, TP Hà Nội, Việt Nam.

+ Số Vimcerts: 006

*** Sau khi được cấp GPMT số 35/GPMT-CNCCN**

- Thời gian quan trắc: Tháng 11 năm 2025.
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Vị trí các điểm quan trắc:

+ Tại ống khói của hệ thống xử lý bụi số 01.

+ Tại ống khói của hệ thống xử lý khí số 01.

+ Các vị trí khác: đang trong quá trình vận hành thử nghiệm.

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02 mẫu/lần.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 20:2009/BTNMT; QCTĐHN 01:2014/BTNMT.
- Đơn vị thực hiện quan trắc:

+ Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE**

+ Trụ sở: Liền kề 17-16, KĐT mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam.

+ Số Vimcerts: 301

- Đánh giá kết quả quan trắc theo giấy phép môi trường được cấp:

+ Kết quả quan trắc của hệ thống xử lý bụi đều nằm trong giới hạn cho phép được quy định tại QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội và QCVN 19:2009 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Kết quả quan trắc của hệ thống xử lý khí đều nằm trong giới hạn cho phép được quy định tại QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục

Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường khí thải tự động, liên tục.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thống kê CTRSH:

Bảng 5. Thống kê CTRSH phát sinh năm 2025

TT	CTRSH	Khối lượng *(tấn/năm)*	Khối lượng *(tấn/ngày)*	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm 2024 *(tấn)*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1	Chất thải rắn sinh hoạt	16,365	0,045	Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - URENCO 11	15,91

Tổng cộng	16,365	0,045		15,91

Thống kê CTRCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và không thường xuyên):

Bảng 6. Thống kê CTRCNTT phát sinh năm 2025

TT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng *(kg/ngày)*	Khối lượng *(kg/năm)*	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm 2024 *(kg)*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1	Chất thải phải xử lý *(Bột đá, bavia đá)*	10.198,5	3.722.500	Công ty Cổ phần phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường	3.021.575
2	Chất thải phải xử lý *(Nilon)*	331	120.800	Công ty CP Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - URENCO 11	-
Tổng cộng		10.529,5	3.843.255		3.021.575

4. Về quản lý chất thải nguy hại:

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Bảng 7. Thống kê CTNH phát sinh năm 2025

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng *(kg/ngày)*	Khối lượng *(kg/năm)*	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2024 *(kg)*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Dầu thải	15 01 07	2	730	Thiêu đốt	Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO11 - Số GPMT: 281/GPMT-BTNMT ngày 07 tháng 8 năm 2023	**580**
Vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu	18 02 01	1,863	680	Thiêu đốt		**750**
Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	0,795	290	Xúc rửa		**35**
Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	0,534	195	Xúc rửa		**15**
Bao bì mềm thải	18 01 01	0,005	15	Thiêu đốt		**43**
Pin, ắc quy thải	19 06 01	0,096	35	Phá dỡ, thu hồi, hóa lý		**0**
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	0,005	2	Nghiền nhỏ, Hóa rắn		**6**
Hộp mực in thải	08 02 04	0,005	2	Thiêu đốt		**5**
Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	0,001	1	Hóa rắn		**0**
Tổng số lượng						**1.464**

- Công ty **không** xuất khẩu, tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới:

+ Phổ biến công tác phân loại, thu gom, lưu giữ CTNH đối với chủ nguồn thải đến toàn bộ công nhân viên trong Công ty biết để luôn đảm bảo thực hiện tốt phân loại, tập kết và quản lý CTNH;

+ Kiểm tra, giám sát hằng ngày việc thực hiện quy định về phân loại và tập kết chất thải, đặc biệt là CTNH;

+ Tiếp tục thực hiện tốt việc lưu giữ CTNH phát sinh tại kho lưu giữa tạm thời của Công ty và duy trì Hợp đồng vận chuyển, xử lý CTNH với Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - URENCO 11 hoặc các đơn vị khác có năng lực phù hợp *(khi cần)*.

5. Về quản lý chất thải y tế: Không áp dụng

6. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường-

- Để phòng chống rủi ro dẫn đến hệ thống xử lý nước thải, công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

+ Đã xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố Môi trường;

+ Đã công ty xây dựng Quy trình ứng phó các tình huống khẩn cấp;

+ Đã tổ chức diễn tập sự cố tràn đổ hóa chất;

+ Bố trí kỹ sư và nhân viên vận hành, kiểm tra hàng ngày, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt;

+ Thực hiện các hoạt động kiểm tra định kỳ hệ thống phòng cháy chữa cháy tại nhà máy, kiểm tra tuân thủ quy định an toàn sử dụng hóa chất, kiểm tra sắp xếp kho bãi, sắp xếp, phân loại, tập kết chất thải thông thường, chất thải nguy hại;

+ Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; lập kế hoạch bảo trì, thay thế theo hàng năm;

+ Nhân lực ứng phó sự cố môi trường và kỹ thuật điện thiết bị luôn được bố trí thường trực để sẵn sàng ứng phó sự cố (đã trang bị tủ ứng phó sự cố khẩn cấp tại các khu vực trong nhà máy);

+ Liên hệ và thỏa thuận với đơn vị có đủ chức năng trong hoạt động xử lý nước thải để đảm bảo nhận được sự hỗ trợ tư vấn và xử lý kịp thời nếu có sự cố phát sinh;

- Năm 2025: Công ty không xảy ra sự cố môi trường nào và luôn tuân thủ đúng các quy định về pháp luật bảo vệ Môi trường.

6.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

- Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở:

+ Xây dựng hệ thống quy trình phòng ngừa, ứng phó tình huống khẩn cấp, trong đó có sự cố môi trường.

+ Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng hệ thống ứng phó sự cố.

+ Cung cấp đầy đủ vật tư thiết bị cần thiết cho quá trình phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.

+ Định kỳ diễn tập về phương pháp ứng phó khi xảy ra sự cố môi trường.

- Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở: không phát sinh sự cố nào.

7. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

Công ty không phát sinh chất thải chất ô nhiễm khó phân hủy và không có nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy theo quy định tại **Phụ lục XVII**: *Danh mục các chất POP và nội dung đăng ký miễn trừ theo quy định của công ước STOCKHOLM* - **Nghị định số 08/2022/NĐ-CP** ngày 10/01/2022 và Phụ lục XVII được sửa đổi bởi Mục 14 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

8. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền: không có

Nơi nhận:
- *Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;*
- *Ban QL các Khu CNC và Khu CN Hà Nội;*
- *UBND xã Hòa Lạc, TP Hà Nội;*
- *Lưu VT.*

CÔNG TY CP TD PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lưu Công An

BQL CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP
ĐẾN Số:.....
Ngày: 08/01/2026
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÁ THẠCH ANH TẤM LỚN SỬ DỤNG CHẤT KẾT DÍNH POLYME RUNG ÉP TRONG MÔI TRƯỜNG CHÂN KHÔNG, CÓ GIA NHIỆT VÀ XƯỞNG SẢN XUẤT SẢN PHẨM DI ĐỘNG TỰ HÀNH

Địa điểm:

Lô đất số CN2-10, Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội.

PHỤ LỤC 5
BIÊN BẢN KIỂM TRA

HÀ NỘI - THÁNG 10, 2026

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐOÀN KIỂM TRA
theo Quyết định số 82/QĐ-CNCCN
ngày 10/3/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Công bố Quyết định kiểm tra

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-CNCCN ngày 10/3/2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với một số Cơ sở hoạt động tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, thành phố Hà Nội *(sau đây gọi tắt là Quyết định số 82/QĐ-CNCCN ngày 10/3/2026).*

Hôm nay, hồi 13 giờ 30 phút, ngày 01 tháng 4 năm 2026, tại Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không, có gia nhiệt (gọi tắt là Cơ sở) do Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A là Chủ cơ sở, địa điểm: Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7 và ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội.

* Chúng tôi gồm:

I. Đoàn kiểm tra

1. Ông Nguyễn Văn Hùng, Phó Trưởng Phòng Xây dựng và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội: Trưởng đoàn;

2. Bà Tạ Thị Phương Chi, Chuyên viên Phòng Xây dựng và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội: Thành viên thư ký;

3. Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo, Chuyên viên Phòng Xây dựng và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội: Thành viên;

II. Đại diện Cơ sở được kiểm tra

1. Ông/bà: Cao Hoàng Long - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
2. Ông/bà: Tô Hoàng Hà - Chức vụ: Trưởng Ban HSE
3. Ông/bà: Nông Đức Tâm - Chức vụ: Kỹ sư môi trường

*** Nội dung:**

- Giới thiệu thành phần tham dự;

- Trưởng Đoàn kiểm tra công bố Quyết định số 82/QĐ-CNCCN ngày 10/3/2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội; Thông báo thời hạn kiểm tra là 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra tại nơi được kiểm tra. Thời hạn kiểm tra không bao gồm thời gian quan trắc, đo đạc và phân tích mẫu chất thải (nếu có); giám định và kiểm định mẫu chất thải (nếu cần thiết).

- Trong thời hạn kiểm tra, nếu Cơ sở thiếu hồ sơ, tài liệu có liên quan, yêu cầu Cơ sở tiếp tục cung cấp cho Đoàn kiểm tra theo địa chỉ: Phòng Xây dựng và Môi trường – Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội (Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng Long, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội).

III. Ý kiến của Cơ sở:

Đại diện lãnh đạo về pháp luật (hoặc người được ủy quyền bằng văn bản) của Chủ cơ sở đã được nghe Đoàn kiểm tra công bố; đã nhận Quyết định số 82/QĐ-CNCCN ngày 10/3/2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội.

Biên bản công bố Quyết định kiểm tra đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe, nhất trí thông qua; đại diện Đoàn kiểm tra và Chủ cơ sở được kiểm tra ký xác nhận. Biên bản được lập thành 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau, đã giao cho đại diện Cơ sở 01 (một) bản./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ	**TM. ĐOÀN KIỂM TRA**
	TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	
Cao Hoàng Long	**Nguyễn Văn Hùng**

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐOÀN KIỂM TRA
theo Quyết định số 82/QĐ-CNCCN
ngày 10/3/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Về việc kiểm tra thực hiện luật bảo vệ môi trường

Thực hiện Quyết định số 82/QĐ-CNCCN ngày 10/3/2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với một số Cơ sở hoạt động tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Quyết định số 82/QĐ-CNCCN ngày 10/3/2026).

Hôm nay ngày 02 tháng 4 năm 2026, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra tại: Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không, có gia nhiệt (gọi tắt là Cơ sở) do Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A là Chủ cơ sở, địa điểm: Lô đất CN2-10 (các ô 10-5, ô 10-6, ô 10-7 và ô 10-8) Khu công nghiệp công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội.

I. Thành phần Đoàn kiểm tra

1. Ông Nguyễn Văn Hùng, Phó Trưởng Phòng Xây dựng và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội: Trưởng đoàn;

2. Bà Tạ Thị Phương Chi, Chuyên viên Phòng Xây dựng và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội: Thành viên thư ký;

3. Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo, Chuyên viên Phòng Xây dựng và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội: Thành viên;

II. Đại diện Cơ sở được kiểm tra

1. Ông/bà: Cao Hoàng Long - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
2. Ông/bà: Tô Hoàng Hà - Chức vụ: Trưởng Ban HSE
3. Ông/bà: Nông Đức Tâm - Chức vụ: Kỹ sư môi trường

III. Nội dung kiểm tra

- Kiểm tra, đánh giá việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường (Kiểm tra hồ sơ pháp lý, kiểm tra thực tế tại hiện trường); đồng thời kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu kết luận, kiến nghị của các Đoàn thanh tra, kiểm tra có liên quan đến bảo vệ môi trường trước đây; ghi nhận biên bản hiện trạng.

- Lấy mẫu chất thải (nếu cần thiết) để quan trắc, phân tích chất lượng và đối chiếu, đánh giá kết quả theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành.

- Lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (nếu có); Trình cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Kết quả kiểm tra:

1. *Thông tin chung:*

- Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0104961939, đăng kí lần đầu ngày 20/10/2010, đăng kí thay đổi lần thứ 17 ngày 06/10/2025.

- Diện tích lô đất: 76.926 m^2

- Loại hình hoạt động tại cơ sở: Sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính polime rung ép trong môi trường chân không, có gia nhiệt.

- Thời gian đi vào hoạt động: năm 2015

- Số lượng công nhân: 298 người

2. Hồ sơ pháp lý

Tại thời điểm kiểm tra, Công ty đang hoạt động sản xuất bình thường.

3. Quản lý và xử lý chất thải

** Chất thải rắn sinh hoạt:*

Chất thải sinh hoạt được lưu giữ vào thùng chứa dậy nắp lín bên ngoài xưởng sản xuất tại khu vực có diện tích khoảng 21 m^2.

** Chất thải rắn thông thường:*

Chất thải rắn thông thường được lưu giữ lại kho chứa diện tích 1.245 m^2.

** Chất thải rắn nguy hại:*

Chất thải Nguy hại được lưu giữ lại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 50,5 m^2. Kho bố trí các thùng chứa riêng biệt, được dán mã theo quy định.

** Xử lý nước thải:*

- Nước thải phát sinh từ Công ty gồm:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của bếp ăn tập thể và vệ sinh của cán bộ, công nhân viên. Nước thải xử lý qua hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường qua 1 điểm xả.

+ Nước thải sản xuất được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý công suất 250 m^3/giờ và được tuần hoàn tái sử dụng, không xả ra môi trường

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực.

** Xử lý khí thải:*

- Khí thải của cơ sở được thu gom và xử lý bằng 05 hệ thống xử lý khí thải công suất lần lượt là 40.000 m^3/h, 30.000 m^3/h, 60.000 m^3/h, 350.000 m^3/h và 35.000 m^3/h trước khi xả ra môi trường.

- Tại thời điểm kiểm tra có:

+ 03 hệ thống xử lý khí thải đang trong giai đoạn vận hành thử nghiệm bao gồm: hệ thống xử lý khí thải công suất 30.000 m^3/h và 02 hệ thống xử lý khí thải công suất 35.000 m^3/h.

+ 02 hệ thống xử lý khí thải công suất 40.000 m^3/h và 60.000 m^3/h đang hoạt động bình thường. Tiến hành lấy mẫu khí thải tại ống thoát khí thải của 02 hệ thống xử lý khí thải này.

Hồ sơ của Cơ sở:

- Giấy phép môi trường số 35/GPMT-CNCCN ngày 28/8/2025.

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại số 393/2019/HĐCNDT ngày 25/6/2019 với Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11- URENCO11;

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số 02/2017/HĐ/XLRTSH ngày 27/04/2017 với Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11- URENCO11;

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số 2710/2025/PHX-DRET ngày 27/10/2025 với Công ty cổ phần phát triển công nghệ tài nguyên và môi trường;

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp số 01/2018/HĐCN/URENCO11 ngày 02/01/2018 với Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11- URENCO11 và các phụ lục đính kèm;

- Quyết định số 214/QĐ-CNCHL ngày 29/12/2021 của Trưởng ban Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc về việc cho thuê đất để thực hiện dự án "Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kế dính polyme rung ép trong môi trường chân không, có gia nhiệt" tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao 2- Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Hợp đồng thuê đất số 01/2022/HĐTĐ-CNCHL ngày 18/4/2022 với Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc;

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025. Báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường năm 2025.

- Hồ sơ năng lực của đơn vị thu gom chất thải nguy hại, hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở, chứng từ chất thải năm 2025.

- Nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý bụi, khí thải.

5. Lấy mẫu chất thải:

Tại thời điểm kiểm tra, Đoàn kiểm tra tiến hành lấy 01 mẫu nước thải trước khi chảy ra ngoài môi trường và 02 mẫu khí thải trước khi thải ra ngoài môi trường với sự chứng kiến của đại diện Công ty (có biên bản lấy mẫu kèm theo).

IV. Yêu cầu

* Yêu cầu Chủ cơ sở:

- Tiếp tục rà soát và cung cấp các hồ sơ về môi trường có liên quan (nếu có);

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm về bảo vệ môi trường theo quy định tại giấy phép môi trường đã được cấp, các quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường của khu công nghệ cao Hòa Lạc.

Cung cấp các tài liệu, hồ sơ còn thiếu liên quan đến hoạt động quản lý môi trường của Cơ sở (nếu có) gửi về Đoàn kiểm tra (thông qua Phòng Xây dựng và Môi trường – Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội (Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng Long, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội) ***trước ngày 07/04/2026***;

* Căn cứ kết quả của việc tiếp tục nghiên cứu hồ sơ khi Cơ sở xuất trình đầy đủ và kết quả phân tích nước thải, Đoàn kiểm tra sẽ tiếp tục làm việc, kiểm tra cơ sở và trình cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định. Thời gian cụ thể Đoàn sẽ thông báo tới Cơ sở sau (thông qua đầu mối liên lạc là ông/bà Tô Hoàng Hà, số điện thoại: 0904 697 987).

IV. Ý kiến của cơ sở được kiểm tra

Đại diện cơ sở hoàn toàn nhất trí với nội dung biên bản kiểm tra.

Biên bản làm việc này được lập thành 04 bản, Đoàn kiểm tra giữ 03 bản, Cơ sở giữ 01 bản, kết thúc lúc 17 giờ 00 phút cùng ngày, đã được đọc lại cho những người tham dự cùng nghe nghe, nhất trí thông qua; đại diện Đoàn kiểm tra và Cơ sở được kiểm tra ký xác nhận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ	**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA** **TRƯỞNG ĐOÀN**
M.S.D.N: 0104961939 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHƯỢNG HOÀNG XANH A&A THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC *Cao Hoàng Long*	**Nguyễn Văn Hùng**

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS: 332 VALAS: 151
Địa chỉ: Số 5/35 Đình Thôn, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 23 Lô C2 Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, P Dương Nội, Hà Nội
Tel: 0982.102.121, email: vncm.info@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 757/ 2026

1	Tên khách hàng	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
2	Địa chỉ	Km 29, Đại Lộ Thăng Long, xã Hòa Lạc, Hà Nội
3	Tên mẫu	Nước thải
4	Địa điểm lấy mẫu	Công ty Cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không, có gia nhiệt
5	Ký hiệu mẫu	NT01: Mẫu nước thải đầu ra; X=2320972; Y=556142
6	Ngày lấy mẫu: 02/04/2026	Ngày phân tích: 03/04/2026 đến 11/04/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT
				NT01	Cột A, K = 1,2
1	Lưu lượng	m3/h	VNCM.LLN	3,2	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	5-9
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)	mg/L	TCVN 6001- 1:2021	6,84	36
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	18,0	60
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	VNCM.TDS	292	600
6	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,01 (MDL)	6
7	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<3,0 (LOQ)	12
8	Coliform	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2023	1.300	3.000
9	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<3,0 (LOQ)	-
10	Sunfua (S^{2-})	mg/L	TCVN 6637:2000	<0,05 (MDL)	1,2
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	<0,03 (MDL)	-

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,2)

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp phân tích

- (-): Không quy định trong quy chuẩn

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2026

QA/QC	TP. PHÂN TÍCH	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Tào Văn Chí	ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn	ThS. Nguyễn Chính Quốc

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật Môi trường
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, VNCM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS: 332 VALAS: 151
Địa chỉ: Số 5/35 Đình Thôn, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 23 Lô C2 Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, P Dương Nội, Hà Nội
Tel: 0982.102.121, email: vncm.info@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 968/ 2026

1	Tên khách hàng	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
2	Địa chỉ	Km 29, Đại Lộ Thăng Long, xã Hòa Lạc, Hà Nội
3	Tên mẫu	Nước thải
4	Địa điểm lấy mẫu	Công ty Cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không, có gia nhiệt
5	Ký hiệu mẫu	NT01: Mẫu nước thải đầu ra; X=2320972; Y=556142
6	Ngày lấy mẫu: 24/04/2026	Ngày phân tích: 28/04/2026 đến 11/05/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT
				NT01	Cột A, K = 1,2
1	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,02	7,2
2	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO3-.E:2023	1,77	36

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,2)

- (-): Không quy định trong quy chuẩn

Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2026

QA/QC	TP. PHÂN TÍCH	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Tào Văn Chí	ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn	ThS. Nguyễn Chính Quốc

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật Môi trường.
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
3. Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, VNCM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS: 332 VALAS: 151
Địa chỉ: Số 5/35 Đình Thôn, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 23 Lô C2 Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, P Dương Nội, Hà Nội
Tel: 0982.102.121, email: vncm.info@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 758/ 2026

1	Tên khách hàng	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
2	Địa chỉ	Km 29, Đại Lộ Thăng Long, xã Hòa Lạc, Hà Nội
3	Tên mẫu	Khí thải
4	Địa điểm lấy mẫu	Công ty Cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không, có gia nhiệt
5	Ký hiệu mẫu	KT01: Dòng khí thải số 1; X=2320993; Y=556268
6	Ngày lấy mẫu: 02/04/2026	Ngày phân tích: 03/04/2026 đến 11/04/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 20:2009/ BTNMT
				KT01	
1	Lưu lượng	Nm^3/h	US EPA Method 2	26.782	-
2	Toluen	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	< 0,05 (MDL)	750
3	Styren	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	< 0,05 (MDL)	100
4	Benzen	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	< 0,05 (MDL)	5

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/ BTNMT - Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích

- (-): Không quy định trong quy chuẩn

- Lưu lượng tính theo khí ướt của KT01 là 26,880 m^3/h

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2026

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

QA/QC	TP. PHÂN TÍCH	
Tào Văn Chí	ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn	ThS. Nguyễn Chính Quốc

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

1. *Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật môi trường*
2. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;*
3. *Thời gian lưu mẫu 3 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, VNCM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
4. *Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.*

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS: 332 VALAS: 151
Địa chỉ: Số 5/35 Đình Thôn, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 23 Lô C2 Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, P Dương Nội, Hà Nội
Tel: 0982.102.121, email: vncm.info@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 759/ 2026

1	Tên khách hàng	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
2	Địa chỉ	Km 29, Đại Lộ Thăng Long, xã Hòa Lạc, Hà Nội	
3	Tên mẫu	Khí thải	
4	Địa điểm lấy mẫu	Công ty Cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không, có gia nhiệt	
5	Ký hiệu mẫu	KT02: Dòng khí thải số 3; X=2321006; Y=556228	
6	Ngày lấy mẫu: 02/04/2026		Ngày phân tích: 03/04/2026 đến 11/04/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				KT02	
1	Lưu lượng	Nm^3/h	US EPA Method 2	43.943	-
2	Bụi (PM)	mg/Nm^3	US EPA Method 5	11,25	162

Ghi chú:

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Qui chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội

- (-): Không quy định trong quy chuẩn

- Lưu lượng tính theo khí ướt của KT02 là 43.920 m^3/h

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2026

QA/QC	TP. PHÂN TÍCH	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Tào Văn Chí	ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn	ThS. Nguyễn Chính Quốc

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

1. *Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật Môi trường*
2. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;*
3. *Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, VNCM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
4. *Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.*

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1597 /CNCCN-XDMT
V/v thông báo kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A theo Quyết định số 82/QĐ-CNCCN ngày 10/03/2026

Hà Nội, ngày27 tháng 5 năm 2026

Kính gửi: Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A

Thực hiện Quyết định số 82/QĐ-CNCCN ngày 10/3/2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với một số Cơ sở hoạt động tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, thành phố Hà Nội, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra các nội dung theo Quyết định số 82/QĐ-CNCCN ngày 10/3/2026 tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A theo đúng quy định của pháp luật. Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội (Ban Quản lý) thông báo kết quả kiểm tra tại Công ty như sau:

1. Nội dung kiểm tra

Ngày 01/4/2026 và ngày 02/4/2026, Đoàn kiểm tra theo quyết định số 82/QĐ-CNCCN ngày 10/3/2026 đã thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Cơ sở "Nhà máy sản xuất nhựa Polyester không no có khả năng chịu bức xạ UV và bền thời tiết, ứng dụng trong sản xuất đá nhân tạo gốc thạch anh và vật liệu compozit khác" và Cơ sở "Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không, có gia nhiệt" do Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A là chủ đầu tư. Trong quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra các nội dung theo quyết định số 82/QĐ-CNCCN ngày 10/3/2026, thực hiện lấy mẫu nước thải và mẫu khí thải của Công ty trước khi xả ra môi trường. Các nội dung làm việc được ghi nhận tại Biên bản kiểm tra ngày 01/4/2026 và Biên bản kiểm tra ngày 02/4/2026.

2. Kết quả kiểm tra

2.1. Đối với Cơ sở "Nhà máy sản xuất nhựa Polyester không no có khả năng chịu bức xạ UV và bền thời tiết, ứng dụng trong sản xuất đá nhân tạo gốc thạch anh và vật liệu compozit khác"

Căn cứ Biên bản kiểm tra ngày 01/4/2026 và các Phiếu kết quả thử nghiệm số 751/2026 ngày 11/04/2026, số 967/2026 ngày 11/05/2026, số 752/2026 ngày 11/04/2026 và số 960/2026 ngày 29/04/2026, Ban Quản lý thông báo kết quả kiểm tra như sau:

- Công ty đã tích cực phối hợp với Đoàn kiểm tra trong quá trình làm việc, cung cấp hồ sơ, tài liệu theo nội dung kiểm tra của Đoàn kiểm tra, nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật về Bảo vệ môi trường.

- Kết quả phân tích 02 mẫu khí thải của Công ty trước khi xả ra môi trường tại phiếu kết quả thử nghiệm số 752/2026 ngày 11/04/2026 và số 960/2026 ngày 29/04/2026 do Viện nghiên cứu Công nghệ Kỹ thuật Môi trường thực hiện, so sánh đối chiếu với QCTĐHN 01:2014/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT cho thấy các thông số của các mẫu khí thải đạt Quy chuẩn cho phép.

- Kết quả phân tích 02 mẫu nước thải của Công ty trước khi xả ra môi trường tại phiếu kết quả thử nghiệm số 751/2026 ngày 11/04/2026 và số 967/2026 ngày 11/05/2026 do Viện nghiên cứu Công nghệ Kỹ thuật Môi trường thực hiện, so sánh đối chiếu với QCTĐHN 02:2014/BTNMT (Cột A với Kq=0,9; Kf=1,2) và QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K = 1,2) cho thấy các thông số của các mẫu nước thải đạt Quy chuẩn cho phép.

2.2. Đối với Cơ sở "Nhà máy sản xuất đá thạch anh tấm lớn sử dụng chất kết dính Polyme rung ép trong môi trường chân không, có gia nhiệt"

Căn cứ Biên bản kiểm tra ngày 02/4/2026 và các Phiếu kết quả thử nghiệm số 757/2026 ngày 11/04/2026, số 968/2026 ngày 11/05/2026, số 758/2026 ngày 11/04/2026 và số 759/2026 ngày 11/04/2026, Ban Quản lý thông báo kết quả kiểm tra như sau:

- Công ty đã tích cực phối hợp với Đoàn kiểm tra trong quá trình làm việc, cung cấp hồ sơ, tài liệu theo nội dung kiểm tra của Đoàn kiểm tra, nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật về Bảo vệ môi trường.

- Kết quả phân tích 02 mẫu khí thải của Công ty trước khi xả ra môi trường tại phiếu kết quả thử nghiệm số 758/2026 ngày 11/04/2026 và số 759/2026 ngày 11/04/2026 do Viện nghiên cứu Công nghệ Kỹ thuật Môi trường thực hiện, so sánh đối chiếu với QCTĐHN 01:2014/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT cho thấy các thông số của các mẫu khí thải đạt Quy chuẩn cho phép.

- Kết quả phân tích 02 mẫu nước thải của Công ty trước khi xả ra môi trường tại phiếu kết quả thử nghiệm số 757/2026 ngày 11/04/2026 và số 968/2026 ngày 11/05/2026 do Viện nghiên cứu Công nghệ Kỹ thuật Môi trường thực hiện, so sánh đối chiếu với QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K = 1,2) cho thấy các thông số của các mẫu nước thải đạt Quy chuẩn cho phép.

3. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A

Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A nghiêm túc thực hiện đầy đủ trách nhiệm về bảo vệ môi trường theo quy định tại giấy phép môi trường đã được cấp, các quy định của pháp luật và quy chế bảo vệ môi trường của khu công nghệ cao Hòa Lạc.

Trong quá trình triển khai thực hiên, nếu Công ty có vướng mắc gì đề nghị liên hệ Ban Quản lý để được hướng dẫn, giải quyết.

Trân trọng./.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Đinh Trần Quân

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lãnh đạo ban (để b/c);
- Lưu: VT, XDMT.